

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chương trình học chuyên ngành Văn hóa Du lịch và khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được sự chỉ bảo, hướng dẫn, giúp đỡ và góp ý của quý thầy cô, bạn bè và người thân.

Trước tiên, em xin trân trọng cảm ơn thạc sĩ Phạm Thị Hoàng Diệp, người đã động viên, hướng dẫn, chia sẻ cho em nhiều kinh nghiệm trong học tập và nghiên cứu đề tài, và cho em những lời khuyên bổ ích trong suốt quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô trong khoa Văn hóa Du lịch, trường Đại học dân lập Hải Phòng đã truyền đạt cho em nhiều kiến thức quý báu trong 4 năm học qua.

Em gửi lời cảm ơn đến tất cả bạn bè, những người thân đã luôn bên em, động viên và khuyến khích em trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp của mình.

Được sự giúp đỡ của Thầy Cô và bạn bè, cùng với những nỗ lực của bản thân, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài “*Khai thác giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ phát triển du lịch tại thành phố Huế*”. Do trình độ nghiên cứu và thời gian có hạn, khóa luận này chắc chắn không tránh khỏi có thiếu sót và hạn chế. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Sinh viên

Vũ Thị Ngọc Hà

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	5
1. Lý do chọn đề tài	5
2. Mục đích nghiên cứu.....	5
3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
5. Phương pháp nghiên cứu.....	8
6. Bố cục của đề tài.....	8
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA PHẬT GIÁO VÀ TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA PHẬT GIÁO HUẾ	9
1.1. Giới thiệu về văn hóa Phật giáo	9
1.1.1. <i>Vài nét về giá trị văn hóa Phật giáo thế giới.....</i>	9
1.1.2. <i>Giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam</i>	13
1.2. Quá trình du nhập và phát triển Phật giáo tại Huế	17
1.2.1. <i>Thời kỳ phong kiến.....</i>	18
1.2.2. <i>Công cuộc chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX</i>	23
1.2.3. <i>Thời kỳ hiện đại</i>	24
1.3. Các giá trị văn hóa Phật giáo tại thành phố Huế.....	26
1.3.1. <i>Kiến trúc.....</i>	26
1.3.2. <i>Điêu khắc</i>	28
1.3.3. <i>Âm nhạc - Lễ nhạc</i>	31
1.3.4. <i>Lễ hội</i>	34
1.3.5. <i>Ẩm thực chay Huế.....</i>	42
TIỂU KẾT	45
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ HUẾ	47
2.1. Hoạt động du lịch của Huế trong những năm gần đây	47
2.1.1. <i>Thừa Thiên - Huế - Trung tâm văn hóa du lịch miền trung</i>	47
2.1.2. <i>Hoạt động kinh doanh du lịch tại Huế.....</i>	48
2.1.2.1. <i>Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</i>	48
2.1.2.2. <i>Các loại hình du lịch được khai thác ở Huế</i>	50
2.1.2.3. <i>Khách du lịch và doanh thu du lịch.....</i>	50

2.2. Thực trạng khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ du lịch tại thành phố Huế	54
2.2.1. Khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo tại các ngôi chùa Huế	55
2.2.1.1. Du lịch tham quan.....	55
2.2.1.2. Du lịch thiện nguyện.....	63
2.2.2. Khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo Huế tại các lễ hội Phật giáo - Các kỳ Festival.....	65
2.2.2.1. Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2008 (Đại lễ Phật đản).....	65
2.2.2.2. Festival Huế 2010.....	68
2.2.2.3. Đại lễ Phật đản 2012 và 2013.....	73
2.3. Đánh giá thực trạng khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo tại thành phố Huế.	76
2.3.1. Những mặt đã đạt được	76
2.3.2. Những mặt chưa đạt được	80
TIÊU KẾT	83
CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHẬT GIÁO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ HUẾ	84
3.1. Định hướng phát triển du lịch của Thừa Thiên - Huế.....	84
3.1.1. Quan điểm phát triển	84
3.1.2. Mục tiêu phát triển.....	85
3.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo tại thành phố Huế	86
3.2.1. Định hướng bảo tồn và khai thác giá trị văn hóa Phật giáo Huế	86
3.2.2. Bảo lưu các giá trị văn hóa Phật giáo truyền thống Huế.....	89
3.2.2.1. Bảo tồn giá trị kiến trúc đặc sắc trong chùa Huế.....	89
3.2.2.2. Bảo tồn Lễ nhạc Phật giáo Huế	91
3.2.3. Tăng cường công tác nghiên cứu và Thành lập Nhà Bảo tàng Văn hóa nghệ thuật Phật giáo Huế	94
3.3. Một số giải pháp khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ phát triển du lịch tại thành phố Huế	97
3.3.1. Xây dựng các chuyên tour du lịch đến các chùa	97
3.3.1.1. Tour tham quan, văn cảnh chùa Huế trong thời gian một ngày	98
3.3.1.2. Tour du lịch hành hương	98
3.3.1.3. Du lịch thiện nguyện - Thực hành chánh pháp	99

3.3.1.4. Du lịch thiện nguyện - Sinh hoạt gia đình Phật tử	101
3.3.2. <i>Nâng tầm Lễ hội và tăng cường khai thác giá trị văn hóa Phật giáo trong các Lễ hội Phật giáo tại Huế</i>	102
3.3.3. <i>Hướng tới xây dựng Festival văn hóa tâm linh Huế</i>	105
3.3.3.1. Tiền đề tổ chức Festival tâm linh	105
3.3.3.2. Mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức Festival tâm linh.....	107
3.3.3.3. Phác thảo nội dung tổ chức Festival tâm linh.....	108
TIÊU KẾT	110
KẾT LUẬN	112
TÀI LIỆU THAM KHẢO	115
PHỤ LỤC	118
1. Một số chùa tiêu biểu ở Huế	118
2. Âm thực chay Huế	120
3. Lễ hội Phật giáo Huế.....	121
4. Tái hiện điệu múa Lục cúng hoa đăng tại Festival Huế 2010.....	122

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đạo Phật là một trong những học thuyết Triết học - tôn giáo lớn trên thế giới, tồn tại từ rất lâu đời. Với số lượng Phật tử đông đảo, hệ thống giáo lý phong phú được truyền bá sâu rộng trên thế giới, Phật giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự hình thành và phát triển của nhiều quốc gia, nhiều nền văn hóa, trong đó có Việt Nam.

Huế là nơi tụ điểm giao lưu nhiều trào lưu tư tưởng, nhiều nền văn minh văn hóa cổ đại trên dải đất Đông Dương nói riêng và trên thế giới nói chung, trong đó Phật giáo là dòng tư tưởng nổi bật nhất.

Suốt chiều dài lịch sử Huế là một trung tâm Phật giáo lớn. Kinh đô của triều Nguyễn cũng từng là thủ đô một thời của Phật giáo Việt Nam. Phật giáo truyền vào Thuận Hóa từ thuở vùng đất này còn nằm trong lòng vương quốc Champa, nhưng thực sự hưng thịnh thì phải đến khi các chúa Nguyễn chọn nơi này xây dựng thủ phủ của xứ Đàng Trong, rồi các thiền sư Việt Nam kế tục để cho các dòng thiền chảy dài đến ngày nay.

Phật giáo Huế trong dòng chảy văn hóa này đã tạo nên những nét đặc trưng, khi chính nơi đây từng là “kinh đô Phật giáo”, thấm đẫm tinh thần Phật giáo trong lối sống, ứng xử của con người xứ Huế. Văn hóa Phật giáo tiềm ẩn nhiều giá trị độc đáo mang nét riêng cho xứ Huế, thấp thoáng trong những ngôi tự viện, trong nghệ thuật Phật giáo, trong văn hóa ẩm thực chay và trong những lễ hội chùa đặc sắc, mang lại sức hút thúc đẩy du lịch phát triển. Đó là điều mà ngành du lịch Huế nói riêng và du lịch Việt Nam nói chung cần tiếp tục khám phá và thấu hiểu những giá trị quý báu của văn hóa Phật giáo để khai thác tốt hơn.

Với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào việc giới thiệu với du khách trong và ngoài nước về những giá trị văn hóa Phật giáo tại Thành phố Huế, đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa Phật giáo Huế, từ đó thúc đẩy việc khai thác những giá trị này, tương xứng với tiềm năng và lợi thế của du lịch Huế, người viết đã chọn đề tài “*Khai thác giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ phát triển du lịch tại thành phố Huế*” làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Qua việc tìm hiểu những giá trị văn hóa Phật giáo tại Thành phố Huế để nắm bắt, hệ thống hóa những giá trị về kiến trúc, giá trị về điêu khắc, nghệ thuật, lễ hội

và ẩm thực đặc sắc, từ đó kết nối với phát triển du lịch, nghiên cứu thực trạng khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo của Huế trong đời sống và trong du lịch.

Trên cơ sở tìm hiểu về thực trạng khai thác hiện nay, người viết sẽ tiến hành phân tích, tổng hợp, rút ra kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh khai thác và bảo tồn giá trị văn hóa Phật giáo Huế phục vụ một cách có hiệu quả vào sự phát triển du lịch tại Thành phố Huế.

3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Phật giáo và văn hóa Phật giáo là thành tố có ảnh hưởng sâu đậm trong văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa Huế nói riêng. Việc nghiên cứu Phật giáo Huế cũng như văn hóa Phật giáo Huế là chủ đề của nhiều chuyên luận, bài nghiên cứu công phu từ trước đến nay. Tiêu biểu có thể kể đến các bài viết:

“Nét riêng Phật giáo Huế” tác giả Hoàng Ngọc Vĩnh (1995) nói về quá trình hình thành và phát triển Phật giáo ở Huế, ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Phật giáo Huế trong đời sống người dân Huế.

Sách “Lịch sử Phật giáo Đàng Trong ” của tác giả Nguyễn Hiền Đức do Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh phát hành năm 1995, đã nói về quá trình du nhập, hình thành và phát triển của Phật giáo vào Đàng Trong Việt Nam.

Trong tác phẩm “Lịch sử Phật giáo xứ Huế” của các tác giả Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm do Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh phát hành năm 2001, phần bàn về bản sắc văn hóa Phật giáo Huế từ trang 570 đến trang 678 đã nêu lên một số nét khác biệt của chùa tháp, pháp khí, tượng Phật ở Huế với các vùng quê khác , một số đóng góp của Phật giáo Huế đối với xã hội Huế như góp phần làm cho con người Huế trở nên thanh nhã; cảnh chùa nhà vườn ở Huế là môi trường sinh thái hấp dẫn, là những đóng góp về nghệ thuật rất Huế. Ngoài ra, Phật giáo Huế còn tích cực đóng góp trong việc nâng cao trình độ học vấn, chăm sóc y tế cộng đồng và hoạt động từ thiện tích cực ở Huế.

Như vậy từ trước tới giờ chưa có nhiều đề tài tập trung nghiên cứu tổng quan và hệ thống về toàn bộ các giá trị văn hóa Phật giáo của thành phố Huế, cũng chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập đến việc khai thác giá trị văn hóa Phật giáo để phục vụ du lịch tại Huế. Như vậy, việc nhận diện các giá trị văn hóa Phật giáo, đánh giá thực trạng nhằm đưa ra một số giải pháp đẩy mạnh hiệu quả khai thác phục vụ du lịch có ý nghĩa quan trọng và thiết thực trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo mà du lịch được coi là một trong những ngành mũi nhọn, tiên phong. Mặt khác, điều này cũng giúp cho sự phát triển đa dạng và đặc

sắc sản phẩm du lịch của Huế, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch cổ đô Huế nói riêng và du lịch Việt Nam nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu của đề tài là các giá trị văn hóa Phật giáo Huế như kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc, lễ hội, ẩm thực chay và thực trạng khai thác những giá trị này trong du lịch. Còn phạm vi nghiên cứu của đề tài chủ yếu đi sâu vào tìm hiểu không gian nghệ thuật của các ngôi tự viện Huế cũng như các lễ hội Phật giáo diễn ra tại thành phố Huế.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài này, người viết đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu: Là phương pháp chính được sử dụng trong đề tài. Trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau có liên quan tới đề tài nghiên cứu, người viết sẽ xử lý, chọn lọc để có những kết luận cần thiết, có được tầm nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu. nhằm có một cái nhìn tổng quan nhất về loại tài nguyên giá trị còn đang bị bỏ ngỏ này.

Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp: Phương pháp này giúp định hướng, thống kê, phân tích để có cách nhìn tương quan, phát hiện ra các yếu tố và sự ảnh hưởng của yếu tố tới hoạt động du lịch trong đề tài nghiên cứu; việc phân tích, so sánh, tổng hợp các thông tin và số liệu mang lại cho đề tài cơ sở trong việc thực hiện các mục tiêu dự báo, các định hướng và giải pháp phát triển du lịch trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục thì bố cục của bài khóa luận bao gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về văn hóa Phật giáo và tổng quan về văn hóa Phật giáo Huế.

Chương 2. Thực trạng khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo trong hoạt động du lịch tại thành phố Huế.

Chương 3. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ phát triển du lịch tại thành phố Huế.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA PHẬT GIÁO VÀ TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA PHẬT GIÁO HUẾ

1.1. Giới thiệu về văn hóa Phật giáo

Cũng như trường hợp tôn giáo, triết học, thẩm mỹ..., thật khó tìm một định nghĩa xác đáng cho văn hóa. Trong ý nghĩa chung, văn hóa là một mẫu thức tập hợp kiến thức, tín ngưỡng và thái độ ứng xử của con người. Như thế, văn hóa bao gồm ngôn ngữ, tư tưởng, niềm tin, tập quán, luật tắc, thể chế, công cụ, kỹ thuật, nghệ thuật, nghi lễ và các thành tố liên hệ khác. Sự phát triển văn hóa tùy thuộc vào khả năng học tập và truyền đạt kiến thức từ thế hệ trước cho thế hệ sau.

Văn hóa, nói theo nghĩa đen của nó, là dùng cái đẹp (văn) để giáo hóa người. Phật giáo lấy việc độ sanh làm cứu cánh, do đó văn hóa được xem như nền tảng của Phật giáo. Và như thế, văn hóa Phật giáo bao gồm cả hệ thống giáo lý, tư tưởng triết học, mỹ học, ngôn ngữ biên soạn kinh điển (Phạn, Pali), tập tục, qui tắc... Tuy nhiên, trong phạm vi của đề tài này, chỉ xin đề cập đến những giá trị văn hóa Phật giáo cụ thể như kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc và vũ đạo, ẩm thực Phật giáo và gọi chung là các loại hình nghệ thuật Phật giáo.

1.1.1. Vài nét về giá trị văn hóa Phật giáo thế giới

Trước hết chúng ta tìm hiểu sơ qua quá trình phát triển của Nghệ thuật Phật giáo. Thời kỳ đầu, nghệ thuật Phật giáo chỉ hạn chế trong các bức vẽ hoặc điêu khắc về chân Phật, tòa Kim cương, cội Bồ-đề ... để tượng trưng cho Đức Phật. Đến khi Phật giáo Đại thừa phát triển, nhờ sự tiến bộ của xã hội mà hình tượng Phật được tôn tạo, các loại hình nghệ thuật khác cũng theo đó mà phát triển.

Hội họa: Nghệ thuật hội họa ra đời tại Ấn Độ từ rất sớm, dấu tích để lại trong các bức bích họa tại quần thể chùa hang Ajanta ở miền Trung Ấn có niên đại từ trước công nguyên. Ở Trung Quốc, các danh họa nhiều đời cũng thường vẽ nhiều bích họa cho các tự viện, nổi tiếng có các vị Cổ Khải Chi, Lục Thám Vi, Trương Tăng Dao, Viên Tử Ngang, Ngô Đạo Tử, Lý Công Lân... Ngoài ra, tranh thủy mặc được xem là phong cách đặc hữu của Thiền tông Trung Quốc, chỉ với hai màu đen trắng mà phát họa được tinh thần khai phóng của tâm linh cũng như làm

cho thể giới ngoại tại sống động, lung linh. Từ đời Tống về sau, các bích họa khổ lớn dần dần ít đi, được thay thế bằng tượng Tổ sư, La hán; mặc hội và thư pháp nhân đó cũng phát triển. Ở Nhật Bản, vào thời Muromachi (thế kỷ XV), giới Thiền họa mô phỏng theo mặc họa đời Tống của Trung Quốc phát triển rực rỡ, nổi tiếng có các vị Như Chuyết, Chu Văn, Tuyết Chu... Tóm lại, nghệ thuật hội họa Phật giáo tập trung ở chủ đề miêu tả Phật tượng, Tổ sư, về sau phát triển và mượn ngoại cảnh để biểu hiện nội tâm. Tuy không phong phú về hình thể, song nó là kho tàng quý báu về hội họa của Đông phương [6; 8].

Điều khắc: Việc đắp tạo và điêu khắc tượng Phật đến thế kỷ I mới bắt đầu thịnh hành. Đại tháp Amaravati được xây dựng vào thế kỷ IV - V, trên lan can có Phật truyện đồ với những dụng cụ bằng vàng. Di phẩm nổi tiếng nhất về nghệ thuật điêu khắc là tượng khắc trong động đá Ajantà ở Panjab, được khen là “Cung nghệ thuật phương Đông”. Bên trong có nhiều bích họa, còn bên ngoài có nhiều điêu khắc, các nhân vật đều rất trang nghiêm sinh động, đậm hơi thở tôn giáo. [6; 8]

Nói chung, Phật tượng có nhiều loại, được đúc tạo bằng nhiều chất liệu như vàng, bạc, gỗ, đá, xi măng, thạch cao ..., kiểu dáng cũng rất đa dạng. Khi Phật giáo truyền đến các nước Trung Quốc, Nhật Bản, nghệ thuật điêu khắc tượng Phật phát triển cực thịnh. Phật tượng phần nhiều được đúc bằng kim loại để thờ trong chùa viện, có khi điêu khắc trong các hang động, tạo tượng to lớn giữa cảnh quan thiên nhiên để mọi người chiêm bái, hoặc khắc chạm cả sườn núi, vách núi làm Đại Phật. Nói chung, càng về sau tượng Phật càng được nhân cách hóa, là do ảnh hưởng cung đình Trung Quốc mà các thời đại Tùy, Đường, Tống, tượng Phật được khắc tạo rất đẹp, đầy đặn và sinh động, y quan lộng lẫy, nét mặt hiền từ. [6; 8]

Ngày nay, nghệ thuật điêu khắc, đắp vẽ tượng Phật đã phát triển đến mức hoàn mỹ. Nghệ thuật truyền thống kết hợp với kỹ thuật và thẩm mỹ Tây phương, như kỹ hà học, lập thể ... làm cho nghệ thuật điêu khắc, phù điêu, đắp tạo tượng Phật ngày càng tinh xảo và hiện đại. Nhưng giá trị cổ điển vẫn là giá trị văn hóa, giúp chúng ta hiểu rõ được nhận thức và tâm hồn của mỗi dân tộc qua nhiều thời đại khác nhau.

Kiến trúc: Trong các loại hình nghệ thuật Phật giáo, nghệ thuật kiến trúc là phong phú nhất, chúng bao gồm rất nhiều hình thức, và mỗi hình thức cũng có

những cách thể hiện khác nhau. Khi Đức Phật còn tại thế, tương truyền đã có tinh xá Kỳ Viên thiết trí đầy đủ bản điện, liêu xá, nhà kho, nhà khách, nhà bếp, nhà kinh hành, nhà tắm, tiền đường, ao sen, nhà dưỡng bệnh. Nhưng những kiến trúc đương thời còn lại về sau chủ yếu có Tháp (Stùpa), Tháp viện (Caitya-grīha), Tăng viện (Vihāra), Tháp nhọn (Sūikhara). Thông thường các hình thức này cấu thành một ngôi già lam, vật liệu chủ yếu là gạch, đá.

Nói chung, kiến trúc Phật giáo của các nước thường tùy theo nhân văn và địa lý ở mỗi vùng mà có điểm đặc sắc riêng. Các kiến trúc ở Tích Lan phần lớn giống ở Ấn Độ; còn Miến Điện, Thái Lan, Campuchia thì có xen tạp kiến trúc bằng gỗ. Boro - Budur ở Java (Indonesia) là một kiến trúc bằng đá đại quy mô biểu hiện cho Mạn-đồ-la 9 tầng của Mật giáo¹. Các đại tự viện ở Tây Tạng thì phần nhiều được xây cất trên những gò đất nghiêng dưới chân núi, phối hợp với nhiều loại kiến trúc liên tiếp tại một chỗ, tạo thành một cảnh quan đường phố như phong cách châu Âu. Kiến trúc Phật giáo Trung Quốc phần nhiều mô phỏng theo hoàng cung, lấy sự đối xứng để phối hợp tả hữu, sơn môn và điện Thiên vương, điện Đại hùng, Pháp đường, Phương trượng đều xếp thẳng hàng. Hai bên trái và phải theo thứ lớp thiết trí lầu chuông trống, điện già lam và điện Tổ sư, khách đường và Vân thủy đường... Kiến trúc của Phật giáo Trung Quốc có thể nói đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật nhờ sự bảo trợ của triều đình [6; 9]. Các nước Phật giáo theo hệ Bắc truyền phần nhiều ảnh hưởng phong cách này, nhưng màu sắc và vật liệu thì tùy không gian và thời gian mà có thay đổi. Nhật Bản thì nhẹ nhàng đơn giản, Việt Nam thì áp ủ hài hòa. Nói chung, kiến trúc Phật giáo là nét son trong văn hóa nghệ thuật phương Đông.

Thi ca: Thi ca là một loại văn vần, ngôn từ hàm súc, chuyển tải nội dung sâu sắc. Tác dụng của thi ca là nhằm răn bảo nhân sinh, hoặc miêu tả trạng thái nội tâm, hoặc thuật lại sự vật với một thể điệu riêng. Nói chung, đó là một nét đẹp giao cảm giữa cảnh vật tự nhiên và nội tại, do đó trong Phật giáo, thể tài thi ca vô cùng phong phú.

Ở Ấn Độ, hình thức ban sơ của thi ca được gọi là Già-đà (Phạn: Gāthā), dịch ý là Kệ tụng. Về thể luật, kệ tụng có nhiều thể khác nhau. Thơ Phật giáo xưa nhất là

¹ Mạn-đồ-la là một cái đàn hình tròn, hình vuông, hình hoa sen hay tam giác, thường được làm bằng vàng, bạc ... dùng để phối trí hình tượng, chủng tử, ấn, chân ngôn của chư tôn trong Mật giáo [6].

Kinh Pháp cú. Ở Trung Quốc, thi ca Phật giáo phần lớn miêu tả tâm cảnh khai ngộ của Thiền tăng. Qua các triều đại Đường-Tống, thi ca Phật giáo được sáng tác rất nhiều, được tập hợp trong các Ngũ lục, hoặc những áng thơ gom thành thi tập, hoặc những trường ca chuyên tải nội dung chứng đạo... Các thi nhân nổi tiếng đời Đường như Vương Duy, Bạch Cư Dị đã để lại rất nhiều thơ có phong vị Phật giáo. [6; 10]

Tóm lại, tùy theo mỗi không gian và thời gian, tùy theo cảm quan nội tại của từng tác giả, thi ca Phật giáo đã trở thành một kho tàng quý báu trong rừng hoa văn học nghệ thuật của nhân loại.

Âm nhạc: Âm nhạc Phật giáo kế thừa nên âm nhạc cổ điển Ấn Độ, xuất hiện vào khoảng 2000 năm đến 1500 trước Tây lịch. Vào thế kỷ II, âm nhạc Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ, đến thế kỷ V - VI thì rất hưng thịnh, truyền sang các nước Tây Vực, Trung Quốc, thúc đẩy nên vũ nhạc cung đình nhà Đường phát triển cao độ. Vở ca kịch đại quy mô đầu tiên của Phật giáo là Long vương chi hỷ (Nagananda) do vua Giới Nhật soạn vào thế kỷ VII. Đến đời vua Vũ Đế (nhà Ngụy, Trung Quốc), ông Tào Thực (Trần Tư Vương), một thiên tài về âm nhạc vốn rất say mê Phạn khúc, ông từng sáng chế pháp Phạn bài tại Ngư Sơn, huyện Đông A, tỉnh Sơn Đông. Nền tảng Thanh minh Trung Quốc từ đây mới được thiết lập, thay vì dùng cách ca xướng “Thất âm giai” như Ấn Độ thì Trung Quốc dùng “Ngũ âm giai”.

Âm nhạc Phật giáo phát triển theo sự truyền bá giáo lý, truyền đến các nước Đông Nam Á và mang tính chất đặc thù của mỗi dân tộc. Các nước Phật giáo theo hệ Bắc truyền thì ngoài những loại hình âm nhạc mang tính chất phổ cập, Phạn bài được sử dụng rất sinh động trong nghi thức lễ tụng, mỗi miền có mỗi âm điệu riêng biệt, vừa sáng tạo, thiên vị, vừa dễ thu phục lòng người.

Nhạc khí được sử dụng trong âm nhạc Phật giáo cũng rất đa dạng. Thông thường có ba loại: Huyền (Viniā), quản (Vamīsūi) và đả (Dundubhi). Từ thế kỷ II về sau có sử dụng thêm đàn Tỳ bà 5 dây, hoặc Trang-ân (Tsaun, xưa có 7 dây, nay thường dùng 13 dây). Khi âm nhạc Phật giáo truyền sang các nước khác thì thường sử dụng kết hợp với các nhạc khí đặc biệt của mỗi dân tộc, như Ngạc cầm (Magyun) của Miến Điện; tang, linh, mõ, khánh, bạt... của Tây Tạng, Trung Quốc, Việt Nam [5; 11].

Tóm lại, Phật giáo có một nền nghệ thuật lâu đời, dù bị biến thể qua sắc thái của mỗi dân tộc, nhưng nghệ thuật Phật giáo chính là lễ giáo, nhằm dắt dẫn con người hướng thiện, chứ không kích động hoặc ru ngủ người đời vào cảnh tụy sinh mộng tử.

1.1.2. Giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam

Trong cộng đồng nhân loại, bất cứ chủng tộc nào, có tinh thần độc lập, có ý chí tự cường, có lịch sử đấu tranh lâu dài thì chủng tộc đó nhất định có sáng tạo văn hóa để thích ứng với mọi hoàn cảnh địa lý, với những điều kiện thực tế để tự cường, sinh tồn và phát triển.

Dân tộc Việt Nam là một chủng tộc có ngôn ngữ riêng biệt thuần nhất, có nền văn hóa nhân bản đặc thù, siêu việt và nền văn hóa này có khả năng chuyển hóa, dung hợp tinh hoa của nhiều nền văn hóa nhân loại biến thành chất liệu sống và ý nghĩa sự sống bồi dưỡng cho sinh mệnh dân tộc mang tính chất Rồng Tiên nảy nở phát triển và trường tồn bất diệt trải dài lịch sử hơn bốn ngàn năm văn hiến kể từ khi lập quốc cho đến ngày nay.

Ngay từ trước công nguyên, Phật giáo đã được ông cha ta lựa chọn để tôn thờ, để tu tập và định hướng cho con cháu đời sau hộ trì tuân giữ. Đạo Phật đã trở thành nguồn mạch văn hóa tâm linh của dân tộc, mang lại cho dân tộc Việt Nam con đường đạo đức hướng thượng cao đẹp. Trong suốt hai ngàn năm qua, đạo Phật luôn luôn có mặt trong lòng dân tộc Việt Nam khắp nẻo đường đất nước và gắn bó với dân tộc Việt Nam trong mọi thăng trầm vinh nhục. Có thể nói văn hóa Phật giáo suốt dòng lịch sử đã hòa mình và hợp nhất với nền văn hóa Việt tộc trở thành một tổng thể bất khả phân ly qua ngôn ngữ, qua tư tưởng, được biểu lộ nơi mọi nếp sinh hoạt xã hội, nơi nếp sống tâm linh. Nói một cách khác, Phật giáo đã hòa quyện vào lòng dân tộc, dung hợp với tín ngưỡng bản địa cũng như các tư tưởng khác, tham gia vào việc xây dựng và bảo vệ đất nước, từ đó hình thành cho dân tộc Việt một nền văn hóa phong phú, sinh động, đậm đà bản sắc, có ảnh hưởng lớn lao đối với dân tộc đến nỗi có thể nói nền văn hóa Phật giáo là nền văn hóa dân tộc.

Như vậy, Phật giáo không phải chỉ là tôn giáo thuần túy, Phật giáo là đạo đức, là trí tuệ, tôn giáo này không chỉ tạo ra tư tưởng khoan hòa nhân ái trong chính sách an dân trị quốc của các vương triều Lý, Trần thời văn hóa Đại Việt, qua thời gian, Phật giáo còn góp phần rất quan trọng trong việc định hình lối sống, phong

tục, hình thành tư tưởng tình cảm, chuẩn mực giá trị văn hóa Việt Nam. Vượt qua chốn thờ tự tôn kính linh thiêng, Phật giáo đã tham dự vào cấu trúc văn hóa Việt với tư cách là thành tố văn hóa tinh thần, nhưng lại để lại dấu ấn sâu sắc cả trong văn hóa sinh hoạt vật chất.

Từ khi mới du nhập, với tư tưởng giải thoát khỏi mọi khổ đau, được hiểu như là giải thoát khỏi ách nô lệ áp bức của phương Bắc, Phật giáo mang đến một niềm hy vọng, một ý chí tự chủ tự cường cho nhân dân. Với sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, Phật giáo đã có vị thế vững vàng và có sức lan tỏa mạnh, những công trình văn hóa Phật giáo phát triển không ngừng. Chùa chiền ngay từ buổi đầu không chỉ là những trung tâm sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, mà còn là cơ sở giáo dục, y tế, tư vấn về nhiều mặt trong đời sống xã hội... Nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc Phật giáo như trung tâm Luy Lâu, các tự viện, tượng đài... đã tạo nên những dấu ấn văn hóa sâu đậm trong lòng dân tộc. Được vua triều Lý, Trần ủng hộ, hoạt động của Phật Giáo có mặt ở khắp hang cùng ngõ hẻm, làng nào cũng có chùa có tháp. Chùa làng đã từng một thời đóng vai trò trung tâm văn hóa tinh thần của cộng đồng làng xã Việt Nam, chùa không những là nơi giảng đạo cầu kinh, thờ cúng Phật mà còn là nơi hội họp, di dưỡng tinh thần, tham quan văn cảnh. Các công trình kiến trúc và điêu khắc trên lãnh thổ Việt Nam, trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc đã tạo thành một khuynh hướng thẩm mỹ độc đáo: những mái chùa cong vút gần gũi, duyên dáng, những tượng đài Thích Ca, tượng Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay, các bộ tượng La Hán với những đường nét tinh xảo, sống động. Ở Việt Nam, nghệ thuật tạo tượng cũng phát triển rất sớm. Từ khi hình thành trung tâm Phật giáo Luy Lâu, các tượng Phật đã được tôn tạo một cách tỉ mỉ, nổi tiếng nhất ở Việt Nam là tượng gỗ, chạm trổ công phu, như tượng Man Nương, Kim Đồng Ngọc Nữ ở chùa Dâu (chùa Pháp Vân), chùa Keo (chùa Pháp Vũ) ở Hà Bắc, các tượng La-hán, tượng Tuyết Sơn ở chùa Mía (chùa Sùng Nghiêm), chùa Tây Phương ở Hà Tây. Các tượng Phật ở các chùa Đur Hàng, chùa Phổ Chiếu ở Hải Phòng sau này cũng ảnh hưởng rất lớn hình thái tượng ở Hà Tây, vừa sinh động mà lại vừa hiền từ, biểu hiện rõ nét suy tư và tình cảm của tâm hồn người Việt. Các ngôi chùa cổ ở miền Nam Việt Nam cũng còn bảo lưu rất nhiều tượng Phật bằng gỗ quý, nhưng tượng Phật ở vùng này lại ảnh hưởng Phật giáo hệ Nam truyền từ Cao Miên truyền sang, tượng Phật đen đúa, khắc khổ hơn.

Đặc biệt, khi đến với Việt Nam trong buổi bình minh của lịch sử, Phật giáo đã tìm đến với văn hóa dân gian để kết thành duyên nợ, để từng bước tạo được chỗ đứng trong tâm thức nhân dân bằng truyền thuyết Man Nương kỳ bí và huyền ảo. Nơi gặp gỡ của Phật giáo và tín ngưỡng dân gian bản địa đã trở thành bảo tàng lịch sử văn hóa dân tộc để từ đó Phật giáo luôn gắn bó và đồng hành với đất nước Việt Nam, con người Việt Nam. Bởi văn hóa dân gian là sản phẩm sáng tạo của nhân dân, kết tinh trí tuệ, thể hiện khát vọng và tâm tư tình cảm của chính nhân dân. Tìm đến với văn hóa dân gian, kết hợp với tín ngưỡng dân gian là Phật giáo đã tìm đến với nguồn cội của văn hóa dân tộc, tìm đến với sức sống và bản sắc của văn hóa Việt Nam.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam tạo ra nền văn học, nghệ thuật Phật giáo đặc sắc, sự ảnh hưởng Phật giáo không ngừng ở phạm vi từ ngữ mà nó còn lan rộng, ăn sâu vào những ca dao dân ca và thơ ca của người dân Việt Nam. Ca dao dân ca là một thể loại văn vần truyền khẩu, dễ hiểu trong dân gian, được lưu truyền từ đời này sang đời khác, bao gồm nhiều đề tài khác nhau, và đều thấm nhuần tư tưởng đạo lý của Phật giáo. Có thể nói trong tâm hồn của mỗi con người Việt Nam đều có chứa đựng ít nhiều triết lý nhà Phật và những hình ảnh về ngôi chùa, về Phật. Danh từ chuyên môn của Phật Giáo như: trí tuệ, từ bi, thiện ác, nhân quả, nghiệp báo... nếu tách rời ra khỏi nền văn học Việt Nam thì văn hóa Việt tộc trở nên khô cứng không còn sức sống tinh anh nữa. Chúng ta cũng có thể đơn cử ra đây một vài câu tục ngữ để chứng minh giá trị sự hội nhập của văn hóa Phật Giáo trong văn hóa Việt, điển hình như những từ ngữ: “Tội nghiệp quá!”, “Hằng hà sa số”, “Ta bà thế giới”, ”Lù khù như ông Cù độ mạng”...

Ca dao là những câu hò tiếng hát theo giọng điệu tự nhiên, phát xuất từ tâm hồn mộc mạc đầy tình cảm của người bình dân Việt Nam, được lưu truyền trong dân gian. Những câu ca dao này mang tính chất tư tưởng, tình cảm của dân tộc nhằm diễn tả luân lý, đạo đức, tình ý, phong tục, tập quán, trạng thái thiên nhiên, đặc tính xã hội của từng thời kỳ. Tư tưởng Phật Giáo thâm nhập vào ca dao Việt Nam tự bao giờ và tản mát khắp tâm hồn của người bình dân, không có ranh giới thời gian cũng như không có khu biệt không gian. Điển hình như những bài ca dao sau đây đượm nhuần tư tưởng của Phật Giáo:

Ai ơi! Hãy ở cho lành,
Kiếp này không được, để dành kiếp sau.

Hay để nói về triết lý vô thường của kiếp người:

Cuộc đời đâu khác loài hoa,
Sớm còn tối mất nở ra lại tàn.

Nền văn học bác học của dân tộc Việt Nam đã được ảnh hưởng nền văn hóa Phật Giáo có thể tạm lấy mốc câu khởi điểm từ nền văn học chữ Nôm và tiếp đến nền văn học chữ Hán trở về sau. Đứng trên lĩnh vực nền văn học bác học, văn hóa Phật giáo đã dung hóa vào văn hóa Việt vô cùng phong phú. Cụ thể như tác phẩm Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều, Truyện Kiều của Nguyễn Du, cho đến Văn Học Lý Trần đều thấm nhuần các tư tưởng của đạo Phật như nhân sinh là cõi mộng, thuyết nhân quả, lý vô thường...

Bên cạnh đó, các Thiên sư Việt phân nhiều đều có sáng tác thi văn, biểu hiện tính sáng tạo độc lập, sự nội chứng trác tuyệt và phong cách tự tại an nhiên. Qua các triều đại anh hùng của lịch sử như Lý, Trần, thi ca Phật giáo rạng ngời với tên tuổi của những Thiên sư Vạn Hạnh, Mãn Giác, Viên Chiếu, Huyền Quang... Có thể nói rằng các tác phẩm văn học đầu tiên của nước ta trước thế kỷ 15 hầu hết đều mang nội dung Phật giáo.

Không chỉ có vậy, Phật giáo còn là khởi nguồn cho vô số lễ hội của Việt Nam mà mỗi một lễ hội đều là một bảo tàng văn hóa dân tộc. Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc biệt, bản thân nó là một kho lịch sử khổng lồ, tích tụ vô số những lớp phù sa văn hóa, là bảo tàng sống về sinh hoạt văn hóa, chứa đựng các giá trị tinh thần sâu sắc. Trong lễ hội là kho tàng phong tục tín ngưỡng, là ứng xử của con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, là những lớp văn hóa trầm tích và được lưu giữ suốt chiều dài lịch sử. Lễ hội xuất phát từ tôn giáo tín ngưỡng sẽ thỏa mãn các nhu cầu của con người về đời sống tâm linh, đời sống văn hóa. Có thể điểm qua những lễ hội Phật giáo tiêu biểu như Đại lễ Vesak (rằm tháng tư), Lễ Vu lan bồn, Lễ Phật thành đạo...

Bên cạnh các giá trị văn hóa kể trên, khi nói đến Phật giáo chúng ta không thể bỏ qua ẩm thực chay của văn hóa Phật giáo. Phong tục ăn chay đang mở rộng khắp nơi, ngay cả Châu Âu ngày càng có nhiều người nhận ra lợi ích từ việc ăn chay. Các nhà khoa học đều cho rằng ăn chay rất hợp vệ sinh và không kém phần bổ dưỡng. Trên tinh thần đó, nên người Việt Nam dù không phải là Phật tử cũng thích ăn chay, và tập tục này đã ảnh hưởng sâu rộng trong mọi giai tầng xã hội Việt

Nam từ xưa đến nay. Ở Việt Nam, tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế và các thành thị khác đều có các cửa hàng ăn chay.

Như vậy, trong dòng chảy văn hóa Việt Nam, sức ảnh hưởng của Phật giáo đã trở thành một yếu tố quan trọng được ngưng kết lại trong đạo đức, văn học, trong kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc, lễ hội, ẩm thực. Đó chính là những giá trị văn hóa trường tồn đã đóng góp chung vào kho tàng văn hóa của dân tộc.

Nhìn vào các loại hình nghệ thuật Phật giáo chúng ta có quyền tự hào về sự đa dạng và phong phú của nó. Nếu tìm hiểu được ngọn nguồn của nền nghệ thuật ấy, chúng sẽ cho ta một sự hiểu biết đúng đắn và chân xác về tác dụng của chúng đối với tâm hồn như thế nào. Đôi lúc do không hiểu, các tác phẩm nghệ thuật đã bị ngấm nhìn dưới cái nhìn thần quyền, huyền bí, hay bị xem thường, lãng quên trong sự vô tình hay thiếu tri thức của con người. Người xưa hết sức kỹ lưỡng khi chế tác, thiết kế các tác phẩm, nhờ đó chúng có mặt lâu dài với thời gian và vẫn được tôn trọng, bảo tồn.

Ngày nay có một số chùa viện do không nắm được hết ý nghĩa quan trọng của các loại hình nghệ thuật, cho nên đã không tuân thủ theo những quy tắc chung hay mô phỏng theo những dạng thức của các nền văn hóa khác, vô tình chúng ta không những đánh mất chính mình, đánh mất cái kho tàng vô giá của người xưa để lại, mà còn hạ thấp chính mình. Khi xây dựng một ngôi chùa, tạc một pho tượng, kiến trúc một tòa tháp, chế tác một công cụ ..., tất cả cần phải tìm và hiểu được giá trị độc đáo của chúng, ngõ hầu bảo tồn và phát huy nền nghệ thuật trác vời của Phật giáo.

Giá trị của văn hóa Phật giáo luôn giữ một vị thế quan trọng trong tổng thể văn hóa Việt. Sự hiện hữu của Phật giáo qua mấy nghìn năm lịch sử góp phần làm nên bản sắc của dòng giống Lạc Hồng. Phật giáo với bản chất là trí tuệ, là từ bi, sẽ tiếp tục phát huy vị thế linh hoạt, nhạy bén của mình theo phương châm tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam để cùng đồng hành với dân tộc, thực hiện nhiệm vụ chất lọc và kết tinh những giá trị văn hóa tiên tiến trở thành một phần hồn cốt tinh hoa của dân tộc Việt Nam.

1.2. Quá trình du nhập và phát triển Phật giáo tại Huế

1.2.1. Thời kỳ phong kiến

Không phải ngẫu nhiên các nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam cho rằng “Bình minh lịch sử dân tộc ta cũng gắn liền lịch sử Phật giáo”. Nói như vậy, thiết nghĩ triết lý sống của người Phật tử Việt Nam có thể bắt nguồn, thứ nhất là từ tiến trình hình thành phát triển lịch sử dân tộc Việt; thứ hai là từ quá trình tiếp biến giáo lý căn bản Phật giáo mà dân tộc ta đã trải nghiệm, hành trình trong đời sống thực nghiệm tâm linh. Chính hai cội nguồn đó đã tạo ra và phát triển những nét chung và đặc thù của triết lý sống của người Phật tử Việt Nam trong tiến trình dựng nước, giữ nước, mở nước, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và hội nhập của đất nước, cũng như việc truyền bá chánh pháp, đem lại hạnh phúc cho mọi người dân nước Việt.

Thực tiễn cho thấy, Phật giáo đã tồn tại ở Việt Nam hơn 2000 năm. Một thời gian khá dài để cho dân tộc Việt Nam, từ thế hệ này sang thế hệ khác có thể chất lọc từ trong giáo lý đạo Phật mọi yếu tố thích hợp nhất với điều kiện lịch sử - xã hội của dân tộc ta, đất nước ta, để đồng hành cùng với dân tộc ta, đất nước ta khẳng định sự tồn tại của mình như một dân tộc, một đất nước tự do độc lập với tất cả mọi bản sắc văn hóa thích hợp, phóng khoáng không bài ngoại và càng không lệ thuộc ngoại.

Phật giáo du nhập vào miền Bắc Việt Nam từ trước công nguyên bằng nhiều con đường, đường biển và đường bộ, từ Ấn Độ và từ Trung Hoa. Tuy nhiên khi Phật giáo hưng thịnh ở Đại Việt (Bắc bộ ngày nay) dưới thời Lý - Trần thì tại dải đất miền Trung - lúc này vẫn thuộc lãnh thổ của vương quốc Chăm Pa (địa giới hành chính từ Quảng Bình đến Bình Thuận), tôn giáo chính được thừa nhận là Bà La Môn giáo. Trên thực tế, Phật giáo cũng được truyền từ Ấn Độ vào Chăm Pa từ rất sớm và đã từng hưng thịnh dưới thế kỷ IX, X. Tuy nhiên, sau đó Bà La môn giáo và sau này là Ấn Độ giáo chiếm vị trí độc tôn, Phật giáo tại Chăm Pa dần suy thoái. Mọi sự chỉ thay đổi khi Quảng Bình và hai châu Ô - Lý (Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế ngày nay) lần lượt thuộc về lãnh thổ Đại Việt vào các năm 1069 (đời vua Lý Thánh Tông) và 1306. Đặc biệt, với sự kiện năm 1306, vua Chế Mân cắt 2 châu Ô, Lý cho nhà Trần làm sính lễ cưới công chúa Huyền Trân chính thức đánh dấu vùng đất Thừa Thiên - Huế ngày nay thuộc về lãnh thổ Việt Nam. Cùng với việc di dân người Việt tiến vào khai phá vùng đất mới, những phong tục tập quán và tín ngưỡng, tôn giáo mà người Việt theo cũng từng bước được mang vào vùng đất này. Vị tăng sĩ xuất hiện đầu tiên để giáo hóa cho dân chúng chính là đức Điều ngự giác hoàng Trần Nhân Tông, sau đó ngài đã điều thêm các vị tăng khác vào để

làm chỗ dựa về mặt tinh thần cho người dân. Phật giáo từng bước lại được khôi phục từ đó.

Sau nhà Trần, từ thế kỷ thứ XI đến thế kỷ thứ XIII, chiến tranh giữa Nam triều - nhà Lê Trung hưng và Bắc triều - nhà Mạc đã xảy ra; tiếp đến cuộc chiến Trịnh - Nguyễn phân tranh kéo dài dẫn đến nhân dân ta phải chịu một đời sống khổ đau, loạn lạc. Trong một bối cảnh lịch sử Việt Nam nội chiến phân tranh như vậy, một lần nữa triết lý sống của người Phật tử Việt Nam lại được vận dụng, thực thi trong đời sống thực tiễn, nhất là trong việc xây dựng vương triều nhà Nguyễn, mở mang bờ cõi, thống nhất đất nước, thiết lập một xã hội an bình, hạnh phúc.

Do đó, từ khi Nguyễn Hoàng được phong tước Đồn Quốc Công và được bổ nhiệm trấn thủ vùng đất Thuận Hóa và với sứ mệnh mở cõi xứ Đàng Trong từ năm 1558, thì các chúa Nguyễn đã chọn Phật giáo là ngọn nguồn quy tụ mọi tầng lớp dân chúng để thực hiện chủ trương dùng chánh pháp để an dân, quản dân trong việc thiết lập quốc gia, mở mang bờ cõi. Xứ Đàng trong là vùng đất mới, nơi đây hội tụ mọi tầng lớp trong xã hội bất mãn chính trị từ 2 cuộc nội chiến khiến dân tình loạn lạc, xã hội phân ly, cũng như các thành phần dân cư người Chiêm thành, Chân Lạp thuần phục người Việt, kể cả sau này người Hoa di dân sang. Trong hoàn cảnh như vậy, triết lý sống Phật giáo của dân Việt bấy giờ được vận hành bằng cách quy tụ sức mạnh đoàn kết toàn dân. Do đó, trong thời gian chúa Nguyễn Hoàng trấn giữ hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam, chúa đã chủ trương đoàn kết, thu phục nhân tài, nắm giữ lòng dân, trong tinh thần hướng đến Quốc thái dân an: *“Võ về quân dân, thu dụng hào kiệt, quân lệnh nghiêm trang, mở mang ngoại thương, khiến cho dân trong cõi an cư lạc nghiệp”*. [27]

Kết quả chỉ trong thời gian ngắn trị vì xứ Thuận Quảng, chúa đã biến một vùng bất an trở thành đô hội lớn, với một hệ thống chùa chiền được trùng tu và xây dựng, Phật pháp được hoằng dương, dân an cư lạc nghiệp, thuyền buôn các nước đến nhiều như sử sách đã ghi. Rõ ràng, các chúa Nguyễn đều là những người Phật tử lãnh đạo quốc gia đã rút ra bài học kinh nghiệm của cha ông trong tiến trình dựng nước, giữ nước và mở nước, là phải biết vận dụng sức mạnh toàn dân qua việc thực thi triết lý sống và hành động của đạo Phật trong đời sống thực tiễn.

Không phải ngẫu nhiên mô hình kiến lập quốc gia được thiết lập theo kết cấu *“Đất vua - Chùa làng - Phong cảnh Bụt”* được giới lãnh đạo Quốc gia và Phật giáo từ xưa đến nay nỗ lực xây dựng nhằm bảo vệ chủ quyền đất nước, cũng là bảo vệ

đạo pháp, bảo vệ văn hóa nước nhà. Ba thành tố đó thực chất chỉ là một, bởi vì suy cho cùng đất là của vua, tức là của dân; trong đó mỗi làng đều có chùa, mà chùa thì do sư ở và trông coi đời sống số đông quần chúng Phật tử thực thi đời sống đạo. Đây cũng là câu trả lời tại sao khi vào vùng đất mới Thuận Hóa, xứ Đàng Trong, chúa Nguyễn Hoàng đã tiến hành xây dựng ngôi chùa Thiên Mụ vào năm 1601 ở đồi Hà Khê, xã Giang Đạm, huyện Kim Trà, Thuận Hóa, thể theo huyền sử có bà già áo đỏ quần xanh, ngồi trên đỉnh đồi nói sẽ có một vị chân chúa đến xây dựng chùa ở đây “để tụ khí thiêng, cho bền long mạch” như sách *Đại Nam thực lục tiền biên* đã ghi. Năm sau, trong vai trò lãnh đạo, chúa đứng ra tổ chức lễ hội trai đàn, niệm kinh giải oan và cầu cho Quốc thái dân an. Điểm đáng nói, trên đường về chúa thấy một thảo am sụp đổ, chúa cho lệnh trùng tu lại để phụng thờ Phật và sai Cai bạ lâm đề biển Sùng Hóa tự với mục đích là cầu phúc cho dân chúng được sống an lành ở huyện Phú Vang cũng thuộc dinh Thuận Hóa. Năm Quý Mão 1603, chúa tổ chức đại lễ Phật đàn tại chùa này với mục đích không chỉ tạ ơn Tam bảo về những thành tựu đạt được của quần dân mà còn khẳng định với các nước láng giềng về sức mạnh nội tại của dân tộc Việt Nam không có một thế lực nào có thể phân ly. Trong ngày lễ ấy, thần dân thiên hạ kéo đến xem hội rất đông, ai nấy đều hoan hỷ: *“khá sánh với hội lớn vô già, mọi bề công đức hoàn thành, lòng Chúa hết mực thư thái. Từ đó Chúa rộng mở thi hành nhiều việc chính sự giáo hóa, ơn chăm trăn họ, bề tôi thán phục vui lòng, các nước láng giềng đều đến thăm, thiên hạ xưng tụng cho là bậc vua sáng ở đời thái bình”* [27]

Trong tinh thần nhập thế, đem đạo vào đời, các chúa Nguyễn còn tiến hành thiết lập hệ thống chùa làng làm nơi quy tụ quần chúng, phổ biến giáo lý đạo đức nhà Phật. Qua 9 đời chúa Nguyễn (1558-1788), với lũy Trường Dục và sông Gianh (1624) làm giới tuyến, Phật giáo Bắc và Nam (Việt Nam) không liên hệ với nhau. Các chúa Nguyễn dù đề cao Nho giáo nhưng cũng mộ Phật giáo, dùng Phật giáo để thu phục nhân dân, góp phần củng cố địa vị của mình. Thời kỳ này rất nhiều chùa đã được khai sơn tôn tạo tại Huế. Các chúa Hiển Tông (1691-1725), Ninh Vương (1725-1738), Võ Vương (1738-1765) đều trọng giới Bồ tát. Các chúa khác rất quan tâm đến việc trùng tu chùa chiền và ủng hộ sự hoàng dương Phật pháp. Chúa Hiển Tông đã tạo điều kiện và đích thân mời các thiền sư Trung Quốc truyền đạo Phật đến Huế và Đàng Trong. Phái Lâm Tế do thiền sư Hoán Bích Tạ Nguyên Thiều (1665-1729) cùng các thiền sư đồng môn của mình truyền đến Huế. Phái thiền Tào Động do thiền sư Thạch Liêm Đại Sán và các đệ tử của ông là Quốc sư Quả Hoảng,

thiền sư Khắc Huyền khai sơn truyền pháp ở các chùa Thiên Mục, Thiên Lâm, Khánh Vân, Hàm Long (Bảo Quốc) muộn hơn so với Đàng Ngoài 100 năm.

Công lao phát triển Phật pháp sâu rộng ở Đàng Trong thuộc về chúa Nguyễn Phúc Chu, pháp danh Hưng Long, hiệu Thiên tủng đạo nhân, trong thời gian 34 năm trị vì, chúa là người tạo nhiều công đức lớn trong việc phát triển Phật giáo Đàng trong. Các nhà sư danh tiếng của Trung Hoa đã đến xứ Đàng Trong hoằng pháp và được chúa tạo điều kiện xây dựng chùa chiền và tôn vinh ban hiệu. Ngài Viên Cảnh, Viên Khoan, thiền sư Nguyễn Thiều lập chùa Thập Tháp Bình Định, chùa Quốc Ân Huế, thiền sư Từ Lâm dựng chùa Từ Lâm ở Huế năm 1697, thiền sư Từ Dung khai sơn chùa Ân Tôn (tức chùa Từ Đàm ở Huế) vào năm 1703, Thiền sư Liễu Quán quê ở tỉnh Phú Yên, khai sơn chùa Thuyền Tôn (Huế) và cũng là người có công lớn trong việc Việt hóa thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong. Dấu ấn lớn của chúa là ngoài việc thỉnh thiền sư Đại Sán Trung Hoa sang để tổ chức Giới đàn, thọ Bồ tát giới, còn cho trùng tu chùa Thiên Lâm, xây dựng thêm nhiều công trình ở chùa Thiên mục, đúc quả chuông đồng lớn nhất nặng 3285 cân tại chùa này để phụng thờ Tam Bảo, mà ngày nay chúng ta có thể đọc phần ghi công đức tạo dựng chuông: “*Đại Việt quốc chúa Nguyễn Phúc Chu tự Động thượng chính tông tam thập đại, pháp danh Hưng Long, chú tạo hồng chung (trọng tam thiên nhị bách bát thập ngũ cân) nhập vu ngự kiến Thiên Mục thiền tự, vĩnh viễn cung phụng Tam bảo*” (Tạm dịch: Chúa nước Đại Việt Nguyễn Phúc Chu, nói dòng Tào động, đời thứ 30, pháp danh là Hưng Long, đúc quả chuông lớn này (nặng 3285 cân) an trí ở chùa Thiên Mục để mãi mãi cung phụng Tam bảo) [8; 22].

Để duy trì và phát triển Phật giáo xứ Đàng Trong, làm chỗ dựa vững chắc trong tiến trình mở mang bờ cõi, thống nhất đất nước về lâu về dài, một trong những Phật sự được các chúa Nguyễn chú trọng là tổ chức giới đàn, đào tạo Tăng tài, duy trì mạng mạch Phật giáo. Năm 1695, chúa Nguyễn Phúc Chu cho tổ chức một Đại giới đàn có qui mô quốc gia tại chùa Thiên Lâm - Thuận Hóa (Huế). Trên từ Quốc chúa, đến bá văn đều ủng hộ, số giới tử đến cầu thọ giới lên đến nghìn người. Tiếp đó chúa cho mở trai đàn, thỉnh thiền sư thuyết pháp, mời các tăng nhân thiết cúng trai tăng cúng dường, đãi trà cho tân giới đệ tử, ban thêm 300 quan tiền, sai lính gánh 100 thạch gạo về chùa Thiên Lâm. Vinh dự cho các giới tử là chúa đã ấn triệu của chúa vào giới điệp giới tử cấp phát cho tăng nhân và người tham dự giới đàn. [8; 22].

Như vậy, thông qua việc tổ chức Đại giới đàn, Phật giáo dưới triều chúa Nguyễn Phúc Chu đã thực sự tạo ra một nguồn nhân lực Tăng tài cho Phật giáo, hoàng dương Phật pháp bấy giờ. Trên hết giới Phật giáo Đàng trong có điều kiện giao lưu văn hóa Phật giáo Trung hoa, trong buổi đầu phát triển Phật giáo, làm cơ sở tạo lập quốc gia. Đồng thời, Chúa cũng bước đầu tạo niềm tin Phật pháp đối với quần chúng trong việc an dân; nhất là xây dựng được một số Phật tử xuất thân từ hoàng tộc thuộc thành phần lãnh đạo quốc gia, đóng vai trò là những vị hộ quốc an dân trong tiến trình mở mang bờ cõi, thống nhất đất nước.

Tuy nhiên, năm 1775, khi nhà Trịnh đưa quân từ Bắc Hà chiếm được Phú Xuân, năm 1786 Phú Xuân bị quân Tây Sơn chiếm lại, các chúa Nguyễn bỏ vào Nam, do hậu quả của chiến tranh nên chùa chiền xứ Thuận Hóa gần như bị bỏ hoang. Chỉ đến khi Gia Long Nguyễn Ánh chính thức lên ngôi vua thành lập ra nhà Nguyễn vào năm 1802, Phật giáo mới ít nhiều được phục hồi. Mặc dù triều Nguyễn lựa chọn Nho giáo làm quốc giáo song cũng khuyến khích Phật giáo phát triển. Với tư tưởng “cư Nho, mộ Thích”, “dĩ Phật, tải Nho” nên trong nửa đầu thế kỉ XIX, cả ba vị vua khai sáng đều có những hành động tích cực trong việc chấn hưng Phật giáo: tu sửa, xây dựng chùa chiền, trọng dụng cao tăng. Không chỉ chùa xứ Huế và quanh kinh thành mà từ Bắc vào Nam, vô số chùa chiền đã được vua Minh Mạng, Thiệu Trị chu cấp tiền của, tượng Phật, pháp khí để trùng tu, xây dựng. [8; 23].

Tuy nhiên, trong cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình diễn ra vào năm 1868 của Đoàn Trưng, Đoàn Trục, do có một số nhà sư trực tiếp tham gia, nên vua Tự Đức đã dự định giết hết tăng sĩ ở Huế. Nhờ Thái hậu Từ Dũ can thiệp, nên mệnh lệnh này không được ban ra nhưng số chùa còn hoạt động chỉ còn 24 ngôi chùa và 24 vị tăng trụ trì [30]. Đây là giai đoạn suy thoái nhất của Phật giáo xứ Thuận Hóa kể từ khi Nguyễn Hoàng đi mở cõi. Bước sang thế kỉ XX, Phật giáo đã không còn được sự quan tâm của triều đình, nhưng đó lại là tiền đề cho phong trào chấn hưng Phật giáo diễn ra mạnh mẽ vào cuối những năm 20 của thế kỉ XX. Như vậy, trong suốt một thời gian dài, từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, Huế lần lượt là thủ phủ rồi kinh đô của đất nước, cùng với chính sách khuyến khích của các chúa Nguyễn và sau này là vương triều Nguyễn, Phật giáo đã có điều kiện phát triển trở thành một bộ phận gắn liền với đời sống tâm linh của đông đảo người dân nơi đây. Tư tưởng, triết lý Phật giáo vì vậy có sự ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa vùng đất này.

1.2.2. Công cuộc chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX

Thời kì 1930-1945 là thời kì Phật giáo Huế chấn chỉnh, phục hồi, phát triển, củng cố địa vị của mình trong quần chúng nhân dân. Giai đoạn 1930-1945 cũng là giai đoạn mà tình hình nước ta diễn ra nhiều biến chuyển lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xuất hiện nhiều giai cấp, cũng như tôn giáo, với phong trào đấu tranh của quần chúng mang sắc thái mới. Để duy trì sự tồn tại và phát triển của tôn giáo mình, các cao tăng Phật giáo có trách nhiệm phải chấn chỉnh, để phát triển theo tiến trình lịch sử của nước nhà, cứu vãn hiện trạng Phật giáo đang có sự phân hóa, tạo niềm tin cho Phật tử, gây ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng và thoát khỏi sự lệ thuộc vào chính quyền thực dân và tay sai.

** Sự ra đời của Hội An Nam Phật Học*

Từ nhiều năm đầu thế kỉ XX với những biến chuyển của tình hình trong và ngoài nước đã tạo những tiền đề cho việc chấn chỉnh và phát triển Phật giáo Huế. Một cuộc họp gồm các tăng già, tăng sĩ, cư sĩ đã được tiến hành ở Huế để thành lập Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học năm 1931 và Hội An Nam Phật học năm 1932.

** Việc thành lập Phật học đường trên toàn quốc*

Trước năm 1920 ở Huế cũng như toàn quốc chưa có cơ sở giảng về Phật học. Mãi đến khi Hội An Nam Phật học ra đời, các Phật học đường mới tuần tự được thành lập. Các Phật học đường mở ra nhằm đào tạo tăng ni có tài năng, đức độ làm nòng cốt cho tiến trình phát triển của Phật giáo ở Huế nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung trong giai đoạn 1930-1945 và sau này.

Với sự cố gắng, Hội đã lãnh đạo được các Phật học đường, đào tạo được tăng ni trụ cột, là bước đầu trong quá trình phát triển Phật giáo Việt Nam nói chung, Huế nói riêng cũng như đặt nền móng cho việc thống nhất Phật giáo sau này, Hội còn chú trọng đến việc truyền bá giáo lí, nhằm phát triển Phật giáo trong quần chúng, nhất là về mặt thông tin tư tưởng với việc xuất bản báo chí của Hội lấy tên là *Viên Âm*. Trong hoàn cảnh khó khăn chung của lịch sử nước nhà giai đoạn 1930-1945 sự xuất hiện Nguyệt san Viên Âm đã góp phần sống lại truyền thống của Phật giáo Việt Nam, chuẩn bị một bước tổ chức rộng rãi hơn là thành lập *Gia*

đình Phật tử - một tổ chức Phật giáo đông đảo trong mọi giai tầng xã hội theo đạo Phật. [27]

** Việc thành lập tổ chức Gia đình Phật tử*

Gia đình Phật tử là tổ chức bao gồm mọi thành phần lứa tuổi, giới tính từ nhi đồng, thiếu niên, thanh niên nam nữ Phật tử. Năm 1940, tổ chức này nằm dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của Cư sĩ Lê Đình Thám, Đình Văn Nam, Đình Văn Vinh, Võ Đình Cường, Ngô Điền... Năm 1950, Hội nghị Gia đình Phật tử đầu tiên được khai mạc tại tổ đình Từ Đàm, Huế và danh hiệu "Gia đình Phật tử" chính thức phát xuất từ Hội nghị này. Hai gia đình Phật tử đầu tiên được thành lập là Gia đình Phật tử Hướng Thiện và Gia Thiện. [27]

Với hệ thống Gia đình Phật tử, từ hình thức một lớp học do Hội An Nam Phật học tổ chức gồm thanh thiếu niên tin Đức Phật, hoặc có cảm tình với Phật giáo, vào năm 1961 phát triển lên đến 50-100 gia đình Phật tử. Và kể từ ngày thành lập Gia đình Phật tử "Đạo Phật không phải chỉ dành cho người già mà còn là của tuổi thơ"

Những hoạt động của Hội An Nam Phật học đã đáp ứng một phần nhu cầu đòi hỏi sự duy trì và phát triển Phật giáo ở Thừa Thiên - Huế, tạo không khí mới phù hợp với đà tiến triển của dân tộc và Phật giáo thế giới.

Các Phật học đường ở Huế trong giai đoạn 1930-1945 đã đào tạo được nhiều tăng tài làm nòng cốt, hầu điền khuyết tăng tài lãnh đạo ở các địa phương và phát triển bền vững Phật giáo Việt Nam ở các tỉnh trên toàn quốc.

Như vậy có thể thấy: khi quyền lực chính trị của triều đình không còn thì cũng là lúc Phật giáo Thuận Hóa bước vào giai đoạn suy thoái. Chùa chiền bị bỏ hoang, đổ nát, các nhà sư phiêu tán, thậm chí vào giai đoạn cuối thế kỉ XIX, nhiều ngôi chùa còn bị triều đình ra lệnh dẹp bỏ. Tuy nhiên, Phật giáo không những mất đi mà còn trở thành một tôn giáo lớn, một nền tảng tư tưởng văn hóa lớn với hàng nghìn năm lịch sử, tồn tại và phát triển cùng với sự thăng trầm của lịch sử.

1.2.3. Thời kỳ hiện đại

Thời kì 1945 - 1975, với nhiều biến chuyển trên chính trường Việt Nam, đây là giai đoạn đấu tranh sống còn của Phật giáo ở Miền Nam Việt Nam nói chung và Thừa

Thiên-Huế nói riêng với nhiều tăng sĩ, cư sĩ, Phật tử tự thiêu, tham gia đấu tranh phản đối chế độ Ngô Đình Diệm, Nguyễn Khánh, Nguyễn Văn Thiệu. Mặc dù có một số tăng sĩ bị chính quyền Mỹ - Diệm lợi dụng làm phân hóa Phật giáo, nhưng nhờ vững tin vào sự trường tồn của đạo pháp và dân tộc nên đã đứng vững và tiếp tục phát triển mạnh mẽ từ sau khi nước nhà thống nhất năm 1975 đến nay.

Năm 1951, “Tổng hội Phật giáo Việt Nam” được thành lập tại chùa Từ Đàm - Huế với các vị Tăng thống hội chủ đầu tiên là người Huế, hoặc trưởng thành tại Huế. Từ 1952, Huế là một trong ba thủ phủ Phật giáo của cả nước. Năm 1963, chùa Từ Đàm là trụ sở cho các cấp lãnh đạo Phật giáo Việt Nam họp ra “Tuyên cáo 5 nguyện vọng bảo tồn Phật pháp”, mở đầu cho phong trào Phật giáo đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu, đế quốc Mỹ và nhóm phản động Thích Tâm Châu, Thích Tâm Giác, Thích Quảng Liên trong giai đoạn 1963-1974. Phật giáo Huế đã từng tham gia tích cực phong trào đấu tranh chính trị của “Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất” (phái Ấn Quang). Phật giáo Huế, con người Huế và văn hóa Huế đã có một bề dày lịch sử đan quyện nhau. Các vương triều đã tìm thấy tính quần chúng, tình cảm dân tộc và sự cứu độ nhập thế của Phật giáo Huế - như là tiềm thức của người dân Huế - là chỗ dựa góp phần củng cố địa vị của mình và sự bền vững của vương triều. Trái lại, Phật giáo Huế đã tìm thấy sự che chở của nhân dân - nhờ sự thể tục và nêu cao tình cảm quê hương, tình cảm dân tộc của Phật giáo Huế - mà tồn tại và phát triển cùng lịch sử dân tộc với tất cả những thử thách quyết liệt của sự đổ ập trong quá khứ và những năm chống Mỹ - Ngụy [14;36].

Trước 1975, những vị cao tăng cùng Phật tử Huế tin theo “Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất” (phái Ấn Quang) luôn thực hiện chân lý “Phật giáo Việt Nam không đặt sự tồn tại của mình như một nguyên vị cá biệt, mà đặt sự tồn tại của Phật giáo trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc” [14; 37], là góp thêm tiếng nói chân tình, công sức của Phật giáo Huế trong công cuộc cải tạo và xây dựng cuộc sống mới ở Huế và Việt Nam. Đó cũng là trách nhiệm cao cả của Phật giáo Huế đối với Huế, đối với Tổ quốc Việt Nam trên cả cương vị tổ chức và cá nhân mỗi tu sỹ Phật giáo. Năm 1981, chùa Từ Đàm - Huế là một trong ba địa danh ra mắt của “Giáo hội Phật giáo Việt Nam” của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tóm lại, có thể nói, thời Lý-Trần, thời chúa Nguyễn Phúc Chu, đến giai đoạn 1963-1973 và ngày nay, Phật giáo hưng thịnh, vàng son không vì Phật giáo là quốc đạo, mà chính là vì Phật giáo hòa hợp, gắn bó với dân tộc, với quê hương và luôn tồn tại trong lòng dân tộc, chứ không tách thành nguyên vị cá biệt. Những gì

Phật giáo Huế còn giữ được, tạo được sau bao thăng trầm cùng lịch sử dân tộc lúc mạnh, lúc yếu, có được, có mất làm nên cái riêng của Phật giáo Huế trong lòng người dân Huế và trong lòng người dân Việt Nam. Phật giáo Huế, chùa Huế là những yếu tố góp thêm, làm phong phú thêm và là thành tố chung tạo nên nền văn hóa Huế cùng những thành tố khác. Đó cũng chính là truyền thống của Phật giáo Huế trong mạch sống của quê hương và dân tộc.

1.3. Các giá trị văn hóa Phật giáo tại thành phố Huế

1.3.1. Kiến trúc

Phật Giáo xứ Huế vốn đã mang nhiều đặc thù, từng được cả một vương triều với thế lực mạnh - Vương triều nhà Nguyễn - hộ trì, nhất là về mặt kiến trúc. Ngôi chùa là trọng tâm thờ tự và sinh hoạt của Phật giáo từ xa xưa; đã dần dần thay đổi theo lối kiến trúc cung đình Huế để trở nên một nét đặc thù khác trong Phật giáo xứ Huế.

Ngay từ buổi Thuận Hóa còn là vùng đất mới "*lam sơn chướng khí*", dân tình thưa thớt, tinh thần bất định, lại thiếu ánh sáng niềm tin, các vị tổ sư đã chấn tích quang lâm dựng am lập miếu góp phần mở mang bờ cõi lần khai sáng văn hóa làm chỗ dựa tinh thần cho dân. Trong bối cảnh ấy, sự phát triển của Phật giáo cũng chính là sự khai mở những nét đặc sắc văn hóa. Là những người đi "*khai hoang*", các vị thiền sư đã dùng chân giữa bạt ngàn rừng núi tạo dựng lên một loạt những am tranh mà bây giờ đã trở thành những danh lam thắng cảnh vào bậc nhất xứ Huế như chùa Quốc Ân do tổ sư Nguyên Thiều dựng năm 1684, chùa Từ Đàm do tổ Minh Hoằng-Tử Dung khai sơn năm 1695, chùa Thiên Tôn do tổ sư Liễu Quán khai sơn năm 1708, chùa Báo Quốc, do tổ sư Giác Phong lập vào cuối thế kỷ 17, chùa Từ Lâm do tổ sư Từ Lâm khai sơn cuối thế kỷ 17, chùa Từ Hiếu do tổ sư Nhật Định khai sơn năm 1842... [15; tham luận của Trí Năng, *Nét riêng trong kiến trúc vườn chùa Huế*]

Những ngôi chùa này tiền thân là những am tranh nằm ẩn mình trong núi rừng thâm u ít có dân cư. Cảnh quan của những am tranh ngày xưa và những danh lam thắng cảnh chùa Huế ngày nay do vậy mà thường hài hòa giữa suối khe, sông núi hữu tình.

Ngoài yếu tố cảnh quan ra, việc dựng một am thất ngày xưa và ngôi chùa ngày nay phải chọn lựa thế đất, thế núi, thế sông... như thế nào cho phù hợp với cảnh quan phong thủy cũng là một yếu tố làm nên nét đặc sắc trong cấu trúc chùa Huế. Khởi nguyên, chư tổ dựng thiền trường lập am tranh là thuận theo địa thế, tự nhiên mà chọn lựa thế đất tiền khe thủy, hậu sơn lâm để làm minh đường hậu chẩm và hai bên có tả thanh long hữu bạch hổ yểm trợ tạo nên nét kiến trúc chùa Huế mà hoàn toàn không làm "tôn hại" đến cảnh quan xung quanh mà thậm chí còn tôn thêm nét trầm mặc, thiên vị.

Sau này, khi các vị kế thế trong điều kiện vững mạnh, dân tình ngày càng đông đúc hơn, nhu cầu về tín ngưỡng cao hơn những am tranh đó được nâng lên thành những ngôi chùa bằng gỗ với mô thức chung là nhà rường² một gian hai chái (hoặc là ba gian hai chái) với hệ thống chùa-tăng đường-trai đường-hậu tổ liên hoàn với nhau tạo thành một thể thống nhất kiểu chữ khẩu rất đặc trưng. Và mặc dầu đã có bước chuyển đổi mạnh mẽ trong kiến trúc nhưng vẫn là một kiểu kiến trúc chùa hoàn toàn phụ thuộc vào cảnh quan xung quanh, do vậy chùa Huế thường thấp, khiêm tốn hài hòa với thiên nhiên... [15; tham luận của Trí Năng, *Nét riêng trong kiến trúc vườn chùa Huế*]

Bên cạnh đó, đặc điểm chung của kiến trúc chùa Huế nói chung và các ngôi Quốc tự nói riêng là không xây cất tốn kém, không đồ sộ quy mô lớn như những ngôi chùa ở miền Bắc, nhưng ngược lại những ngôi chùa trên mảnh đất thần kinh này lại toát lên được nét tinh tế đến ngỡ ngàng. Nếp chùa Huế về cơ bản vẫn tiếp nối truyền thống ngôi chùa Việt Nam, nhưng tinh tế hơn, ít rườm rà và không phô trương. Ngôi chùa về thực chất là những ngôi nhà Rường bình dị, với những không gian xung quanh tỏa bóng mát. Kết cấu kiến trúc mỗi ngôi Quốc Tự có một đặc trưng riêng, có thể theo kiểu chữ Nhất (一) như chùa Thiên Mụ, hoặc theo một bố cục hài hòa cân đối có sự đối xứng cho từng công trình như chùa Diệu Đế, chùa Từ Đàm có mặt bằng hình chữ “Đỉnh”; mà đặc biệt là kiểu chữ "Khẩu"(□) tại các chùa Quốc Ân, chùa Hàm Long, chùa Thiên Tông, chùa Từ Hiếu, hoặc tạo cho mình một kiểu thức riêng “không giống ai” như chùa Thánh Duyên. Chính diện các ngôi chùa thường có 3 - 5 gian, 2 chái, cắt mái hai tầng, nội thất bình dị không

² Gọi là nhà rường bởi vì có nhiều rường cột, rường kèo, mè với lối kiến trúc theo chữ Đỉnh, Khẩu hoặc chữ Công. Gian trong nhà rường được tính bằng các hàng cột trong nhà, không có vách ngăn.

trang trí sắc sỡ. Tiền đường thường làm theo kiểu “trùng lương” (hay Trùng thiềm điệp ốc)³(2) - mô típ kiến trúc đặc trưng của chùa Huế. Nóc chùa thường trình bày với các mô típ “Lưỡng long châu mặt nguyệt”, “Lưỡng long châu pháp luân”... Mái lợp ngói Âm Dương có màu thanh lưu ly ảnh hưởng kiến trúc cung đình triều Nguyễn. Với những đề tài, mô típ thuần Phật giáo đã làm cho các ngôi chùa xứ Huế có nhiều sắc thái độc đáo.

Có thể nói, một trong những yếu tố tạo cho Huế cái vinh dự là kinh đô của Phật giáo là trên mảnh đất không rộng, người không đông này có một số lượng chùa chiền nhiều nhất so với bất kỳ một địa danh nào trên đất nước Việt Nam. Không kể đến các niệm Phật đường, các chùa khuôn hội, hiện nay ở Huế còn lưu giữ được nhiều ngôi chùa cổ, trong đó có hàng chục tổ đình và hầu hết giữ được nét cổ kính của kiến trúc Á Đông và Việt Nam. Chùa Huế là một mảng kiến trúc quan trọng đã cùng với quần thể kiến trúc cung đình, kiến trúc dân gian tạo cho Huế có dáng vẻ riêng biệt (chẳng nơi nào có được), cái đẹp như tranh họa đồ giữa non nước xanh biếc, thơ mộng, hữu tình.

Các ngôi chùa Huế rải cả khắp trong và ngoài kinh thành, mỗi ngôi chùa tọa lạc trên khung cảnh thiên nhiên yên tĩnh, siêu thoát. Mỗi khu vườn chùa là một vũ trụ thu nhỏ đượm tính triết lý nhà Phật và triết lý văn hóa phương Đông.

1.3.2. Điều khắc

Trong văn hóa nghệ thuật truyền thống của Phật giáo Việt Nam, điều khắc tượng thờ có một lịch sử phát triển liên tục, phản ánh sinh động đời sống tôn giáo, tín ngưỡng và xã hội Việt Nam. Tùy theo từng giai đoạn, từng vùng miền mà tượng thờ có những đặc điểm, ảnh hưởng xã hội khác nhau. Tượng Phật giáo dưới thời Nguyễn hiện còn ở Huế là một điển hình.

Nhà Nguyễn đóng đô ở Phú Xuân, xây dựng kinh thành Huế và dựng chùa thờ Phật nhằm vỗ an dân chúng, nghệ thuật điêu khắc tượng Phật cũng theo đó mà được nâng cao, tuy buổi đầu còn có vẻ đơn điệu về kiểu dáng và cứng nhắc về quy phạm. Để hài hòa với ngoại thất gắn liền với phong cảnh thiên nhiên của ngôi chùa, nội thất chùa Huế cũng bình dị, cân đối và không trang trí sắc sỡ. Ngoài bộ tượng Phật Tam

³ Trùng thiềm điệp ốc: Nhà một nền nhưng có hai mái.

Thế truyền thống, bên trái có tượng Quan Công, bên phải là Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Vào thời chấn hưng Phật giáo những năm 1950-1963, có cải cách lại hệ thống thờ tự: trước Tam Thế đặt thêm tượng Phật Thích ca, gian trái có Bồ tát Địa Tạng, gian phải có Bồ tát Quan Thế Âm, tả hữu thì vẫn đặt Kim cang, Hộ pháp.

Khi Gia Long thống nhất đất nước lên ngôi vua vào năm 1802, ông đã cho trùng tu, xây dựng hàng loạt những ngôi chùa từ Nam chí Bắc vốn bị chiến tranh phá. Và từ đó, hàng trăm pho tượng Phật, Bồ tát được làm mới. Các đời vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... nối tiếp, tượng thờ Phật giáo được cải tiến về chất liệu nhưng nhìn chung vẫn thống nhất về khuôn mẫu, cho thấy tính chủ đạo vẫn là sự trung thành với đường lối võ an dân chúng theo chủ trương chính trị phong kiến, dân gian hóa quan điểm “cư Nho mộ Thích”. Điều khắc kiến trúc Phật giáo tại Huế sử dụng sơn mài trong các cột, với hai gam chủ đạo và đỏ và đen cùng màu vàng tạo nên một sắc hài hoà và ấm. Các mô típ long lân quy phụng được trang trí trên bờ nóc (chùa Thiên Mụ). Lưỡng long châu Pháp luân (nóc chùa Kim Sơn - Huế, nóc chùa Từ Đàm - Huế). Các bức phù điêu đắp các tích trong kinh Phật (giữa hai tầng mái chùa Kim Sơn, chùa Từ Đàm), khảm sành sứ (chùa Từ Đàm). Chùa Diệu Đế, chùa Tây Thiên Di Đà trang trí vẽ rồng ở trên cột và trần nhà. Hiện nay phần lớn những ngôi chùa mới xây dựng, bên trong Chùa thường có vẽ bộ tranh, hoặc đắp phù điêu về lịch sử Đức Phật thiết trí ở hai bên tường. Thiết nghĩ đây là một phần khá quan trọng. Bởi lẽ những bức tranh ở đây là một "bài pháp không lời", khách thập phương chỉ cần ngắm những bức tranh (hay phù điêu) và đọc những câu chú thích ở bên dưới là có thể hiểu được khái quát phần nào về cuộc đời Đức Phật. [15; tham luận của Nguyễn Phước Bảo Đàn, *Những khảo sát về kiến trúc chùa Huế xưa và nay*]

Tượng Phật giáo thời Nguyễn ở Huế đã có một sự thống nhất về mặt hình thể, khuôn mặt và cách xử lý tượng đa chiều: tượng tròn chứ không phẳng dẹt, mặt bầu, thân hình thấp lùn, tay chân mũm mĩm... Tuy vậy, nếu phân tích từ khâu tạo hình, tỉ lệ, độ viễn cận, các rãnh tối sáng, bố cục... trên tổng thể mỗi pho tượng Phật thời Nguyễn dường như rất thuần phác.

Những bức tượng đức Phật đều tập trung chủ yếu vào tính chất đặc tả theo chiều hướng dân gian gần gũi hơn là đức tin thuần túy. Hầu hết các bức tượng Phật đều có thân hình, nét mặt và kiểu dáng rất “hồn nhiên”. Một sự cố ý mang tính triết

lý sống Phật giáo hơn là thẩm mỹ điêu khắc, đồng thời kiểu tượng có nhiều nét ngây thơ của vẻ mặt trẻ em cũng cho thấy ý đồ của nghệ nhân và chủ nhân muốn nói lên một sự trong sáng, gần gũi trong mỗi bức tượng Phật mà không phải quá trang nghiêm.

Những pho tượng Bồ tát mà điển hình nhất là Bồ tát Quán Thế Âm dưới thời Nguyễn hiện còn ở Huế cũng rất đặc trưng, đa số đều ở tư thế tượng ngồi thoải mái, nhẹ nhàng mềm mại trên đài sen hoặc bệ gỗ được chạm khắc và sơn son thếp vàng rất đẹp. Tượng thể hiện một sự an lạc và vô sự trong đời sống của con người. Đặc biệt, nhiều pho tượng Quán Thế Âm người ta còn trang trí thêm bảo cái có rỗng châu phía sau tượng. Những bức tượng Bồ tát Chuẩn Đề kiểu dáng mập, khuôn mặt đầy đặn tròn trịa và rất hiền, áo có nhiều nếp chạy từ trên xuống dưới trong tư thế ngồi kiết già nên càng tăng thêm phần mềm mại cho bức tượng . [15; tham luận của Nguyễn Phước Bảo Đan, *Những khảo sát về kiến trúc chùa Huế xưa và nay*]

Tại Huế, những bức tượng Thánh tăng dưới thời Nguyễn còn lại rất ít, đặc biệt bộ tượng Thánh tăng A Nan-Ca Diếp tại một ngôi chùa ở huyện Quảng Điền rất lạ. Tượng nhỏ, lùn và rất đơn giản, ít đường nét, đứng trên một bệ có chạm khắc hoa văn thô, trong y phục dài, hai tay chấp hình búp sen. Tỷ lệ tượng không cân đối nhưng nhìn thì lại rất an lạc. Bộ tượng La Hán đang thờ ở Quốc tự Thánh Duyên cũng có đường nét lạ, tượng ngồi thoải mái, nét mặt hồn nhiên vô tư mà không “đăm chiêu” như thường thấy. [15; tham luận của Nguyễn Phước Bảo Đan, *Những khảo sát về kiến trúc chùa Huế xưa và nay*]

Ngoài tượng Phật, Bồ Tát và Thánh Tăng ra, ở Huế còn có nhiều bức tượng khác như Thập điện Minh Vương, tượng Hộ Pháp dưới thời Nguyễn cũng rất đặc trưng. Thập điện là những bộ tượng độc đáo hơn cả, tính chất dân gian trong thể loại tượng này rất cao. Cả bộ (10 pho tượng) là một sự cộng hưởng, nét tương quan đắp đổi qua lại giữa các pho tượng đã làm nên sự phong phú trong kiểu dáng, đường nét và hình tượng. [15; tham luận của Nguyễn Phước Bảo Đan, *Những khảo sát về kiến trúc chùa Huế xưa và nay*]

Một điều đặc biệt nữa là hầu hết các pho tượng Phật giáo thời Nguyễn thường ít có nét đặc tả chủ đạo vào tính chất tôn nghiêm tôn giáo, kinh điển đồng

thời cũng rất ít pho tượng được ghi niên đại, tên tuổi người chú tạo hoặc nghệ nhân điêu khắc pho tượng.

Bên cạnh các pho tượng thờ, nghệ thuật điêu khắc Phật giáo Huế còn được thể hiện ở cách trang trí các bờ nóc và tạp dụng các phù điêu. Nóc chùa thường trình bày với các mô-tip “lưỡng long châu mặt nguyệt, lưỡng long châu Pháp luân”, các vật linh quy, phụng, lân, các kiêu hoa sen; mái lợp ngói âm dương có màu thanh lưu ly ảnh hưởng kiểu kiến trúc cung đình của các triều vua chúa để lại. “Hoa sen, chữ vạn, hồi văn chữ vạn, lá sen, trái Phật thủ, lá bồ đề, Pháp luân, hải triều, hỏa luân, bầu cam lồ” là những đề tài, những mô-tip thuần Phật giáo tạo cho chùa Huế có nhiều sắc thái độc đáo. [15; tham luận của Lê Anh Tuấn, *Kiến trúc chùa Huế - Hệ giá trị về mặt cảnh quan*]

1.3.3. Âm nhạc - Lễ nhạc

Âm nhạc Phật giáo Việt Nam, một phần nào đó cũng chịu ảnh hưởng bởi nhạc Phật giáo Trung Hoa, nhưng các vị Tổ sư Việt Nam sớm đã biết hội nhập cái hay cái đẹp của người rồi tiếp biến thành nét đặc trưng của âm nhạc Phật giáo Việt Nam. Hơn nữa từ thời đại Lý-Trần, đất nước chúng ta mở mang bờ cõi về phương Nam, lại được tiếp nhận thêm âm nhạc Champa và Chân Lạp, đã giúp cho âm nhạc Việt Nam có đến ba nét đặc trưng của ba miền Bắc, Trung, Nam, với đặc điểm riêng của từng vùng đất. Từ đây ta có thể khẳng định rằng, tôn giáo không thể không có bộ môn lễ nhạc, vì đó là sức sống của tâm linh được thể hiện ra giọng điệu, cung cách bên ngoài.

Nét đặc thù của âm nhạc Phật giáo là không đưa ra điệu nhạc nào để bắt buộc, mà tùy theo trường hợp địa phương, ngôn ngữ mà tùy duyên, có nghĩa là kệ văn thì không khác mà điệu tiết thì chuyển biến. Vì thế, các nhà nghiên cứu âm nhạc Phật giáo Đông phương cho rằng âm nhạc trong Phật giáo Đông phương có nhiều chất thơ. Cũng cần nói thêm là, thể nhạc và văn chương trong nhà Phật là thể nhạc phổ thơ, nhưng tài tình nhất là một thể thơ mà phổ rất nhiều nhạc. Vì trong một thể thơ khi thì diễn tả về đạo lý, khi thì nói về sự khổ lụy của chúng sanh, khi thì tả về sự ân cần ăn năn sám hối, khi thì tả về sự nhiếp thọ độ sanh của chư Phật. Chỉ trong 4 câu kệ tứ tuyệt mà thể nhạc phổ ra có thể dài hơn (1 thành 10) là tiếng ngân nga trầm bổng, nếu ghi nhạc ta sẽ thấy nhiều nốt (note) nối nhau bằng dấu

liên âm mà lời nhạc chỉ có vài chữ. Sở dĩ có những thể nhạc kỳ lạ như vậy là vì đặc trưng âm nhạc Á Đông là thiên về tâm linh, tình cảm, nên phải dùng thể nhạc này mới diễn tả hết được. Và lại, muốn diễn tả sự huyền bí cao siêu bằng tinh thần, thì phải dùng nét nhạc dài và ít lời. Về âm điệu thể nhạc nhà Phật có chừng ba bốn chục điệu, còn thể thơ ít hơn, đại để như:

Loại ngũ ngôn: Thập phương tam thể Phật...

Loại tứ ngôn: Nhứt tâm quy mạng...

Loại thất ngôn: Trí huệ hoằng thâm đại biện tài...

Loại tứ tuyệt: Ngã kim phụng hiến cam lồ vị...

Loại cổ phong: Dương chi, tán l, Sơ hướng mộng huỳnh lương...

Loại thất ngôn trường thi: A Di Đà Phật thân kim sắc, Quy mạng thập phương Điều ngự sư... [15; tham luận của Thích Lệ Trang, *Về Lễ nhạc Phật giáo Việt Nam*]

Từ nền tảng nghệ thuật âm nhạc Phật giáo chung của dân tộc, Phật giáo Huế cho đến nay vẫn giữ nguyên các hình thức tán, tụng, thỉnh, bạch... kết hợp với các pháp khí Phật giáo hay đội nhạc bát âm trong các lễ nghi thường nhật hay các đại lễ. Đó được xem là sự kết hợp nhuần nhuyễn của hai yếu tố lễ nghi và diễn xướng (gồm diễn xướng bằng lời và diễn tấu bằng pháp khí và nhạc khí), tạo nên tính đặc trưng, thăng hoa của người diễn xướng trong một lễ tiết hay trong lễ hội của Phật giáo Huế bởi lễ nghi luôn có một vị trí quan trọng và chủ đạo trong sinh hoạt tín ngưỡng - tôn giáo. [30]

Huế là nơi hội tụ nhiều tinh hoa, chôn gắp gỡ của nhiều vị cao tăng, đồng thời cũng là mảnh đất tốt để hệ thống nghi lễ được tổ chức một cách hoàn chỉnh, quy mô, có tính điển chế cao, đặc biệt vào thời nhà Nguyễn.

Lễ nhạc, cũng như các loại hình nghệ thuật Phật giáo khác, được chi phối bởi hệ thống triết học và quan niệm của tôn giáo này. Lễ nhạc Phật giáo Huế qua thời gian đã tạo riêng cho mình một dấu ấn, với những nét riêng biệt, trong dòng chảy âm nhạc truyền thống của dân tộc. Có thể nhận thấy, lễ nhạc Phật giáo Huế dễ dàng dung hợp được nhiều loại hình âm nhạc truyền thống khác, người ta thấy ở đây không chỉ bóng dáng của nhạc lễ Trung Hoa, mà còn thấy cả sự giao lưu với nhạc lễ Ấn Độ, được biến cải qua lăng kính văn hóa Chăm đồng thời mang hơi thở gần gũi của cái hồn dân gian Đại Việt. Các hình thức âm nhạc trong nghi lễ Phật

giáo Huế được vận dụng một cách khá linh hoạt. Có thể nói, lễ nhạc Phật giáo Huế điểm chính yếu được chú trọng là thanh nhạc, nội dung mà âm nhạc tập trung chuyển tải chủ yếu thông qua các hình thức biểu đạt ý nghĩa bằng ca từ.

Tính chất trầm lắng, man mác buồn, âm hưởng của điệu Nam, hơi Ai, được vận dụng trong các bài tán tụng của Phật giáo để chuyển tải triết lý vô ngã, vô thường, những huyền ảo của cuộc sống, khổ đau của đời người... trong các dịp tang lễ, cầu siêu, cúng linh, chẩn tế cô hồn, giải oan bạt độ... Bên cạnh đó, những bài bản của âm nhạc dân gian vẫn được đưa vào diễn tấu trong nghi lễ Phật giáo Huế, chẳng hạn: Thái bình, Cách giải, Tam thiên, Tứ châu, Lai kinh, Tấn trạo,... và ngay cả bài Phần hóa diễn tấu trong lúc đốt vàng mã ở đình, miếu, từ đường, tư gia... và nhiều lễ tế khác trong dân gian cũng được vận dụng. Không chỉ như vậy, những làn điệu hò, lý, ngâm thơ, tùy vào từng lúc, cũng được vận dụng một cách triệt để. Tất cả làm cho lễ nhạc Phật giáo Huế trở nên phong phú, đa dạng hơn trong thể hiện. Đỉnh cao của loại hình âm nhạc này, được tập trung vào các giai điệu của các bài tán. Trong nghi lễ Phật giáo Huế, giai điệu tán rất phong phú, mỗi một bài có thể được tán với nhiều cung bậc khác nhau. Có thể tán theo hơi thiên hoặc hơi ai và có thể tán theo lối tán rơi, tán xấp, tán trạo... Các bài tán chủ yếu dùng những hình thức kệ. Ngoài các lối tán ra, kinh sư có thể dùng lối ngâm, đọc, xướng, dẫn... vẫn phát huy hiệu quả chuyển tải ý nghĩa của nó trong các nghi lễ Phật giáo. Bởi, bản thân các bài kệ, chúng là những bài ca, được đúc rút từ những diệu lý của kinh Phật, hay thể hiện sự chứng ngộ, trải nghiệm của các thiền sư. Trong các nghi lễ Phật giáo Huế, dù thể hiện ở phương thức nào cũng trở thành phương tiện hữu hiệu để khai ngộ chúng sinh. Âm nhạc và nghi lễ được hòa quyện vào nhau rồi trở thành tiếng nói vi diệu, chuyển hóa lòng người, hướng con người đến với đạo pháp. Âm nhạc trong nghi lễ Phật giáo Huế góp phần đưa con người thâm nhập vào giáo lý từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha... hướng con người đến cuộc sống lành mạnh, hướng thượng, mang lại cuộc sống an lạc, hạnh phúc trong thực tại. Lễ nhạc Phật giáo không chỉ là một pháp môn, một phương tiện của những bậc tu hành, mà còn là một loại hình nghệ thuật có mối quan hệ mật thiết với mọi đối tượng thính pháp văn kinh, gắn liền với yếu tố văn hóa tâm linh của con người, một phần cuộc sống tinh thần của người dân xứ Huế. Dẫu có thể chỉ là vô tình trong lĩnh vực nghệ thuật, nhưng Phật giáo Huế đã tạo nên một dòng âm nhạc độc đáo, không chỉ là một sản phẩm văn hóa phi vật thể đặc sắc của Huế mà còn là của Việt Nam [30].

Để hiểu rõ thêm về di sản lễ nhạc Phật giáo Huế, chúng ta có thể tìm hiểu về một điệu múa rất nổi tiếng, là đặc trưng của âm nhạc Phật giáo nơi đây - Điệu múa “Lục cúng hoa đăng”.

Múa *Lục cúng hoa đăng* là một điệu múa cổ xưa của Phật giáo do các vị sư Ấn Độ truyền vào Việt Nam. Sau khi du nhập vào xứ Đàng Trong tại Thuận Hóa - Phú Xuân, được các vị Tổ sư trong chốn thiền môn xứ Huế tiếp thu và phát triển lên đến đỉnh cao nghệ thuật, điệu múa *Lục cúng hoa đăng* từ đó trở thành là một loại hình âm nhạc đặc thù của Phật giáo xứ Huế.

Điệu múa Lục cúng là điệu múa theo sáu lần dâng cúng. Tương ứng với mỗi lần cúng là một lễ vật cúng dường gồm: hoa, hương, đèn, trà, quả, nhạc để cúng dường lên đức Phật. Vì vậy môi trường diễn xướng của điệu múa này luôn được trình diễn trong những hoàn cảnh đặc biệt như lễ an vị Phật, lễ lạc thành chùa hay lễ hội, vía Phật. Điệu múa này cũng được thể hiện với ý nghĩa nguyện cầu cho những người đã khuất giải thoát oan khiên... trong các trai đàn chẩn tế, giải oan...

Điệu múa *Lục cúng hoa đăng* kết hợp nhịp nhàng giữa rất nhiều điệu múa, các vũ sinh kết hợp theo hình hoa sen, rồi xếp hình theo chữ Hán và theo hình chiếc bình nhiều tầng. Trong điệu múa “Lục cúng” có nhiều bài tán theo nhiều điệu tán cổ xưa trong kho tàng âm nhạc Phật giáo như tán trạo, tán rơi, tán sắp và có cả Thái - một điệu tán rất cổ xưa - để dâng cúng trong nghi lễ cúng Phật cúng chư Tổ.

Theo đó, điệu múa *Lục cúng hoa đăng* tồn tại với thời gian theo sự phát triển của văn hóa Phật giáo Việt Nam. Đến thời vua Minh Mạng (1820-1840), *Lục cúng hoa đăng* đã được tiếp thu và cải biên thành một loại hình âm nhạc cung đình, trở thành một điệu múa đặc sắc được lưu giữ cho đến ngày nay [29].

1.3.4. Lễ hội

Lễ hội tôn giáo vốn có những nét riêng được hình thành và gắn liền với mỗi tôn giáo trong mối quan hệ khăng khít, dung hợp với văn hóa truyền thống bản địa. Vì vậy, đối với lễ hội của Phật giáo cũng không là ngoại lệ, khi Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc từ những thế kỷ đầu công nguyên cho đến hôm nay như một sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, phong phú và đa dạng từ lễ thức đến lễ tiết, mang dấu ấn văn hóa đặc trưng vùng miền của người Việt. Chính từ đó, Phật giáo Huế trong dòng chảy văn hóa này đã tạo nên những nét đặc trưng, khi chính nơi đây từng là

“kinh đô Phật giáo”, thấm đẫm tinh thần Phật giáo trong lối sống, ứng xử của con người xứ Huế. Cho nên, lễ hội cũng vậy, dù mang tính chất tôn giáo với các lễ nghi truyền thống nhưng vẫn ẩn chứa nét văn hóa truyền thống vùng Thuận Hóa - Phú Xuân trong tâm thức mỗi con người sinh sống nơi đây. Giá trị văn hóa đặc trưng của lễ hội Phật giáo Huế có thể nhìn thấy từ hai mặt của phần lễ và phần hội, trong đó, phần lễ đóng vai trò chủ đạo, bảo lưu các lễ nghi Phật giáo truyền thống, và phần hội cũng đang dần được chú trọng nhiều hơn nhằm tạo nên những chuyển động nhuần nhuyễn, đa dạng, phong phú bên cạnh các lễ nghi mang tính chất huyền bí, linh thiêng. Mặc dù vậy, nhưng cả hai phần này luôn kết hợp, bổ trợ lẫn nhau không tách rời và phân biệt nhằm chuyển hóa tư tưởng từ bi, giải thoát của Phật giáo đến với quần chúng, tín đồ.

Trên một góc độ khác, khi nói đến Phật giáo thì cụm từ lễ hội được xem là khiên cưỡng, gán ghép và hầu như không phù hợp trong cách nhìn nhận của mọi người, vì đó thực chất là lễ nghi chứ không có phần hội. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy rộng hơn, trong các lễ hội truyền thống mang đậm dấu ấn của văn hóa nông nghiệp thì cả hai phần lễ và hội luôn song hành, hay trong lễ có hội và trong hội có lễ nhằm thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng, ước vọng sự sinh sôi nảy nở mùa màng của cư dân nông nghiệp. Với một môi trường như vậy, Phật giáo tồn tại và phát triển ở Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ, tuy rằng tích chất có khác nhau bởi ý thức hệ tôn giáo chi phối, các lễ hội mà Phật giáo đều thể hiện được cả hai phần lễ và hội nhưng không tách làm hai phần mà luôn có sự xen lẫn vào nhau: trong lễ có hội và trong hội có lễ. Hơn nữa, khi đi vào cụ thể, bản thân Phật giáo hay các tôn giáo khác, các ngày lễ vía được thực hiện trong khuôn khổ của tôn giáo, hình thành từ chính nhu cầu nội tại của họ và không có sự tác động từ các yếu tố bên ngoài. Từ vấn đề đó, có thể thấy các tu sĩ Phật giáo đã tổ chức ngày lễ tiết một cách tự nhiên theo quan điểm tôn giáo, dù có tín đồ tham gia hoặc không. Tuy nhiên trong xu hướng nhập thế, mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Phật giáo đến với công chúng, thì rất nhiều lễ tiết được xây dựng, hình thành các lễ hội thu hút nhiều tín đồ, quần chúng tham gia. Và từ đó, người ta mặc nhiên chấp nhận, xem đó như một lễ hội mang tính truyền thống của tôn giáo với quy mô ngày càng lớn và sinh hoạt văn hóa đa dạng đi kèm.

Văn hóa Phật giáo với hình thức lễ hội có nội hàm rộng và phong phú với hệ thống lễ tiết đa dạng cũng như mang tính chất, ý nghĩa khác nhau trên tinh thần giác ngộ và giải thoát. Do vậy, khảo sát những đặc trưng lễ hội Phật giáo Huế,

chúng ta có thể đề cập đến những đại lễ của Phật giáo như: lễ hội Vesak - Phật Đản (14-15/04/âm lịch), lễ hội Quán Thế Âm (19/06/âm lịch), lễ hội Vu Lan (14-15/07/âm lịch) thuộc Phật giáo Bắc tông. Các lễ hội này đã mang trong mình nó là một chiều dài lịch sử với các giá trị văn hóa đặc trưng trong quá trình dung hợp, tiếp biến văn hóa truyền thống bản địa, ẩn chứa hình ảnh đời sống tôn giáo- tín ngưỡng của người dân Huế trong cả phần lễ và hội mà khi so sánh với các vùng miền khác. Và quan trọng hơn khi sử dụng di sản văn hóa Phật giáo vào việc khai thác, phục vụ du lịch đã, đang đặt ra nhiều vấn đề luận bàn và lễ hội trong xu hướng này cũng không phải là ngoại lệ. Trong các lễ hội, dù là lễ hội tôn giáo hay không đều mang những nét đặc trưng riêng, phản ánh sinh động các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của con người thông qua phần lễ và phần hội. [15, tham luận của Lê Thọ Quốc, *Những giá trị văn hóa đặc trưng của Lễ hội Phật giáo Huế*]

Đối với lễ hội Phật giáo Huế, với những tác động của các nhân tố chi phối, hiển nhiên lễ hội luôn tiềm ẩn những giá trị văn hóa riêng biệt mang sắc thái tôn giáo và bắt nguồn từ niềm tin tâm linh của mỗi người. Cho nên, lễ hội Phật giáo không tách bạch thành hai phần riêng biệt, mà trong lễ vẫn có hội và trong hội luôn ẩn chứa dấu ấn của lễ nghi và được thể hiện tùy các hoạt động, sinh hoạt khác nhau của Gia đình phật tử, Khuôn hội... Tuy nhiên, sự hiện hữu này không phải là một quy tắc nhất định, bởi nghi lễ Phật giáo vốn mang trong mình tính linh động, nhu nhuyễn, tùy vào từng trường hợp để sử dụng một cách hợp lý, vừa biểu lộ tính thiêng của lễ hội, vừa mang tính giáo dục cao. Từ đó, tính chất hội trong các lễ hội Phật giáo Huế là một sự khế hợp, gắn liền với niềm tin tôn giáo và được thể hiện qua các sinh hoạt ca múa, hát xướng, diễn tích tuồng Phật giáo với nội dung liên quan đến hạnh nguyện, sự giác ngộ của các đức Phật, Bồ tát... Với bức tranh toàn cảnh của lễ hội Phật giáo Huế, chúng ta có thể nhận thấy các giá trị văn hóa đặc trưng của lễ hội được thể hiện ở các khía cạnh như:

Các nghi lễ truyền thống:

Nghi lễ trong lễ hội là một phần không thể thiếu ở bất kỳ một lễ hội nào được diễn ra, với các nghi thức được quy định chặt chẽ, mang niềm tin tâm linh, tính thiêng sâu sắc và cũng là môi trường tạo nên sự đoàn kết, hài hòa... vì đó chính là những hoạt động văn hóa mang tính tổng thể và phức hợp của các thành tố văn hóa Việt. Đối với Phật giáo Huế, nghi lễ đã được chuẩn hóa và bảo lưu các lễ nghi truyền thống vốn có trước đó, đồng thời xác lập vai trò quan trọng trong đời sống, tu tập tăng sĩ cũng như sinh hoạt lễ nghi của người Phật tử. Cho nên, các nghi lễ

diễn ra trong lễ hội Phật giáo Huế cũng mang một nội hàm tương tự, ngưỡng vọng sự giải thoát, hạnh nguyện của chư Phật và Bồ tát trong chính người thực hiện và người tham gia. Bên cạnh đó, sự tác động của văn hóa Huế (cung đình, dân gian) chính là điều kiện để Phật giáo Huế bảo lưu được các nghi thức, lễ nghi truyền thống một cách hiệu quả nhất. Do lễ hội Phật giáo Huế chủ yếu tập trung vào các đại lễ lớn như: lễ Phật Đản (Vesak); lễ hội Quan Thế Âm, lễ Vu Lan... nên cách thực hành nghi lễ cũng tùy thuộc vào nội dung của lễ để thực hành các nghi thức khác nhau trong lễ vía và kết hợp với các nghi thức khác trong khoa Du già để thực hiện các lễ Giải oan bạt độ, Trai đàn chẩn tế⁴... Nghi lễ trong lễ hội ngoài phần thực hiện theo nghi thức lễ vía⁵ và được trang trọng hóa bằng sự kết hợp giữa lễ và nhạc đặc trưng, thì bên cạnh đó còn kết hợp với các nghi thức khác gồm các hoạt động mang tính lễ nghi như dựng tượng đài, kết xe hoa, thuyền hoa (Phật Đản), hình thức dâng hương, lễ vật, lễ rước (Quán Thế Âm), nghi thức tụng đàn kinh Lương Hoàng, Thủy Sám, Địa Tạng, Báo Ân (Vu Lan)... tạo thành một tổng thể đa dạng, nhuần nhuyễn qua tài thực hiện của vị chủ lễ, các kinh sư và tín đồ Phật tử. Đặc biệt đối với lễ hội Vu Lan, nghi lễ được thực hiện còn gồm có nhiều phần khác nhau liên quan đến lễ Tự Tứ của chư tăng, ni sau ba tháng An cư kiết hạ. Mở rộng hơn là phần lễ trai tăng cúng dường cho toàn thể tăng ni với một ý nghĩa thâm sâu, quảng bá tinh thần hiếu nghĩa đến tứ thân phụ mẫu, lục thân quyến thuộc nhiều đời kiếp. Nghi lễ Phật giáo mỗi miền không giống nhau, bởi do nhiều tính chất chi phối nhưng tính thiêng của lễ luôn được đảm bảo, xuyên suốt trong các lễ thức. Các nghi lễ ở Phật giáo Huế nói chung và trong các lễ hội nói riêng, không chỉ thể hiện tính thiêng của “lễ” mà còn chú trọng đến công dụng của “nghi” trong mỗi thời khóa và phát huy tác dụng cả ba mặt: thân giáo, khẩu giáo và ý giáo đến quần chúng, tín đồ tham dự. Do đó, khi phân định giá trị văn hóa đặc trưng trong các nghi lễ Phật giáo truyền thống Huế được thể hiện qua lễ hội, chúng ta có thể thấy không chỉ giá trị

⁴ Hai khoa nghi này đã thu tóm nhiều loại hình diễn xướng, kết hợp các ấn chú mật tông, pháp khí, nhạc cụ rất đặc trưng của âm nhạc Phật giáo Huế, luôn hiện diện và không kém phần quan trọng trong các lễ hội diễn ra.

⁵ Nghi thức chung cho việc thực hiện một lễ vía bao gồm một số nghi cơ bản: (1). Niệm hương; (2). Tán (có rất nhiều bài tán khác nhau tùy thuộc lễ thức diễn ra để có sự phù hợp); (3). Tụng chú Đại bi; (4) Cung văn (bạch chú); (5). Tụng kinh hoặc các bài sám; (6). Lạy Phật, Bồ tát; 7. Hồi hướng. Ở đây, cũng có thể, người chủ lễ linh động, uyển chuyển khi sử dụng nhiều bài tán, tụng, bạch, thỉnh... khác nhau nhưng hầu như không thay đổi nhiều lắm trong các nghi thức của buổi lễ, và hình thức này, chủ yếu thêm vào chứ không bớt đi nhằm làm cho buổi lễ thêm sinh động với nhiều loại hình tán, tụng kết hợp với các loại pháp khí và nhạc khí.

văn hóa đặc trưng của lễ hội Phật giáo Huế qua các nghi lễ truyền thống, đặc thù mang đậm dấu ấn văn hóa vùng miền, mặc dù trải qua thời gian với nhiều sự biến động, nhưng các lễ nghi truyền thống không vì thế mà bị mất dần đi, hoặc chuyển sang nhiều dạng khác như Phật giáo miền bắc và miền nam. Sự hóa thạch và bảo lưu truyền thống văn hóa thông qua lễ nghi, nghi thức đã góp phần chuyển tải các nghĩa ý của lễ hội Phật giáo một cách hiệu quả và khá toàn diện trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh mới của xã hội cũng như trong việc xây dựng và phát triển lễ hội cho chính vùng Huế.

Giá trị của nhạc lễ Phật giáo Huế: sản phẩm được kết tinh từ “lễ” và “nhạc” trong lễ hội:

Bên cạnh các nghi lễ truyền thống Phật giáo được thực hiện xuyên suốt trong toàn bộ lễ hội mang tính chất quan trọng, thì giá trị nhạc lễ Phật giáo cũng được nhìn nhận tương đồng, bởi nó là sản phẩm “âm nhạc” Phật giáo được kết tinh giữa “lễ” và “nhạc”. Vì vậy, cùng với các nghi lễ truyền thống thì trong lễ hội Phật giáo Huế, nhạc lễ cũng được xem là một giá trị văn hóa đặc trưng của lễ hội, vì rằng, trong không gian thiêng của lễ hội, nhạc lễ đã đưa con người (người diễn xướng và người tham dự) thăng hoa trong niềm tin tâm linh của mình. Giá trị văn hóa của nhạc lễ được hình thành từ việc thực hiện các lễ nghi kết hợp với diễn xướng trong lễ hội Phật giáo Huế đã tạo nên một điểm nhấn điển hình, đặc trưng trong dòng chảy của văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Các sinh hoạt phong phú và đa dạng của gia đình Phật tử, Khuôn hội:

Trong lễ hội Phật giáo Huế, bên cạnh việc thực hiện các lễ nghi và diễn xướng nhạc lễ, thì các sinh hoạt của các gia đình phật tử được xem như là điển hình của phần hội như ca múa, hát xướng, diễn kịch... Các hình thức này được mặc nhiên thừa nhận, bởi đó là một bộ phận gắn kết của lễ hội và phù hợp với nhận định: *“Trong khi nhạc lễ hầu như trở thành một bộ phận quan trọng trong thực hành nghi lễ, tạo nên nhiều hình thức diễn xướng phù hợp với từng nền văn hoá, thì cạnh đó, cũng có những thể loại âm nhạc Phật giáo không gắn với lễ nghi. Chẳng hạn, trong nhiều lễ hội như Phật Đản hay các ngày vía quan trọng khác, người ta thường tổ chức những hình thức diễn xướng đặc biệt. Ngoài điện Phật, mọi người có thể hát xướng, hay nhảy múa, diễn kịch. Loại nhạc này đòi hỏi sự kết hợp với nhiều yếu tố, nhạc của tu viện, nhạc quý tộc, dân ca...”* [15, tham luận của Lê Thọ Quốc, *Những giá trị văn hóa đặc trưng của Lễ hội Phật giáo Huế*]

Trong các lễ hội Phật giáo Huế, hình thức ca múa, hát xướng hay diễn kịch được tổ chức thực hiện vào đêm hôm trước của ngày lễ chính gồm các nội dung khác nhau nhằm ca ngợi công đức, hạnh nguyện của Phật, Bồ tát và các bài hát của các gia đình Phật tử. Hệ thống bài bản được chọn lọc, dàn dựng khá công phu và được trình diễn trên một sân khấu trong khuôn viên trước lễ đài hay một bên.

Mỗi một lễ hội Phật Đản, Quán Thế Âm hay Vu Lan đều có những sinh hoạt riêng biệt của các gia đình Phật tử, Khuôn hội. Diễn hình như trong lễ hội Quán Thế Âm, các gia đình Phật tử, Khuôn hội, Đạo tràng đã tổ chức các đoàn rước dâng cúng lễ vật lên Bồ tát Quán Thế Âm với nhiều hình thức, kiểu cách, màu sắc khác nhau, trong đó tái hiện lại hình ảnh Quán Thế Âm thị hiện, 32 ứng thân của Bồ tát do các đoàn sinh hóa trang, mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc qua hạnh nguyện cứu khổ của Bồ tát Quán Âm. Bên cạnh đó, gia đình Phật tử đã tổ chức một hội trại (trại Hạnh - tùy vào vào từng năm mà Ban hướng dẫn gia đình Phật tử tổ chức các hội trại phù hợp với nhu cầu học tập của Phật tử) cho các huynh trưởng, đoàn sinh tu học Phật pháp và một chương trình đêm văn nghệ chào mừng lễ hội Quán Thế Âm với nhiều tiết mục như: múa đèn, múa quạt, múa nón cùng các trang phục khác nhau đẹp mắt và sinh động. Cũng giống như lễ hội Quán Thế Âm, lễ Phật Đản cũng có các chương trình văn nghệ chào mừng, đặc biệt là sự thực hiện trang trí thuyền hoa hoặc xe hoa diễu hành quanh thành phố, trên sông Hương hay tổ chức đoàn rước Phật tử chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm như một sự trình diễn của lễ hội mang màu sắc tôn giáo riêng có ở Huế. Riêng đối với lễ Vu Lan, mặc dù không được tổ chức lớn như lễ Phật Đản, lễ hội Quán Thế Âm nhưng trong phần lễ chính là chương trình văn nghệ hát về mẹ, về hiếu hạnh của Mục Kiền Liên, hay diễn các vở kịch mang tính giáo dục, nhấn mạnh đến khía cạnh đạo đức, tính nhân văn của con người trong cuộc sống.

Có thể nhận thấy, các hoạt động mang tính chất ca múa, hát xướng, diễn kịch hay hóa trang thành các đoàn dâng cúng lễ vật... của các gia đình Phật tử, khuôn hội, các đạo tràng đều được tổ chức chặt chẽ, nề nếp và hoàn chỉnh trong một không gian, thể hiện phần hội đặc sắc và trang nghiêm của lễ hội Phật giáo Huế. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận một cách đơn thuần chỉ là hội thì ắt hẳn đó là một sự thiếu sót, bởi vì trong phần này cũng có các nghi lễ diễn ra, khởi đầu cho các hoạt động trên và cũng cho thấy trong lễ hội Phật giáo, phần lễ và hội không bao giờ tách rời nhau mà nó luôn là một tổng thể hài hòa, uyển chuyển linh động trong phương cách thực hiện. Cho nên, đặc trưng của lễ hội Phật giáo Huế một phần lại

được thể hiện thông qua hoạt động, sinh hoạt của các gia đình phật tử, các đạo tràng, khuôn hội với nhiều nội dung, tính chất khác nhau.

Phần viết sau đây xin điếm qua ba lễ hội đặc sắc và tiêu biểu của Huế:

Lễ chay ở Hương Thủy: Lễ làm chay hoặc lễ làm thương trong nhiều làng thuộc các xã Thủy An, Thủy Dương, Thủy Châu, Thủy Lương, Thủy Phù của huyện Hương Thủy là một hình thức tín ngưỡng dân gian được tổ chức trong từng chi, họ, phái trong làng. Đám chay nhằm gọi tên những vong linh mất liên lạc với thân nhân trần thế (bị đọa đày ở địa ngục hoặc bà Thủy bắt) đến gặp người trần thế để được giải oan.

Đám chay kéo dài từ 3 ngày đến nửa tháng. Ngày chính lễ là ngày gọi hồn. Địa điểm tổ chức làm chay là nhà thờ họ, trong một không gian thoáng rộng. Ban tổ chức lập một đài đủ 4 phương, 8 hướng cúng trời, đất. Bàn thờ chính gọi là bàn thờ Tổ, tổ của thầy dẫn lễ, nếu là thầy cúng. Nếu mời thầy chùa cúng là Quan Âm bồ tát. Nếu mời thầy bộ thủy là Tề Thiên đại thánh. Nghi thức tiến trình lễ chay như sau:

Bắt đầu là lễ thượng phan. Phan được treo ở sân nhà thờ và một số nơi trọng yếu trên trục lộ giao thông.

Lễ khai hội: Do thầy dẫn lễ chủ trì.

Chính lễ - Lễ gọi hồn: Đây là hình thức gọi hồn về hợp mặt, nhận quà người dâng cúng, quan trọng là số hồn bị uẩn khuất, hoặc nằm ở địa ngục, lâu nay không về được. Trong lễ gọi hồn có lễ chay đàn có ý nghĩa là vạch đường về âm phủ, rước hồn lên.

Sau phần chính lễ tại trai đàn là hình thức trình diễn đưa linh tập chèo suốt đêm. Đồ mã dùng để đốt và cúng trong lễ chay là Đại thọ, thuyền, ngựa, áo quần giấy.

Buổi lễ thêm phần sinh động do có hình thức diễn xướng dân gian trong lễ chay đàn và hò đưa linh tập chèo. Nội dung các câu hò là vãn về các linh hồn chết oan. Lễ chay đàn do các thầy tu diễn với điệu hò rất trang trọng, nghiêm trang. Nếu thầy dẫn lễ là thầy bộ thủy thì cũng có lúc thầy diễn trò trấn áp ma quỷ, vốn là những trở lực thần bí ngăn cản hồn oan khuất về với người dương thế.

Lễ chay là một lễ thức cầu an phổ biến trong quần chúng, thể hiện sự gắn bó âm dương, sống thác của những người cùng dòng họ, tôn phái, sự quan tâm của người sống đối với những người chết oan khiên ở sông nước. [29]

Lễ Phật Đản ở Huế: Hằng năm, ngày rằm tháng tư âm lịch (trước kia là ngày mùng 8 tháng tư âm lịch), dân chúng Huế trang trọng cử hành lễ Phật Đản (đản sinh đức Phật). Lễ hội được tổ chức tại tất cả các chùa, cùng các khuôn khổ thờ tự của Phật giáo, trung tâm chính là chùa Từ Đàm.

Đạo Phật là tôn giáo lớn nhất ở Huế và được đông đảo quần chúng ở Huế coi trọng. Ngày Phật Đản là ngày hầu hết các gia đình và chùa chiền ở Huế tự động lo lắng tổ chức. Ngày 14 tháng 4 âm lịch là ngày chuẩn bị cho ngày đại lễ. Dân chúng trang hoàng nhà cửa, treo đèn, kết hoa. Quan trọng nhất là bàn thờ Phật, hương hoa, trà được trưng bày một cách huy hoàng đẹp mắt.

Ban tổ chức lo xây dựng lễ đài trước mặt chùa Từ Đàm, sát với chùa để tổ chức buổi lễ chính vào sáng ngày rằm tháng tư. Tối 8 tháng 4, con đường lên chùa Từ Đàm đã tập nập người trẩy hội, xem đèn và lễ đài.

Vào ngày chính lễ rằm tháng 4, tất cả các chùa bắt đầu làm lễ từ lúc 4 giờ sáng. Riêng tại chùa Từ Đàm, ở lễ đài chính, buổi lễ bắt đầu từ 7h sáng. Lễ đài phải thiết tượng sơ sinh của Đức Phật đang bước trên đóa hoa sen, chung quanh đài là hào quang tỏa sáng, dưới tượng đài sen có 7 đóa sen.

Sáng rằm, sau khi chُر tăng, Phật tử các chùa, khuôn hội về đầy đủ, giờ cử hành nghi lễ mới khởi sự. Lúc này ở chùa Từ Đàm, Phật tử hàng ngũ chỉnh tề, các vị sư ở trong những vị trí qui định, hai hàng thiếu nữ, áo dài lam, hai tay đỡ lẵng hoa đứng dọc hai bên lễ đài kéo ra tận cổng chùa. Các loại cờ Phật giáo treo trước sân chùa tạo một quang cảnh vừa trang nghiêm, vừa rực rỡ.

Bắt đầu lễ là ba hồi chuông trống bát nhã, tiếp đến là diễn từ của một vị hòa thượng đại diện miền, trình bày ý nghĩa của lễ Phật Đản. Bài này thường là diễn từ chung của giáo hội trong năm đọc cho quảng đại quần chúng trong ngày Phật Đản. Kết thúc buổi lễ là các Phật tử dâng hoa cúng dường Đức Phật. [29]

Vào ngày rằm tháng tư, hầu như toàn thành phố Huế đều ăn chay, cờ Phật giáo được treo khắp nơi, chúng tỏ đạo Phật có một sức tỏa sáng đến mọi nhà. Thành phố Huế có lúc được xem là một thành phố Phật giáo. Con người Huế hiền hòa, chuộng đức độ, phải chăng là do ảnh hưởng thuyết lý đạo Phật đã bắt rễ sâu xa vào lòng dân tộc hàng ngàn năm trước.

Lễ hội Quán Thế Âm: Hằng năm cứ đến ngày 19/6 âm lịch, lễ hội Quán Thế Âm lại được tổ chức tại khu du lịch tâm linh tượng đài Quán Thế Âm, núi Tứ Tượng, thôn Bằng Lăng, xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tượng đài Quán Thế Âm được xây trên núi Tứ Tượng, có 145 bậc cấp dẫn lên

tượng đài. Tượng đài được xây dựng vào năm 1969, được đại trùng tu vào năm 1999. Tượng Bồ tát Quán Thế Âm cao 21m, phần tượng cao 14m, đài cao 7m, trọng lượng 24,6 tấn xi-măng. Với lòng từ bi vô lượng, Quán Thế Âm thể hiện sức mạnh huyền diệu cứu giúp mọi chúng sinh quán tưởng đến mình lúc gặp hiểm nguy. Trong nhân gian, Quán Thế Âm là vị bảo hộ tránh khỏi tai hoạ và hay được phụ nữ không con cầu tự. Cũng như các lễ hội khác Lễ hội Quán Thế Âm cũng bao gồm 2 phần: phần Lễ và phần Hội. Về phần Lễ gồm các nghi lễ truyền thống của Phật giáo Huế như lễ khai kinh, hưng tác thượng phan, ngọc cúng và đàn tràng tụng kinh Địa Tạng, trai đàn chẩn tế âm linh cô hồn, nguyện cầu âm siêu dương thái, tổ quốc vinh quang, thế giới hoà bình, chúng sanh an lạc. Về phần Hội bao gồm phần khai mạc trại Hạnh với hơn hàng ngàn trại sinh đến tham dự từ các huyện trong toàn tỉnh. Bên cạnh đó là các chương trình Văn nghệ, lễ hội phóng sanh và thả hoa đăng lung linh trên sông Hương.

Vùng đồi Tứ Tượng với tổng diện tích 16,35 ha cũng đã được chọn để xây dựng Trung tâm du lịch tâm linh Phật giáo Quán Thế Âm gồm các công trình mang đậm dấu ấn của kiến trúc thiền môn như tượng Quán Thế Âm; điện thờ Tam Bảo; tầng đường; thiền trà; Bồ Đề quán; khu cắm trại; vườn thiền; rừng thông tự nhiên (67,23%); hồ nước; giao thông, quảng trường... với tổng kinh phí xây dựng dự kiến trên 100 tỷ đồng. Hiện nay Trung tâm du lịch tâm linh Phật giáo Quán Thế Âm đã được xây dựng hoàn thiện, với vị trí tọa lạc thuộc thượng nguồn sông Hương, có cảnh trí thiên nhiên vừa thơ mộng, vừa hùng vĩ, vừa hiện thực, vừa siêu nhiên huyền bí không chỉ tạo ra nét đặc trưng riêng cho Phật giáo xứ Huế mà còn góp phần tô đẹp thêm cho quần thể di tích cố đô Huế. [29]

1.3.5. Ẩm thực chay Huế

Ẩm thực Huế là cách gọi của phương thức chế biến món ăn, nguyên lý chế biến, trang trí, phong cách dọn ăn, mời uống và những thói quen ăn uống nói chung của người Huế, Việt Nam. Theo thời gian, ẩm thực Huế chịu ảnh hưởng của những luồng văn hóa đến từ những cộng đồng dân cư khác nhau và những đặc thù của xứ sở nên mang những sắc thái riêng trở thành một phần của văn hóa Huế, văn hóa Việt Nam. Ở thời Nguyễn, Phật giáo được phong làm quốc giáo chính, sự tương tác giữa Phật giáo xứ Huế và tâm thức con người Huế đã làm phát sinh nhiều nét văn hóa cao đẹp trong nếp sống thực tiễn: cụ thể nhất là đồ chay nấu theo lối Huế.

Huế là kinh đô xưa, hàng năm vua chúa cũng phải ăn chay trong tuần tế đất trời mà với đối tượng này, việc chế biến món chay đòi hỏi phải thật tinh tế và hình

thức làm sao để tạo sự hấp dẫn khi ăn. Đó là những lý do để món chay Huế phát triển và bảo tồn đến nay.

Món chay Huế có rất nhiều, không thua kém gì món mặn. Với hơn 400 chùa và 230 niệm Phật đường vì thế, số người ăn chay hàng tháng ở Huế không phải nhỏ. Thời chúa Nguyễn Phúc Chu, hoàng tộc đã ăn chay, các hoàng thân quốc thích đều xây chùa riêng để làm công đức.

Tại sao khi nói đến ẩm thực chay, nhiều người sành về ẩm thực chay đều nhất trí rằng Huế là nơi có nhiều món ăn chay nhất và nấu ăn chay ở Huế đã trở thành một nghệ thuật rất tinh tế. Lễ đơn giản, Huế là cái nôi Phật giáo, là nơi đầu tiên ăn chay trở nên phổ biến và trở thành nét văn hóa độc đáo. Người Huế từ bình dân đến quý tộc đều có truyền thống ăn chay. Ai đó đã từng nói, ở Huế núi không cao, sông không sâu nhưng lòng người thì thâm trầm, tĩnh lặng bởi họ biết cách tu, biết ăn chay cho tâm hồn thanh tịnh

Từ những món ăn, uống gắn liền với việc thanh tu của chư tăng, mang ý nghĩa “cuộc sống đạm bạc của người xuất gia vốn xem ẩm thực chỉ là phương tiện để duy trì phần sống sinh học, thực hiện cứu cánh tu học trên con đường tiến tới sự giải thoát”, ẩm thực Phật giáo dần không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ giới hạn của nhà chùa mà đã thực sự lan tỏa và hòa lẫn vào dòng ẩm thực dân gian tạo nên một nét đặc sắc của văn hóa ẩm thực xứ Huế: văn hóa ẩm thực Phật giáo ở Huế. [7; 42]

Người Huế không chỉ ăn chay vào rằm, mùng một hay những ngày lễ, họ ăn chay như một thói quen thường nhật hay những khi gia đình có giỗ chạp. Đặc biệt, đa phần các gia đình Huế đều tự tay nấu món chay. Quanh năm, cơm chay, cỗ chay thường xuyên có mặt trong gia đình người Huế. Người Huế không ăn chay đơn giản vì sức khỏe mà với họ món chay còn ẩn chứa nhiều triết lý sâu xa. Chính bởi vậy, mâm cơm chay của người Huế không cần quá sang trọng, không cần phải giả gà giả heo mà càng đơn giản, càng đạm bạc càng tốt nhưng ở đó phải hội đủ các yếu tố âm dương, hội đủ thiên tịnh.

Nghệ thuật nấu cơm chay tồn tại và không ngừng được phát triển, nâng cao cùng với sự phát triển của đạo Phật ở Việt Nam nói chung và ở Huế nói riêng. Các

thể hệ đầu bếp Phật tử nối tiếp nhau đã bổ sung và làm cho các món ăn chay ngày càng thêm phong phú.

Sự giản dị trong món ăn nhà chùa, ngoài việc xuất phát từ quan niệm về triết lý dinh dưỡng của Phật giáo, còn phù hợp với điều kiện thực tế. Bởi, sinh hoạt ẩm thực thường nhật của chùa Huế xưa, chủ yếu bằng nguồn sản phẩm thu hoạch từ hoạt động trồng trọt của tăng chúng. Những tu sĩ thực hiện chế độ ăn chay trường, nhưng tín đồ thì có thể theo tâm nguyện mà ăn chay 2,4,6 ngày trong một tháng, hoặc ăn chay 3 tháng hoặc có những người lại ăn chay trường như tu sĩ. Nguồn nguyên liệu phong phú và đa dạng được thiên nhiên ban tặng, đã trở thành những món ăn trong bữa cơm thường nhật của sư tăng qua những cách chế biến khác nhau. Mối quan hệ mật thiết giữa con người với thiên nhiên, cây cối đã tạo nên những nét đặc trưng riêng biệt của hương vị ẩm thực nhà chùa xứ Huế. [7; 45]

Mâm cơm chay là nghệ thuật ẩm thực, vừa là nghệ thuật tạo hình, rực rỡ sắc màu, tất cả bắt nguồn từ hoa, quả, thực vật. Quanh năm, cơm chay, cỗ chay thường xuyên có mặt trong gia đình người Huế. Mời khách một bữa tiệc chay là dịp các bà nội trợ thể hiện tài nữ công gia chánh.

Thực đơn chay Huế cũng như thực đơn chay của nhiều vùng miền khác, phần lớn là giống nhau, nguyên liệu cũng đều lấy từ thiên nhiên, đều có nguồn gốc từ thực vật. Song điều làm cho món chay Huế trở thành nghệ thuật ẩm thực độc đáo, chính là sự kết hợp hài hòa của nhiều yếu tố: cái tài của người nội trợ; cái tâm cái tình của người nấu và người thưởng thức; sự hội tụ thiên địa linh khí của nguyên vật liệu đất cố đô... Trong gia tài ẩm thực chay Huế, có thể kể tên một số món đã làm nên thương hiệu của món chay xứ Huế, mà từ tên gọi cho đến cách chế biến đều mang đậm chất Huế, vừa giản dị vừa cầu kỳ mà lại không kém phần thanh tao: các loại bánh như bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, bánh hời (chất bột giống bánh mặn, chỉ khác ở chỗ nhân chay), món mít hoặc vả trộn ăn kèm bánh tráng, cơm sen chay, bún bò Huế chay, các loại chè...

Tóm lại, ẩm thực Phật giáo trở thành một bộ phận gắn liền với đời sống của cư dân Huế, tạo nên một nét văn hóa mang nhiều ý nghĩa về giá trị văn hóa lịch sử, văn hóa vùng miền, giá trị triết lý, tâm linh, giá trị về nghệ thuật và dinh dưỡng... Mối quan hệ giữa ẩm thực Phật giáo với văn hóa Huế đã tô điểm thêm nhiều sắc thái cho đời sống văn hóa cộng đồng cư dân nơi đây. Thương thức ẩm thực chay ở

Huế là một nghệ thuật, luôn mang một nét riêng, ẩn chứa sự khéo léo, tâm tình của người chế biến và tận dụng triệt để nguồn nguyên liệu phong phú, đa dạng, sẵn có trong không gian sống của chính họ.

TIỂU KẾT

Phật giáo từ lâu đã thâm nhập vào tâm hồn, nếp nghĩ, lối sống của dân tộc Việt Nam và đã trở thành bản chất và bản sắc của dân tộc Việt Nam. Phật giáo Huế đã khẳng định những bước tiến vững chắc và xác lập vị thế quan trọng trong sự phát triển của Huế, hình thành những giá trị văn hóa đa dạng và phong phú văn hóa Phật giáo Huế. Từ chùa chiền, nhạc lễ, lễ nghi, lễ hội... đến các hoạt động trong đời sống tăng ni đều mang những nét riêng, đặc trưng và điển hình bởi các yếu tố văn hóa truyền thống chi phối, mà trong đó, dấu ấn văn hóa truyền thống của cư dân Huế.

Văn hóa Phật giáo nổi lên như một dòng văn hóa chủ đạo, đang ngày đêm hòa cùng nhịp sống của hàng nghìn, hàng vạn người dân Huế, đã đi vào đời sống và tâm thức của người Huế một cách tự nhiên và cũng thật nhẹ nhàng, tạo nên một nét chấm phá rất riêng mà "chẳng nơi nào có được".

Giá trị của văn hóa Phật giáo Huế thể hiện trên nhiều phương diện mang lại đặc trưng riêng có của Huế. Từ kiến trúc Phật giáo mạng đậm chất Huế: Bên cạnh vẻ uy nghi, quan cách của vườn ngự ở cung điện, lăng tẩm, không gian ấm cúng, thân thiết của vườn phủ đệ hay dân gian, là khoảng tĩnh tại, thanh thoát của những ngôi vườn chùa. Ngôi chùa đã gắn vào tổng thể kiến trúc nơi đây “hài hòa như chính đạo Phật hòa tan vào lòng đời” với đầy đủ yếu tố triết mỹ. Bởi không chỉ là không gian thuần túy giữa cảnh quan và kiến trúc, chùa Huế với những nét đặc thù về giá trị văn hóa - lịch sử.

Lễ hội xuất phát từ tôn giáo tín ngưỡng sẽ thỏa mãn các nhu cầu của con người về đời sống tâm linh, đời sống văn hóa. Đó là sự thăng hoa của ngày thường thành không gian tôn kính linh thiêng, vừa phản ánh hiện thực, vừa thể hiện khát vọng của con người trong cuộc sống. Phật giáo Huế trong dòng chảy văn hóa này đã tạo nên những nét đặc trưng, khi chính nơi đây từng là “kinh đô Phật giáo”, thấm đẫm tinh thần Phật giáo trong lối sống, ứng xử của con người xứ Huế. Cho nên, lễ hội cũng vậy, dù mang tính chất tôn giáo với các lễ nghi truyền thống nhưng vẫn ẩn chứa nét văn hóa truyền thống xứ Huế trong tâm thức mỗi con người sinh sống nơi đây. Giá trị văn hóa đặc trưng của lễ hội Phật giáo Huế có thể nhìn thấy từ

hai mặt của phần lễ và phần hội, trong đó, phần lễ đóng vai trò chủ đạo, bảo lưu các lễ nghi Phật giáo truyền thống.

Đồ chay nấu lồi Huế chính là sự vận dụng đạo Phật vào cuộc sống hàng ngày của người Huế để trở lại phục vụ nhân sinh với ý nghĩa đẹp hơn, vui hơn, mới lạ hơn, vừa giữ được cái “bất biến” của đạo Phật, vừa không đánh mất bản sắc văn hóa vốn có của một địa phương có nhiều đặc trưng trong đại khối dân tộc, và ta có thể kể như đây là nét đặc trưng trong văn hóa Phật giáo Huế vậy.

Tóm lại, Phật giáo Huế đã khẳng định những bước tiến vững chắc và xác lập vị thế quan trọng trong sự phát triển của Huế, hình thành một di sản văn hóa đa dạng và phong phú trong di sản văn hóa Huế. Từ chùa chiền, nhạc lễ, lễ nghi, lễ hội... đến các hoạt động trong đời sống tăng ni đều mang những nét riêng, đặc trưng và điển hình bởi các yếu tố văn hóa truyền thống chi phối mà trong đó, dấu ấn văn hóa truyền thống của cư dân vùng Thuận Hóa - Phú Xuân. Cho nên, di sản văn hóa Phật giáo Huế cần được chú trọng và quan tâm nhiều hơn, nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa nhưng cũng đồng thời quảng bá, khai thác nó dưới nhiều góc độ khác nhau trong chiến lược phát triển, khi Huế trở thành một thành phố du lịch, thành phố Festival của cả nước.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ HUẾ

2.1. Hoạt động du lịch của Huế trong những năm gần đây

2.1.1. Thừa Thiên - Huế - Trung tâm văn hóa du lịch miền trung

Được xác định là một trong năm tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Thừa Thiên - Huế nằm trên trục giao thông chính, có cảng biển nước sâu Chân Mây, cảng Thuận An với quy mô lớn phục vụ cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên và tiểu vùng Mê Kông; có sân bay Phú Bài nằm trên quốc lộ 1A, tuyến đường sắt xuyên Việt chạy dọc theo tỉnh, có 86km biên giới với Lào. Với vị thế đó, Thừa Thiên - Huế được xác định là cực phát triển kinh tế quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là cửa ngõ của tuyến hành lang thương mại Đông - Tây nối Myanmar, Thái Lan, Lào với biển Đông. Với vị trí thuận lợi này, Thừa Thiên - Huế có điều kiện để phát triển kinh tế hàng hóa, mở rộng giao lưu kinh tế với các địa phương trong nước và thế giới [18].

Không những thế, Thừa Thiên - Huế còn là nơi hội tụ giao thoa các yếu tố văn hóa và kinh tế của nền văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh; của nền văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa và sau này là văn hóa phương Tây, tạo ra tiểu vùng văn hóa Huế độc đáo trong đa dạng và phong phú, góp phần làm nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Quần thể di tích Cố đô Huế với những kiệt tác về kiến trúc cung đình, những công trình văn hóa, lăng tẩm đã được UNESCO xếp hạng là một trong những di sản văn hóa lớn của thế giới bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể, nơi có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: sông Hương, núi Ngự, đèo Hải Vân, núi Bạch Mã, bãi biển Lăng Cô, Thuận An, Cảnh Dương và hàng trăm chùa chiền với kiến trúc dân tộc độc đáo như chùa Thiên Mụ, Bảo Quốc, Từ Đàm...

Bên cạnh các di sản văn hóa vật thể, Huế cũng là nơi duy nhất ở nước ta hiện còn lưu giữ được những di sản văn hóa phi vật thể phong phú, đa dạng, độc đáo như các loại hình nghệ thuật, âm nhạc, ca múa cung đình Huế; ẩm thực, các hoạt động lễ hội và hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, phong tục tập quán đặc sắc mà trong mỗi loại hình đều có sự gắn bó, hòa nhập giữa văn hóa cung đình và văn hóa dân gian. Trong đó, Nhã nhạc cung đình Huế đã được UNESCO công nhận là kiệt tác di sản phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại, đúng như nhận định của Giám đốc UNESCO: "Huế là một kiệt tác về thơ, về kiến trúc đô thị, là một thành phố

độc quyền giữ trong mình những kho tàng vô giá, một nhà bảo tàng kỳ lạ của nền văn hóa vật chất và tinh thần của Việt Nam" [18].

Các di sản văn hóa Huế vừa hội tụ những đặc trưng, những tinh hoa của văn hóa dân tộc, vừa thể hiện những nét riêng có của một vùng văn hóa truyền thống; được đánh giá là “đỉnh cao của sức sáng tạo Việt Nam”. Không những mang ý nghĩa về mặt lịch sử văn hóa, mà nhiều di tích ở Huế còn là những tác phẩm kiến trúc nghệ thuật vô giá, có sức hấp dẫn rất lớn đối với các nhà nghiên cứu, du khách tham quan trong và ngoài nước.

Tất cả yếu tố đó là nguồn tài nguyên du lịch vô giá, tạo nên những sản phẩm du lịch văn hóa - thể mạnh không chỉ của riêng Thừa Thiên - Huế mà còn có ý nghĩa đối với sự phát triển của Du lịch Việt Nam.

2.1.2. Hoạt động kinh doanh du lịch tại Huế

2.1.2.1. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Với những nỗ lực không ngừng về mọi mặt và đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đề ra của việc phân loại đô thị loại 1, ngày 24-8-2005, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 209/2005/QĐ-TTg công nhận thành phố Huế là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh. Đây là sự ghi nhận hết sức quan trọng của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đối với sự phát triển về chất của đô thị Huế, qua đó cũng cho thấy những thế mạnh và tiềm năng của Huế. [18]

Với vai trò là hạt nhân, động lực cùng với những tiềm năng, thế mạnh của một vùng đất có bề dày về lịch sử, văn hóa, một nơi có cảnh quan đẹp, con người đẹp, tỉnh Thừa Thiên - Huế nói chung và thành phố Huế nói riêng đã có những nỗ lực lớn để không ngừng phát triển du lịch của địa phương.

Xét về vị trí, thành phố Huế là trung điểm của cả nước - là đầu mối của các tuyến đường giao thông quốc gia, rất thuận lợi cho việc khai thác tiềm lực, phát triển quan hệ giao lưu kinh tế-văn hóa với các vùng trong nước và quốc tế; đặc biệt, rất quan trọng trên trục hành lang thương mại quốc tế theo quốc lộ 9. Sắp tới, khi Cảng Chân Mây hoạt động đạt công suất, các cửa khẩu và các tuyến đường quốc tế với Lào được xây dựng và khai thông... thì Huế trở thành trọng điểm giao thông đối ngoại quốc gia và quốc tế; đồng thời, sẽ sôi động với vai trò là một trong các đầu mối giao lưu quan trọng của tuyến hành lang Đông Tây.

Cơ sở hạ tầng được cải thiện rõ rệt như các tuyến giao thông ngang nối với cầu Hòa Xuân (Phong Điền), cầu Trường Hà (Phú Vang), các cửa khẩu nối với nước bạn Lào, Cảng nước sâu Chân Mây, Sân bay Phú Bài, đường Hồ Chí Minh, Hành lang bộ Hải Vân... đã tạo ra thời cơ phát triển du lịch tỉnh. Các cụm điểm du lịch: Lăng Cô - Bạch Mã - Hải Vân; khu nước khoáng Thanh Tân, Tân Mỹ - Thuận An... đã và đang được triển khai, thu hút đầu tư đã tạo một diện mạo mới cho Thừa Thiên - Huế. Hàng trăm công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ Festival, các lễ hội, thể dục - thể thao ở tầm quốc gia được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới; cùng với quá trình chỉnh trang đô thị, nhiều Khu đô thị mới được đầu tư xây dựng.

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu phục vụ du khách đến Huế ngày càng tăng, trong những năm qua, hệ thống các doanh nghiệp du lịch Huế cũng đã phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Các doanh nghiệp vận chuyên khách được đầu tư các phương tiện vận chuyển chất lượng cao với khoảng hơn 1000 xe ô tô các loại cùng với hàng trăm xe xích lô phục vụ khách. Số lượng các công ty chuyên về lữ hành có trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện tại thành phố Huế cũng lên tới con số hàng trăm. Đặc biệt hệ thống cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch, các doanh nghiệp khách sạn có sự tăng trưởng nhanh nhất, tương xứng với tốc độ tăng trưởng của du lịch Huế.

Bảng 2.1. Số lượng khách sạn (KS) được xếp hạng trên địa bàn Thừa Thiên - Huế tính đến năm 2012

Loại KS	5 sao	4 sao	3 sao	2 sao	1 sao
Số KS	4	9	11	29	46
Số phòng	648	1231	765	1048	874

(Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế)

Bảng 2.2. Số lượng Cơ sở lưu trú (CSLT) và dịch vụ trên địa bàn Thừa Thiên - Huế tính đến năm 2012

Loại CSLT	Nhà nghỉ DL	KS đạt tiêu chuẩn	KS khác	Nhà khách-Nhà nghỉ
Số lượng	16	417	1647	2919

(Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế)

Theo thống kê, Huế hiện có 4 khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao. Huế còn có 9 khách sạn 4 sao và 11 khách sạn 3 sao với chất lượng khá cao, tương đương hoặc có chất lượng cao hơn các khách sạn cùng loại trong nước và khu vực. Hầu hết các khách sạn đều có các tiện nghi phục vụ ăn uống phong phú như nhà hàng, quán bar, cà phê, trung tâm thương mại, các phòng tiện nghi phục vụ hội thảo, hội nghị.

Tuy đã có những bước tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng, tình trạng thiếu khách sạn và giá phòng cao vào mùa du lịch, đặc biệt vào thời gian diễn ra các kỳ Festival vẫn là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến du lịch Huế.

2.1.2.2. Các loại hình du lịch được khai thác ở Huế

Với tài nguyên du lịch phong phú, độc đáo, Huế có tiềm năng phát triển hầu hết mọi loại hình du lịch. Tại khu vực nội thành, các sản phẩm du lịch tiêu biểu được thường xuyên tổ chức hiện nay ở Huế là:

- Du lịch thăm quan di tích văn hóa, lịch sử; nghiên cứu văn hóa dân tộc; tham quan các điểm danh thắng của cố đô;
- Du lịch ẩm thực;
- Du lịch tham quan mua sắm hàng thủ công, mỹ nghệ, các làng nghề;
- Du lịch lễ hội;
- Du lịch hội thảo, hội nghị (du lịch MICE);
- Du lịch đường thủy;
- Du lịch sinh thái - tâm linh...

Trong đó, loại hình du lịch văn hóa là thế mạnh lớn nhất của thành phố Huế, hàng năm đem về nguồn thu ngân sách quan trọng nhất. Các nhà làm du lịch ở Huế cũng không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu để cho ra đời những sản phẩm du lịch mới, mang đậm bản sắc, gắn liền với đất và người cố đô, điển hình như gần đây nhất, tháng 10/2011, sản phẩm “Du lịch Huế trong mưa” đã chính thức được đưa vào khai thác, như là một điểm nhấn để níu chân du khách trong mùa mưa của Huế.

2.1.2.3. Khách du lịch và doanh thu du lịch

Có thể nói với vị thế là một trung tâm văn hóa du lịch lớn nhất cả nước, Thừa Thiên - Huế có tốc độ tăng trưởng cao so với các tỉnh thành khác trong hoạt động du lịch. Khách du lịch đến Thừa Thiên - Huế chủ yếu chọn điểm đến thành phố

Huế vì nơi đây tập trung các sản phẩm cốt lõi du lịch của tỉnh: Quần thể di tích Cố đô Huế - di sản văn hóa thế giới; các di tích lịch sử cách mạng, bảo tàng, công trình kiến trúc tôn giáo...; các hoạt động của lễ hội, ẩm thực Huế, nhà vườn cổ... cũng tập trung nhiều tại vùng đất Cố đô. Thêm vào đó, các điểm du lịch nằm ngoài địa bàn không quá cách xa thành phố Huế là những lý do cốt nghĩa vì sao khách du lịch đến Huế hàng năm chiếm trên 90% tổng lượng khách đến Thừa Thiên - Huế.

Cũng cần nói thêm, nằm giữa hai đầu đất nước, giao thông thuận lợi; đặc biệt, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của Huế rất tốt là nguyên nhân khiến du khách chọn Huế là điểm đến. Qua thống kê, tỷ lệ khách quốc tế và nội địa đến du lịch tại Huế gần như tương đương nhau.

Từ năm 1990 đến nay, hình ảnh cố đô Huế tươi đẹp, an toàn thân thiện với bản sắc văn hóa độc đáo được biết đến ngày càng rộng rãi trên thế giới đã thu hút ngày càng nhiều du khách đến với Huế. Thông qua các hoạt động tuyên truyền quảng bá, các lễ hội, du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Huế nói riêng đã gặt hái được những kết quả đáng mừng. Nếu như tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành du lịch của nước ta đạt 10 - 11%/năm, thì Thừa Thiên - Huế có tốc độ tăng trưởng bình quân lên tới 15 - 17%/năm về lượt khách. Theo thống kê, số lượt khách đến Huế với mục đích tham quan, tìm hiểu lịch sử văn hóa, hay đơn giản là chỉ đến để tận mắt chiêm ngưỡng một di sản thế giới chiếm tới gần 80% tổng lượt khách du lịch. Điều này chứng minh được giá trị và sức hấp dẫn của di sản Huế, đồng thời đây cũng là thước đo và căn cứ để ngành Du lịch Huế có kế hoạch lâu dài trong phát triển sản phẩm, nhằm phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 15 - 17%/năm về lượt khách trong giai đoạn 2011 - 2015. Mục tiêu cụ thể được đề ra là đến năm 2015 ngành Du lịch Thừa Thiên - Huế sẽ đón và phục vụ 2,5 triệu lượt khách, trong đó có từ 1 - 1,2 triệu lượt khách quốc tế.

Bảng 2.3. Lượng khách du lịch đến Huế từ năm 2006 đến 2012

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Lượng khách	996,500	1.374,300	1.388,610	1.296,100	1.451,600	1.605,502	1.732

(Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế)

Trong đó:

Bảng 2.4. Lượng khách quốc tế đến Huế từ năm 2006 đến 2012

(Đơn vị : Nghìn Người)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Lượng khách	303,100	575,100	680	561,570	607,600	651,350	723,100

(Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế)

Bảng 2.5. Lượng khách trong nước đến Huế từ năm 2006 đến 2012

(Đơn vị : Nghìn Người)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Lượng khách	693,400	799,200	708,610	734,530	844	954,152	1.009,900

(Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế)

Phân tích ba bảng thống kê trên có thể thấy, lượng khách du lịch đến Huế vẫn luôn tăng đều qua từng năm. Riêng năm 2009 và 2010, do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động nên lượng khách quốc tế đến Huế trong hai năm này có giảm, song không đáng kể. Bước sang năm 2011, với những chính sách phát triển du lịch hợp lý, tăng cường xúc tiến quảng bá, đưa vào khai thác thêm nhiều sản phẩm du lịch và nhiều loại hình du lịch mới (điển hình như du lịch thiện nguyện, du lịch trong mưa...), lượng khách quốc tế đã tăng hơn 5% và lượng khách trong nước tăng hơn 10% so với năm 2011. Như vậy, trong tình hình khủng hoảng kinh tế chung hiện nay, việc duy trì khá ổn định lượng khách đến tham quan di tích Huế năm 2011 là một tín hiệu khả quan cho sự phát triển mới vào năm 2012 và 2013 với nhiều sự kiện trọng đại, đặc biệt là Festival Huế 2012, năm Du lịch quốc gia Duyên hải Bắc Trung Bộ - Huế 2012 và Festival Làng nghề truyền thống Huế năm 2013.

Trong Quý 1/2013 du lịch Thừa Thiên - Huế được đánh giá là tăng trưởng mạnh, lượng khách du lịch đến Thừa Thiên - Huế đạt trên 632.492 lượt, trong đó khách du lịch quốc tế là 257.019 lượt, khách du lịch nội địa là 375.475 lượt. Khách lưu trú ước đón được gần 384.397 lượt, tăng 6,24% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó khách du lịch quốc tế đạt gần 200.195 lượt, tăng 3,41% so với cùng kỳ năm 2012, khách nội địa đạt 184.202 lượt tăng 9,50%. Doanh thu du lịch ước đạt 560,520 tỷ đồng, tăng 16,50% so với cùng kỳ năm trước. [18]

Thời gian tới, ngành du lịch Thừa Thiên- Huế hứa hẹn có nhiều điểm mới, hấp dẫn phục vụ du khách. Điểm nhấn của du lịch Huế năm 2013 là Festival Nghệ truyền thống Huế diễn ra từ ngày từ 27/4 đến 01/5/2013, bên bờ sông Hương với chủ đề "Tinh hoa Nghệ Việt", với sự hội tụ các nghệ nhân tiêu biểu có bàn tay vàng trên cả nước đến từ Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Giang, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Nam, An Giang, Ninh Thuận, Bình Dương, Huế... Các nghệ nhân sẽ trực tiếp giao lưu, giới thiệu sản phẩm và thao diễn sản xuất với công chúng.

Năm 2013, Thừa Thiên - Huế đặt mục tiêu phấn đấu đón trên 2,5 triệu lượt khách, trong đó trên 1 triệu lượt khách quốc tế và nguồn thu từ dịch vụ, du lịch chiếm gần 50% GDP. Trên cơ sở đó, nhiều biện pháp kích cầu du lịch được tỉnh Thừa Thiên - Huế thực hiện như tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, công ty lữ hành, khách sạn, nhà hàng và các điểm du lịch nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, xây dựng các tour mới, chú trọng phát triển sản phẩm du lịch tuyến du lịch hành lang kinh tế Đông - Tây [18].

Thừa Thiên - Huế cũng tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch đến các thị trường truyền thống, tiềm năng như các nước Pháp, Nhật, Canada, Bỉ, Ý, Úc, Hàn Quốc; tăng cường giới thiệu về các sự kiện du lịch trong nước nhân Năm Du lịch Quốc gia 2013. Với những biện pháp kích cầu như vậy, nên doanh thu từ hoạt động du lịch của Huế nhìn chung cũng tăng lên qua từng năm (ngoại trừ năm 2009).

Bảng 2.6. Doanh thu từ hoạt động du lịch tại Huế từ năm 2006 - 2012

(Đơn vị: tỷ đồng)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Doanh thu từ HDDL	493,800	745	801,500	684,100	831	1.003,300	1.215,100

(Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế)

Với doanh thu du lịch như vậy, những năm qua, ngành du lịch đã có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế của thành phố Huế. Ngành du lịch tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp khách sạn, nhà hàng, nhà vườn sinh thái, gắn với tổ chức các hoạt động lễ hội, festival, tạo ra những sản phẩm du lịch mới có chất lượng. Hiện, số cơ sở kinh doanh dịch vụ, thương mại, khách sạn, nhà hàng trên địa bàn thành phố lên tới con số 6.351 cơ sở, tăng 1,8 lần so với 5 năm về trước và đang có xu hướng ngày càng gia tăng. Ngành du lịch ở Huế đóng góp tích cực

trong việc tạo ra việc làm và giảm nghèo trên địa bàn. Chưa có một con số chính xác, nhưng hiện nay tỷ lệ lao động du lịch tại thành phố Huế được xác định là chiếm tỷ lệ cao trong tổng số lao động của thành phố. Sự đầu tư cho du lịch đã thực sự góp phần làm cho bộ mặt đô thị Huế ngày càng khang trang.

2.2. Thực trạng khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ du lịch tại thành phố Huế

Hiện nay, du lịch Thừa Thiên - Huế đang có lợi thế không nhỏ trong chiến lược phát triển du lịch tâm linh, du lịch hành hương khi mà số lượng Phật tử ngày càng đông đảo. Theo số liệu thống kê của nhà nghiên cứu tôn giáo Đỗ Quang Hưng thì: chỉ tính riêng tín đồ của Phật giáo ở Việt Nam, số liệu điều tra vào năm 2005 thì số lượng tín đồ "sống đạo" (Pratiquant) của Phật giáo là 7.204.380 người/15.279.478 người có tôn giáo và con số đó vẫn không ngừng tăng lên. [29]

Là trung tâm Phật giáo không chỉ vì trên mảnh đất này có số lượng chùa nhiều nhất, mật độ chùa dày nhất, mà hiện nay ở Huế còn bảo tồn được trên 100 ngôi chùa cổ, trong đó có hàng chục Tổ đình, cũng như bảo lưu nhiều nghi lễ Phật giáo truyền thống và hoạt động Phật sự tôn nghiêm.

Các ngôi chùa Huế đều giữ được nét cổ kính của kiến trúc Á Đông, kiến trúc truyền thống của Việt Nam và nghệ thuật sinh vật cảnh. Chùa Huế là một mảng kiến trúc quan trọng cùng với quần thể kiến trúc cung đình, kiến trúc dân gian tạo nên “bài thơ đô thị Huế” có bản sắc riêng.

Từ lâu, chùa Huế đã trở thành sản phẩm du lịch đặc thù của Huế. Tuy nhiên, du khách đang đến với chùa Huế như đến với công trình kiến trúc - sinh cảnh, đến với một không gian tâm linh để chiêm bái, thư giãn. Dòng văn hóa Phật giáo đang chảy trong Huế vẫn chưa được du khách cảm nhận hết như những gì vốn có.

Đó là tính đa dạng trong hệ cảnh quan, kiến trúc, trang trí, nội thất của những ngôi chùa Huế; là những giá trị trong nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật diễn xướng mang hơi thở của Phật giáo xứ Đàng Trong nói chung và Phật giáo xứ Huế nói riêng. Sự đa diện trong sinh hoạt văn hóa thông qua các lễ hội, sinh hoạt của tăng chúng - Phật tử, văn hóa ẩm thực... phản ánh những ảnh hưởng của giáo lý nhà Phật, vẫn đang được luân chuyển một cách lặng lẽ trong đời sống thường nhật,

trong mạch nguồn văn hóa Huế, và đang chờ đợi du khách đến Huế thăm thú và cảm nhận.

Vì thế, ngoài những loại hình du lịch cụ thể đã được khai thác lâu nay như du lịch thiện nguyện, tham quan danh lam thắng cảnh, chiêm bái, hành thiền chữa bệnh... văn hóa Phật giáo Huế hội đủ điều kiện để tổ chức thành Festival văn hóa tâm linh.

2.2.1. Khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo tại các ngôi chùa Huế

2.2.1.1. Du lịch tham quan

Chùa Huế từ lâu đã trở thành điểm đến chiêm bái, văn cảnh cho bao du khách thập phương. Điều đáng nói ở đây là ngôi chùa trong di sản văn hóa Huế không phải là di tích của một thời đã qua như cung điện, lăng tẩm nhà Nguyễn; chùa Huế cũng không phải là hồi quang của quá khứ mà là những thực thể sống động chứa đựng những dòng chảy văn hóa thâm trầm, nối quá khứ với hiện tại, nối con người nơi đây với sự ứng xử xã hội trong các mối tương quan với đất trời, với cộng đồng và tha nhân. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân thì Chùa Phật là một nội dung quan trọng của Trung tâm du lịch Huế bởi từ cuối thế kỷ 18, khi người dân Thuận Hóa - Phú Xuân chưa có khái niệm gì về du lịch thì đã có những người vị khách đến Huế thời ấy đi văn cảnh chùa Huế. Người du khách nổi tiếng còn để lại trong sử sách là nhà thơ Phan Huy Ích. Đến cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 người Pháp đã tổ chức du lịch Trung Kỳ trong đó chùa Huế là một trong những điểm đến của họ [14]. Như vậy có thể nói, những ngôi chùa ở Huế đã trở thành địa chỉ hành hương thu hút không chỉ tăng ni, phật tử, mà còn rất nhiều du khách. Hiện ở Huế có hơn 400 ngôi chùa và niệm phật đường lớn nhỏ, trong đó có những ngôi Tổ đình, cổ tự nổi tiếng từ hàng trăm năm như Chùa Thiên Mụ, Từ Đàm, Báo Quốc, Từ Hiếu, Quốc Ân, Trúc Lâm, Thiên Tôn, Trà Am, Vạn Phước... Mỗi ngôi chùa ở Huế không chỉ là một công trình kiến trúc độc đáo hòa quyện giữa con người với cảnh quan thiên nhiên, mà còn là một địa chỉ lịch sử, văn hóa, tâm linh đặc sắc. Nhiều ngôi chùa đã trở thành biểu tượng đặc trưng trong đời sống văn hóa tâm linh Huế. [31]

Một Tour du lịch đến với những ngôi chùa Huế bao gồm: văn cảnh, thưởng ngoạn vẻ đẹp về kiến trúc, điêu khắc Phật giáo trong khuôn viên ngôi chùa; thưởng thức ẩm thực chay. Các công ty du lịch thường tổ chức các tour đến với một số chùa nổi tiếng như: Thiên Mụ, Từ Đàm, Từ Hiếu, Diệu Đế. Đến với tour du lịch

này, du khách sẽ được đắm chìm trong không gian linh thiêng, chiêm ngưỡng những nét độc đáo của kiến trúc Phật giáo truyền thống, được thưởng thức những món chay đặc sắc do ni sư chế biến... Sau đây xin điếm qua hoạt động tham quan du lịch của du khách tại một số ngôi chùa tiêu biểu nhất của thành phố Huế.

Chùa Thiên Mụ

Khi nói đến chùa Huế nhất định phải nhắc đến ngôi chùa nổi tiếng nhất mảnh đất Thần kinh này - chùa Thiên Mụ. Đây là ngôi chùa được coi là cổ nhất ở Huế gắn liền với chúa Nguyễn Hoàng - vị chúa đầu tiên mở mang bờ cõi, gây dựng cơ nghiệp cho nhà Nguyễn sau này. Chùa Thiên Mụ chính thức xây dựng vào năm Tân Sửu (1601), chùa tọa lạc trên ngọn đồi Hà Khê, về phía tả ngạn sông Hương cách kinh thành khoảng 5km theo hướng Tây. Theo đà hưng thịnh và phát triển của Phật giáo Đàng Trong, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725) chùa được xây dựng lại quy mô hơn với việc trùng tu lại các công trình lớn như điện Thiên Vương, điện Đại Hùng, nhà Thuyết pháp... Đến thời các vua Nguyễn (1802 - 1945), đặc biệt dưới thời vua Thiệu Trị (1841 - 1847), chùa được xây dựng lại quy mô hơn nữa với việc xây dựng thêm các công trình có giá trị về mặt kiến trúc như hai Bi Đình (nhà để bia đá), Phước Duyên bảo tháp, đình Hương Nguyên...

Khi chúa Nguyễn Hoàng cho xây dựng chùa trên đồi, đặt tên là Chùa Thiên Mụ (bà mụ nhà trời). Về sau, vua Gia Long cho đổi tên thành chùa Linh Mụ. Người Huế vẫn thường gọi bằng cả hai tên: Thiên Mụ và Linh Mụ. Trải qua hàng trăm năm tồn tại, mở rộng và phát triển từ thời các chúa Nguyễn đến các vua Nguyễn, với cảnh đẹp tự nhiên và quy mô được mở rộng ngay từ thời đó chùa Thiên Mụ đã trở thành ngôi chùa đẹp nhất xứ Đàng Trong, và được vua Thiệu Trị xếp vào “Thần kinh nhị thập cảnh” (20 cảnh đẹp của đất thần kinh) và ngày nay vẫn là biểu tượng tâm linh của người dân Cố đô.[24]

Qua nhiều đợt trùng tu lớn nhỏ, ngoài những công trình kiến trúc như tháp Phước Duyên, điện Đại Hùng, điện Quán Âm cùng bia đá chuông đồng..., chùa Thiên Mụ còn là nơi có nhiều cổ vật quý giá không chỉ về mặt lịch sử mà còn cả về nghệ thuật. Những bức tượng Hộ Pháp, tượng Nhị Thập Thiên Vương... hay những hoành phi câu đối đều ghi dấu ấn thời kỳ lịch sử vàng son của chùa.

Một trong những điểm nhấn về kiến trúc chùa Thiên Mụ đó là bảo tháp Phước Duyên. Tháp được xây dựng theo kiểu kiến trúc văn hóa dung hợp được hai nguồn văn hóa Trung Quốc và Champa để sáng tạo ra một nét độc đáo riêng cho văn hóa

Việt Nam (nửa đầu thế kỷ XIX) vào năm 1844 dưới thời vua Thiệu Trị. Đây được xem là một trong những công trình lớn nhất của chùa và gây được sự chú ý đặc biệt với khách thập phương khi đến thăm chùa bởi vị trí đắc địa nghiêng mình soi bóng bên dòng sông Hương.

Với vẻ đẹp tự nhiên hài hòa trong giá trị kiến trúc điêu khắc, đồng thời mang trong mình dòng chảy lịch sử Phật giáo xứ Đàng Trong và gắn bó với thủa ban đầu “mang gương đi mở cõi”, nên chùa Thiên Mụ là ngôi chùa được du khách chọn đến tham quan nhiều nhất. Bên cạnh đó, về phía các công ty du lịch cũng chọn đây là một điểm đến không thể thiếu trong chương trình tour của mình cũng bởi vẻ đẹp huyền sử và vị thế là ngôi chùa khai quốc của Thiên Mụ. Nhà tổ chức tour còn đưa du khách đi thuyền ngược sông Hương để có cơ hội ngắm nhìn cảnh quan nên thơ dọc hai bên bờ và cập bến ngay trước cổng chùa rất thú vị. Khi đưa du khách đến đây, các hướng dẫn viên đều đã tập trung giới thiệu về lịch sử của ngôi chùa cũng như nét kiến trúc độc đáo của chùa cho du khách. Tuy nhiên, có thể nói hoạt động du lịch ở đây còn rất hạn chế, thuần túy chỉ là hoạt động tham quan văn cảnh và chụp ảnh lưu niệm của du khách. Ngoài ra, trước hoặc sau khi tham quan xong, du khách có thể mua một ít sản phẩm lưu niệm về làm quà dọc theo hai lối đi lên chùa Thiên Mụ. Nhưng, nhìn chung, ngoài giá trị kiến trúc được hướng dẫn viên giới thiệu một cách sơ sài, những giá trị Phật giáo tinh túy khác của chùa Thiên Mụ vẫn chưa được giới thiệu đến du khách, chẳng hạn như nghệ thuật điêu khắc tượng, nghệ thuật vườn thiền, ẩm thực chay hay những nghi lễ Phật giáo... Du khách cũng rất ít khi được tiếp cận với các nhà sư trong chùa để được hiểu thêm về đời sống tu hành cũng như việc thực hành nghi lễ, giáo pháp của họ. Chùa Thiên Mụ cũng như các chùa khác ở Huế đều không thu phí tham quan, hơn nữa với vị thế đặc biệt là một ngôi quốc tự nổi tiếng vì vậy mà số lượng du khách gần xa đến thưởng ngoạn là rất đông đảo, gần như quanh năm. Nhưng nếu như chỉ đến tham quan, văn cảnh thì quả thực là vô cùng lãng phí những giá trị văn hóa nghệ thuật Phật giáo đặc sắc của nơi đây.

Chùa Từ Đàm

Ngoài chùa Thiên Mụ, ngôi chùa được nhiều du khách viếng thăm nhất là chùa Từ Đàm. Ngôi chùa này tọa lạc ở số 01 đường Sư Liễu Quán, phường Trường An, thành phố Huế. Thủa sơ khai đây chỉ là ngôi thiền thất được ngài Minh Hoàng - Tử Dung, vị Thiền sư Trung Hoa dựng vào cuối thế kỷ XVII (khoảng năm 1690)

vào đời chúa Nguyễn Phúc Thái, đặt tên là Ấn Tôn với ý nghĩa lấy sự truyền tâm làm tông chỉ. Năm 1703, chúa Nguyễn Phúc Chu sắc phong cho chùa là Sắc tứ Ấn Tôn Tự. Đến năm 1841, vua Thiệu Trị ra sắc chỉ đổi tên là “Từ Đàm Tự” tức đám mây lành, tượng trưng cho đức Phật như mây lành, đem bóng mát đến cho thế gian, cho ngôi chùa Việt Nam. Dù là một ngôi chùa cổ song hiện nay kiến trúc chùa lại không cổ, sờ dĩ như vậy là do chùa đã được xây lại, mở rộng ra, cùng với phong trào chấn hưng Phật giáo năm 1935 để trở thành trụ sở Hội Phật giáo cho cả xứ Trung kỳ. Ngôi chùa có nhà tiền đường, mái ngói, ba gian, rộng 7,4m, dài 18m; gian trong cùng thờ tượng đức Phật Thích Ca ngự trên tòa sen, tay bắt ấn Tam muội. Tượng bằng đồng, cao khoảng 1,30m, do hai ông Nguyễn Khoa Toàn và Nguyễn Hữu Tuân thực hiện năm 1940. Ngày 04-7-2006, chùa Từ Đàm lại tổ chức tái thiết lại ngôi chánh điện với chiều dài 42m, chiều ngang 35,9m gồm hai phần, dưới là tầng hầm dùng làm hội trường, trên là ngôi chánh điện, kiến trúc theo mô hình trùng thiềm điệp ốc, ba gian hai chái, kiểu kiến trúc truyền thống của chùa Huế. Trong sân chùa có cây Bồ đề cổ thụ mang nguồn gốc từ cây Bồ đề chính tại Ấn Độ, nơi đức Phật Thích Ca thành đạo quả. Dưới gốc Bồ Đề là bức tượng của nhà điêu khắc Diềm Phùng Thị, còn có Tháp Ấn Tôn bảy tầng cao 27m, nơi đặt tượng Phật bảy đời trong quá khứ. Bảo tháp này thể hiện sự phát triển, vươn lên của Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế. [24]

Mặc dầu không phải là ngôi chùa vào loại cổ nhất Việt Nam, nhưng Từ Đàm được Phật tử cả nước biết đến do vai trò quan trọng của chùa trong công cuộc chấn hưng và phát triển của Phật giáo Việt Nam thời kỳ cận đại. Đây là nơi diễn ra đại hội thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và ký tên gia nhập Hội Phật giáo thế giới năm 1951, cũng là trung tâm của các hoạt động đấu tranh của Giáo hội Phật giáo chống chế độ độc tài tại miền Nam vào những năm 60 của thế kỷ XX, để lại dấu ấn lớn trong công cuộc đấu tranh giải phóng Miền Nam. Ngày nay, chùa trở thành trung tâm Phật học lớn của cả nước, hàng trăm Niệm Phật đường và các khuôn hội thành lập ở Huế sau này đều lấy bài trí cấu trúc và cách thờ tự của chùa Từ Đàm làm khuôn mẫu. [31]

Với những đặc sắc về giá trị kiến trúc, điêu khắc Phật giáo và là trung tâm Phật học Huế nên chùa Từ Đàm luôn được chọn là nơi đến hấp dẫn, làm phong phú thêm tour tham quan cảnh đẹp chùa chiền Huế. Chùa Từ Đàm đặc biệt đón đông đảo du khách thập phương đến tham quan lễ bái vào những dịp lễ hội lớn của Phật

giáo như lễ Phật đản (rằm tháng 4 âm), lễ Vu Lan (rằm tháng 7 âm), lễ Phật thành đạo (8/12 âm)... Đặc biệt, cứ mỗi kỳ đại lễ Phật đản, chùa Từ Đàm lại đón hàng vạn người về dự lễ, bởi đây là điểm kết thúc của hành trình rước Phật mỗi kỳ Phật Đản từ quốc tự Diệu Đế đến Từ Đàm. Trong những ngày lễ hội, khuôn viên chùa được mở rộng, trang hoàng theo phong cách nghệ thuật Phật giáo, và âm nhạc, nghi lễ Phật giáo điển hình cho xứ Huế cũng được thể hiện một cách đầy đủ nhất. Với vị trí là trung tâm Phật học miền Trung, chùa Từ Đàm cũng thường xuyên tổ chức các khóa tu dành cho phật tử, tuy nhiên cho đến hiện nay mới chủ yếu thu hút sự quan tâm và tham gia của các gia đình phật tử Huế. Hy vọng trong tương lai không xa sẽ có nhiều phật tử là du khách đến từ mọi miền đất nước và cả những người không phải là phật tử cũng được tham dự những khóa tu này và có cơ hội trải nghiệm những giá trị Phật giáo đậm đà bản sắc cố đô.

Chùa Báo Quốc

Chùa được xây dựng từ thế kỷ XVII thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, là trung tâm đào tạo tăng tài cho Phật giáo Đàng Trong, nơi đầu tiên thành lập Trường sơ đẳng Phật học (1935) và Trường cao đẳng Phật học (1940) của cả nước. Chùa trở thành một trung tâm đào tạo Tăng Ni lớn của Phật giáo cả nước từ đó cho đến ngày nay.

Tọa lạc ở đường Báo Quốc, thuộc phường Phường Đúc, thành phố Huế, chùa Báo Quốc ban đầu có tên là Hàm Long Thiên Thọ Tự, do Thiên sư Giác Phong dựng vào cuối thế kỷ XVII, đời Chúa Nguyễn Phúc Tần. Đến năm 1747, Chúa Nguyễn Phúc Khoát ban cho chùa tấm biển “Sắc Tứ Báo Quốc Tự” có ghi dòng chữ: “Quốc Vương Từ Tế đạo nhân ngự đề”. Hiện vẫn còn tấm biển vàng thếp vàng và những bức liễn từ thời ấy. Hiện nay chùa là một trong những địa chỉ du lịch ưa thích của khách du lịch đến Huế [31].

Năm 1808, để báo hiếu mẹ là Hiếu Khương Hoàng Thái Hậu, vua Gia Long trùng tu chùa, xây tam quan và đúc một đại hồng chung nặng 826 cân tạ, cao 1,4m, đường kính 1,2m nay vẫn còn. Vua đặt tên là Thiên Thọ Tự, nhưng về sau vì lăng Gia Long cũng gọi là Thiên Thọ lăng nên vua Minh Mạng đổi lại tên như cũ. Vua Minh Mạng trùng tu chùa vào năm 1824 và vua Tự Đức góp phần tôn tạo vào năm 1858. Khu mộ tháp có tháp tổ Giác Phong và các vị kế thế như Phổ Tịnh, Viên Giác, Diệu Giác [31].

Chùa Bảo Quốc ở vị trí trung tâm thành phố, được nhiều người biết đến, nên rất tiện cho sinh hoạt du lịch. Từ nhiều năm nay, chùa Bảo Quốc được đông đảo bạn bè, du khách gần xa lui tới thăm viếng, song hoạt động du lịch cũng mới chỉ dừng lại ở việc tham quan, ngắm cảnh chùa.

Chùa Từ Hiếu

Chùa Từ Hiếu hay còn gọi là chùa Thái giám được xây dựng vào năm 1843, gắn với câu chuyện cảm động về tình mẫu tử của Thiền sư Nhất Định - người sáng lập chùa để phụng dưỡng mẹ già. Chuyện đến tai Tự Đức, cảm phục trước tấm lòng hiếu thảo của sư Nhất Định nên đặt tên là Từ Hiếu Tự. Năm 1848, chùa được các vị quan lại trong cung triều Nguyễn nhất là các vị thái giám cúng dường đóng góp trùng tu tôn tạo qui mô hơn để lo việc thờ tự sau này.

Chùa Từ Hiếu nằm khuất trong một rừng thông chập trùng trên một vùng đồi của xã Thủy Xuân. Khuôn viên chùa rộng chừng 8 mẫu, phía trước có khe nước uốn quanh chảy róc rách đêm ngày, phong cảnh rất thơ mộng. Trước cổng chùa có ngôi tháp cao 3 tầng được xây dựng vào năm 1896 dùng làm nơi tàng trữ kinh tượng theo sắc chỉ của nhà vua. Cổng chùa được xây theo kiểu vòm cuốn, hai tầng có mái che và ngay trước con đường lát gạch để vào chánh điện là một hồ bán nguyệt xinh xắn ngát hương sen và những con cá cảnh đủ màu bơi lội tung tăng. Chùa Từ Hiếu có ba căn hai chái, trước là ngôi chính điện thờ Phật, sau là Quảng hiếu đường. Đặc biệt ở khu nhà hậu có án thờ Tả quân đô thống Lê Văn Duyệt cùng con ngựa gỗ và thanh đại đao của ông [24].

Ngoài cảnh trí tuyệt vời, xung quanh ngôi chùa Từ Hiếu còn có khá nhiều lăng mộ các vị phi tần của các chúa Nguyễn. Ngoài lịch sử lâu đời cùng với kiến trúc độc đáo mang đậm nét đặc trưng của vùng đất cố đô, chùa Từ Hiếu còn nổi tiếng khắp trong ngoài nước bởi nơi đây còn có một nghĩa trang độc nhất vô nhị - nơi chôn cất các quan thái giám của triều Nguyễn năm xưa. Với điểm độc đáo này, chùa Từ Hiếu luôn thu hút được đông đảo du khách gần xa đến không chỉ để chiêm nghiệm đạo “thiên” mà còn để tìm hiểu một di tích lịch sử, văn hóa và tâm linh đặc sắc gắn liền với triều đại phong kiến nhà Nguyễn.

Bên cạnh đó, với địa thế đẹp, yên tĩnh lại không xa thành phố nên nơi đây thường là điểm tham quan dã ngoại của thanh niên Huế vào những ngày nghỉ, ngày lễ. Những tour đến chùa Từ Hiếu cũng thường được tổ chức cho du khách để trải nghiệm một chút lắng lòng và cũng để hiểu hơn thân thế, phận đời của những vị thái giám từng phục vụ trong cung cấm năm xưa [31]. Được biết gần đây, các vị sư tu hành ở chùa Từ Hiếu cũng thường tổ chức các khóa tu thiền vào đầu năm âm lịch và đã thu hút được nhiều Phật tử đến từ nhiều miền của đất nước tham dự. Đến với những khóa tu này, Phật tử phải tạm thời dứt bỏ lối sống thường nhật và thực hành tu tập, sinh hoạt như những người xuất gia thực thụ. Họ sẽ cùng nhau ngồi thiền, nghe giảng giáo lý, lao động công ích và ăn cơm chay, đồng thời cũng được xem các nhà sư diễn tấu một phần lễ nhạc Phật giáo thông qua các bài thiền ca, các điệu nhạc nghi lễ. Vì hoàn toàn do nhà chùa tổ chức nên tính quảng bá không sâu rộng, tính thương mại thường thấy trong hoạt động du lịch cũng không có vì Phật tử khi đến đây chỉ phải đóng góp những chi phí thấp nhất cho phần sinh hoạt của mình tại chùa, thậm chí được miễn phí. Song cũng chính vì vậy mà rất ít du khách được biết đến và có cơ hội trải nghiệm những khóa tu này, đồng nghĩa với việc họ không được thụ hưởng những giá trị văn hóa Phật giáo đặc sắc tại một trong những ngôi chùa nổi tiếng nhất của Huế.

Chùa Diệu Đế

Cùng với chùa Thiên Mụ, chùa Diệu Đế (100B Bạch Đằng) cũng là ngôi Quốc Tự còn lại khá nguyên vẹn cho đến ngày nay. Ngôi chùa này gắn liền với một sự kiện quan trọng, đó là nơi ra đời của Hoàng tử Miên Tông, con vua Minh Mạng, tức là vua Thiệu Trị. Sau khi lên ngôi (1844) vua Thiệu Trị đã cho hạ lệnh biến nơi ở của mình thành ngôi chùa và đặt tên là Diệu Đế tự.

Kiến trúc chùa Diệu Đế vào thời đó rất khác với chùa Huế, không theo kiểu chữ Nhất của chùa Thiên Mụ, cũng không theo chữ Môn hay chữ Phẩm như một số ngôi chùa khác mà xây dựng theo kết cấu với bố cục hài hòa đối xứng cho từng công trình kiến trúc.

Về kiến trúc đại thể thì bốn phía quanh chùa đều xây thành. Những thành hiện nay vẫn còn dấu tích, quanh bốn phía thành có tất cả sáu cửa, mặt trước có 3 cửa, bên trên có coi lầu trong đó có thờ Hộ Pháp, hai bên tả hữu đều có cửa ra vào. Hiện nay tất cả các cửa đều còn, nhưng không phải là lối kiến trúc ngày xưa.

Bên trong vườn chùa được chia làm ba phần, có nhiều đoạn thành ngăn cách, qua tam quan lầu thì phần ngoài là Trung Đình treo cái chuông lớn được tạo vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), đối diện qua bên phải có Bi Đình là nhà chứa bia khắc thơ ngự chế của nhà vua. Trung Đình, Bi Đình với Đại Hồng chung và tấm bia Thạch Bi vẫn còn với nhiều nét chạm trổ và nhiều hoa văn rất đặc biệt [24].

Vào đến phần trong của chùa thì phải qua một bức tường có ba cửa. Cửa chính thẳng với trung đạo từ trước ra sau, hai cửa tả, hữu thẳng sau lưng ngôi nhà cát tường từ thất và trí huệ tịnh xá. Qua cửa chính của bức tường này là đến ngôi Đại Giáp Điện, đặc biệt trước đây chùa Diệu Đế có tôn chỉ một bảo tháp bằng ngà được chạm trổ rất mỹ thuật.

Chùa mang những nét kiến trúc độc đáo như vậy nên trong các tour du lịch giới thiệu về chùa, hướng dẫn viên du lịch thường đưa du khách tham quan, và giới thiệu cho họ hiểu về nét kiến trúc riêng biệt đó. Cùng với sự kiện chùa là nơi tổ chức lễ Mộc Dục trong Đại lễ Phật Đản hàng năm mà chùa càng thu hút đông đảo du khách gần xa đến thăm viếng chùa.

2.2.1.2. Du lịch thiện nguyện

Trong vòng quay của xã hội đầy biến động như hiện nay con người đang đứng trước nhiều thách thức cả trong đời sống vật chất và tinh thần. Để có thể tìm lại thăng bằng trong cuộc sống, con người đang có xu hướng tìm đến triết lý giải thoát, an lạc của Phật giáo, điều đó đang phát triển mạnh ở Việt Nam và thế giới.

Do đó, khi đến với Huế, du khách không chỉ đáp ứng tâm nguyện cúng dường từ thiện mà còn có thể tìm cho mình nhiều hình thức du lịch tâm linh, giải tỏa những căng thẳng trong cuộc sống hiện hữu, cũng như tìm được trong Phật giáo sự bình an trong tương lai. Sau những ngày làm việc căng thẳng, bận rộn với những lo toan của cuộc sống đời thường, tất yếu mỗi người cũng cần có những giây phút thư giãn để thoải mái tinh thần và hướng đến tâm linh. Nhu cầu đó không chỉ dành riêng cho những Phật tử mà nó còn trở thành nhu cầu của nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội. Chính vì vậy, mô hình du lịch thiện nguyện kết hợp với pháp giảng có những điều kiện thuận lợi để thực hiện ở những Thiền tự Huế.

Bằng sự thuyết giảng trực tiếp của các giảng sư, mỗi du khách đều có thể cảm nhận trực tiếp về tâm linh, từ đó dễ phát khởi lòng tin và tinh tấn hành trì giáo lý của Phật pháp để làm lành lánh dữ, tìm được nguồn an lạc, hạnh phúc. Ngoài ra, ở các chùa cũng có thể tổ chức những buổi học ngắn ngày hay các lễ cầu an kết hợp với các hoạt động thiện nguyện khác. Mô hình này bắt đầu hình thành và đang trên đà phát triển ở một số cơ sở như chùa Ba La Mật (258 Nguyễn Sinh Cung), chùa Đông Thuyền (65/2 Lê Ngô Cát)... các chùa Long Thọ (385 Bùi Thị Xuân), Diệu Viên (Thủy Phương, Hương Thủy) cũng có những tiềm năng để phát triển trong tương lai.

- ***Các loại hình du lịch thiện nguyện***

Du lịch thiện nguyện - Văn cảnh chùa Huế

Với số lượng chùa, Niệm Phật đường ở Huế lên đến gần 400 ngôi, chiếm 1/3 số lượng chùa của cả nước, ngoài những quốc tự như Thiên Mục, Diệu Đế, Từ Đàm... là điểm đến của nhiều du khách và khách hành hương trong nước và quốc tế, Huế còn có nhiều ngôi chùa mang giá trị lịch sử cũng như văn hóa đặc sắc như: chùa Huyền Không (Hương Hồ, Hương Trà), Từ Hiếu, Thuyền Tôn (thôn Ngũ Tây, xã Thủy An), Đông Thuyền, tịnh thất Hoàng Mai (Thượng 1, Thủy Xuân)... Chính

vì vậy, mô hình du lịch thiện nguyện kết hợp với tham quan các danh lam cổ tự có đầy đủ điều kiện thuận lợi để phát triển.

Mô hình này có thể thực hiện ở chùa Long Thọ hoặc Diệu Viên. Trong đó tiêu biểu là Viện dưỡng lão Diệu Viên, đây được xem là ngôi chùa sư nữ đầu tiên ở Huế, được sư bà Thích Nữ Hường Đạo khai sơn năm 1924. Chùa có kiểu kiến trúc đặc biệt, nổi bật với cổng tam quan Thanh Trúc, được xây dựng theo lối cổng - động rất đặc trưng. Phía dưới chỉ một vòm cổng dẫn sâu hút vào chùa bằng một lối đi, phía trên là động Quán Âm, chất liệu gạch và vôi vữa nhưng bên ngoài ốp đá để tạo ra một loại cổng hình hang động rất ấn tượng. Hơn thế, chùa Diệu Viên là một trung tâm từ thiện xã hội từ rất sớm, bắt đầu từ năm 1959, chùa thành lập bệnh xá giúp đỡ cho đồng bào nghèo, khám bệnh, cấp thuốc miễn phí. Năm 1960, chùa mở nhà dưỡng lão làm nơi cư ngụ cho các cụ già neo đơn, tàn tật. Năm 1962, chùa thành lập cơ sở may tạo công ăn việc làm cho các thanh thiếu nữ địa phương, thành lập trường sơ học miễn phí giúp cho những người mù chữ. Năm 1965, chùa mở vườn trẻ Lâm Tỳ Ni. Hiện nay chùa đang duy trì Viện dưỡng lão, nuôi dưỡng hơn 27 cụ bà từ 70 - 90 tuổi. Với nhiều ý nghĩa như vậy, ngôi chùa đang là một điểm đến của nhiều khách du lịch trong cả nước. [7; 58]

Du lịch thiện nguyện - Ăn thực già lam (ăn chay)

Không chỉ dành riêng cho Phật tử, xu thế ăn chay không chỉ để thực hành hạnh từ bi với mong muốn tu tâm dưỡng tính để thực hiện “cứu khổ độ sinh”, mà còn nhằm hạn chế bớt việc sát hại các sinh vật vô tội, tránh làm đau những sinh vật hữu tình. Hiện nay, xu thế ăn chay đang thịnh hành nhiều nơi trên thế giới với nhiều mục đích khác nhau: ăn vì sức khỏe, vì bảo vệ môi sinh, môi trường sống... Chính vì vậy, ở Huế, ngoài những nhà hàng chay nổi tiếng như Liên Hoa, Bồ Đề, Tĩnh Tâm... du khách cũng không xa lạ với những gánh hàng chay vào những ngày sóc vọng hiện diện trên nhiều đường phố. Hơn thế, du khách còn có cơ hội thưởng ngoạn những tinh túy nghệ thuật ẩm thực già lam trong một không gian thiền viện ở trong chùa, các tịnh xá ở Huế. Đồng thời, qua việc thưởng thức ẩm thực, du khách còn có thể thực hành thiện nguyện qua việc đóng góp công đức giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn thông qua các trung tâm từ thiện Phật giáo.

Hiện nay, mô hình tổ chức hoạt động du lịch ẩm thực chay đang được Cô nhi viện Đức Sơn (Thủy Bằng, Hương Thủy) tập trung phát triển. Từ chỗ là một ngôi

chùa được khai sơn từ năm 1994, hiện nay ngôi chùa này nổi tiếng dưới cái tên Cô nhi viện Đức Sơn vì các ni sư ở đây đã nhận nuôi gần 200 trẻ mồ côi, không nơi nương tựa. Ban đầu, với mục đích tổ chức hoạt động nhà hàng chay ở chùa để tăng thêm kinh phí hoạt động cho Cô nhi viện, sau một thời gian hoạt động nhà hàng chay của cô nhi viện Đức Sơn trở thành một điểm đến không thể bỏ qua của những du khách thiện nguyện. Tới đây, du khách có thể thưởng thức những món chay không cầu kỳ, không khơi gợi trí tưởng tượng của thực khách, mà đó chỉ là những món ăn thanh đạm hàng ngày của ni giới. Với mục đích làm từ thiện cho nên thực khách có thể đóng góp công đức bằng tiền (từ 20.000đ đến 70.000đ/suất) hoặc trợ giúp bằng hiện vật cứu trợ cho nhà chùa. Quan điểm kết hợp kinh doanh du lịch để lấy kinh phí duy trì và phát triển Cô nhi viện, cứu trợ nhân đạo đã trở thành mô hình kinh tế Phật giáo tiêu biểu ở Huế hiện nay [7; 59]

Huế được mệnh danh là vùng đất Phật, không chỉ bởi lịch sử phát triển lâu đời của Phật giáo, hay đơn thuần là hệ thống Phật tích đặc sắc mà còn bởi những giá trị cao đẹp về mặt tinh thần đang hiện hữu một cách sống động trong đời sống cư dân theo đạo Phật nơi đây. Nếu kết hợp được những nét đẹp của phong trào du lịch thiện nguyện với những đặc trưng độc đáo khác trong kho tàng di sản văn hóa Phật giáo nói riêng, của văn hóa Huế nói chung, ngành du lịch Thừa Thiên - Huế có thể tạo thành một loại hình du lịch phù hợp với xu thế phát triển của thị trường du lịch thế giới hiện nay. Đó là những tiềm năng mà ngành du lịch có thể khai thác để phát triển các mô hình du lịch gắn liền với Phật giáo.

2.2.2. Khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo Huế tại các lễ hội Phật giáo - Các kỳ Festival

2.2.2.1. Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2008 (Đại lễ Phật đản)

Phật Đản là ngày kỷ niệm Đức Phật sinh ra tại vườn Lâm-tì-ni, năm 624 TCN, diễn ra vào ngày 15 tháng 4 âm lịch hàng năm. Đây là ngày lễ trọng đại được tổ chức hằng năm bởi cả hai truyền thống Nam tông và Bắc tông. Ngày nay người ta thường biết đến Phật Đản qua tên gọi Vesak. Ngày 15 tháng 12 năm 1999, theo đề nghị của 34 quốc gia, để tôn vinh giá trị đạo đức, văn hóa, tư tưởng hòa bình, đoàn kết hữu nghị của Đức Phật, Đại Hội đồng Liên Hiệp quốc tại phiên họp thứ 54, mục 174 của chương trình nghị sự đã chính thức công nhận Đại lễ Vesak là một lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên Hiệp Quốc, những hoạt động kỷ niệm sẽ

được diễn ra hàng năm tại trụ sở và các trung tâm của Liên Hợp quốc trên thế giới từ năm 2000 trở đi. Cho đến năm 2013, Đại lễ Vesak Liên Hiệp quốc đã được tổ chức 10 lần, trong đó, Thái Lan đã đăng cai tới 9 lần, Việt Nam là quốc gia duy nhất ngoài Thái Lan đã được trao quyền đăng cai vào năm 2008. Và sự kiện trọng đại này đã được tổ chức quy mô tại thủ đô Hà Nội và nhiều tỉnh thành trong cả nước, đặc biệt với vị trí trung tâm Phật giáo miền Trung, các giá trị văn hóa Phật giáo Huế đã được tái hiện huy hoàng trong suốt thời gian từ ngày 12 đến ngày 19/05 với nhiều chương trình, lễ hội đặc sắc tại thành phố Huế. Điều đáng chú ý là Đại lễ Phật đản Phật lịch Liên Hiệp Quốc tại Huế lần này diễn ra ngay trước thềm Festival Huế 2008, nên càng thu hút sự quan tâm của bạn bè, du khách gần xa [32].

Đại lễ Vesak 2008 tại Huế được tổ chức tại 8 huyện và thành phố Huế, với 19 lễ đài chính cúng dường Đại lễ Phật đản. Trong đó, thành phố Huế là tâm điểm của tuần lễ Phật đản, có 3 lễ đài cúng dường Đại lễ là chùa Từ Đàm, chùa Diệu Đế, và lễ đài quần chúng tại Thương Bạc bên bờ sông Hương. Tại đây diễn ra các hoạt động nghi lễ chính của lễ hội, đồng thời làm nơi tổ chức thuyết giảng và biểu diễn văn nghệ nghệ thuật Phật giáo trong suốt thời gian lễ hội từ 8/4 đến 15/4 âm lịch, nhằm thể hiện ý nghĩa một Đại lễ lớn của Phật giáo [33].

Theo truyền thống rước phật tại Huế, trong Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc năm 2008, đoàn rước phật khởi đầu tại chùa Diệu Đế đến chùa Từ Đàm. Trong khuôn khổ chương trình của Đại lễ, hai đêm 17 và 19/05, diễn ra lễ diễu hành xe hoa với 70 chiếc xe hoa của các khuôn hội trong tỉnh đăng ký diễu hành, xe hoa được bài trí họa tiết hoa văn đặc sắc, hình ảnh hoa sen, hình ảnh đức phật nổi đuôi trên các tuyến đường hai bên bờ Bắc, bờ Nam Sông Hương. Đặc biệt, năm 2008 nhằm tạo điểm nhấn trong dịp Đại lễ Vesak Liên hợp quốc, các tăng ni trẻ ở Thừa Thiên - Huế đã có ý tưởng thiết lập bảy đóa sen khổng lồ lớn nhất từ trước đến nay đặt trên dòng sông Hương với chủ đề "Bảy đóa sen vàng nâng gót tịch". Những đóa sen này được đặt trên bệ phao, thả nổi giữa sông Hương từ cầu Phú Xuân đến cầu Bạch Hổ. Với hoạt động này Ban tổ chức đã làm nổi bật biểu tượng bông hoa sen mang ý nghĩa linh thiêng trong Phật giáo tới đông đảo du khách [33].

Lễ đài tại công viên Thương Bạc đã liên tiếp diễn ra các buổi thuyết giảng của các Hòa thượng, các giáo sư đầu ngành về vấn đề ảnh hưởng của phật giáo

trong đời sống tâm linh, các hoạt động văn nghệ mang tính chất đại chúng, nhã nhạc cung đình Huế, trong 4 đêm liên tục, từ ngày 12 đến ngày 16/05.

Tại các chùa trong tỉnh Thừa Thiên - Huế, trong suốt một tuần của lễ hội, những hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động từ thiện diễn ra đã đưa đến một không gian lễ hội linh thiêng, thu hút đông đảo tăng ni, phật tử và du khách hành hương đến tham dự.

Văn nghệ quần chúng tại Đại lễ có các buổi văn nghệ từ ngày 8 đến 13/05 tại các lễ đài chính chùa Từ Đàm, Bia Quốc Học, lễ đài Thương Bạc và lưu diễn tại các huyện. Chương trình văn nghệ do các tổ chức Gia đình phật tử Thừa Thiên - Huế, đội nhã nhạc cung đình Huế, các câu lạc bộ ca Huế, đội múa lục cúng của Ban Nghi lễ Phật giáo Huế... tham gia biểu diễn [30]. Đặc biệt, tại Đại lễ có buổi hoà nhạc chào mừng do Đại đức Thích Minh Hiền chịu trách nhiệm thực hiện. Với đặc thù một chương trình nghệ thuật mang tinh thần Phật giáo của Việt Nam dành cho khán giả quốc tế, nên các ngôn ngữ trình diễn được sử dụng gồm múa và âm nhạc, giới thiệu những giá trị đặc sắc nhất của nghệ thuật Phật giáo Huế với khách du lịch [30].

Về ẩm thực chay, lần đầu tiên trong khuôn khổ tuần lễ Phật đản, một Hội chợ ẩm thực chay được tổ chức, nhằm giới thiệu ẩm thực chay của Huế tại Trung tâm dịch vụ du lịch Festival. Qua đó, tâm điểm của hội chợ ẩm thực nhằm quảng bá giá trị văn hóa, giá trị thẩm mỹ của ẩm thực chay đất cố đô. Phó ẩm thực chay do Ni bộ Thừa Thiên - Huế chủ trì đảm trách giới thiệu văn hóa ẩm thực chay Huế tại Thương Bạc, với nhiều gian hàng và ý tưởng giới thiệu độc đáo lần đầu tiên xuất hiện tại Huế với các món chay khác nhau hội đủ màu sắc, hương vị chua cay, mặn ngọt và nhiều món bánh như bánh bèo, bánh hoi, bánh ướt... Đến với hội chợ ẩm thực chay ở Huế trong dịp Lễ hội Phật Đản 2008, các đầu bếp phục vụ cho tất cả mọi người những món chay truyền thống xứ Huế, để thực khách được thưởng thức những món ăn chay vừa hấp dẫn mà giá cả vừa phải [7; 45].

Ban Tôn giáo chính quyền tỉnh, đại diện cho lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên - Huế đã phối hợp với Ban trị sự Phật giáo Huế tổ chức một mùa Phật đản thật hoành tráng, long trọng đạt được kết quả tốt nhất, nhằm để lại một dấu ấn tốt đẹp cho quần chúng nhân dân Phật tử Thừa Thiên - Huế và các đoàn khách quốc tế đến Huế

trong mùa Phật đản năm 2008. Đại lễ Phật đản đã kết thúc viên mãn trong niềm hoan hỷ vô biên của toàn thể Tăng, Ni, Phật tử và người dân Huế, đồng thời được giới chuyên môn và báo chí đánh giá là thể hiện được tầm vóc của một đại lễ hội mang tầm quốc gia hoành tráng, bề thế và chất lượng [30].

Có một điều có thể nhận thấy là đại lễ Vesak 2008, trong khuôn khổ các lễ hội của tuần lễ Phật đản, các hoạt động lễ hội không chỉ bó hẹp ở chốn cửa thiền, mà được đưa đến với cộng đồng, dựa trên cơ sở khai thác giá trị độc đáo của lễ hội Phật giáo Huế với mong muốn mỗi tuần lễ Phật đản thu hút sự tham gia, ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân, để nhằm quảng bá lễ hội Phật giáo Huế và thu hút khách du lịch trong nước và nước ngoài.

2.2.2.2. Festival Huế 2010

Trong khuôn khổ các hoạt động của Festival Huế 2010 diễn ra từ mùng 5 đến 13-6-2010, có những lễ hội mới như “Hành trình mở cõi”, “Thao diễn thủy binh thời Chúa Nguyễn”, “Đêm phương Đông”... Đặc biệt Phật giáo Huế cũng tham gia với 3 tiết mục “múa lục cúng hoa đăng” tối 7-6 tại chùa Từ Đàm; biểu diễn âm nhạc nghi lễ Phật giáo tối 11-6 tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán và phóng sanh đăng trên sông Hương đêm bế mạc 13-6.

Lần đầu tiên, Trung tâm dịch vụ Festival Huế đã phối hợp với Giáo hội Phật giáo Thừa Thiên - Huế đưa ra giới thiệu với công chúng, du khách trong nước và quốc tế nhiều chương trình đặc sắc trong văn hóa, âm nhạc, nghi lễ của Phật giáo Huế. Festival Huế 2010 thể hiện âm hưởng chủ đạo là sự tôn vinh các giá trị Phật giáo truyền thống của xứ Huế. Điểm nổi bật của Festival Huế 2010 là đưa lễ hội đến gần hơn với công chúng, để người dân thực sự là chủ thể của lễ hội. Tại Festival Huế 2010, ban trị sự Giáo hội Phật giáo Tỉnh Thừa Thiên - Huế đã khai mạc “Tuần văn hóa Phật giáo 2010” với sự tham gia của đông đảo tăng ni, Phật tử, nhân dân địa phương và khách du lịch. Ngoài việc gìn giữ, khai thác và giới thiệu các yếu tố văn hóa đậm đà bản sắc văn hóa Huế, trong đó có văn hóa Phật giáo Huế, các chương trình lễ hội được kết hợp với những sáng tạo mới lạ để các yếu tố truyền thống được song hành cùng hiện đại, bản sắc dân tộc được nổi bật trong giao lưu quốc tế.

Cũng trong khuôn khổ “Tuần lễ văn hóa Phật giáo”, tối ngày 16/5/2010, Lễ hội ẩm thực chay đã được khai mạc trong một khung cảnh hết sức bình dị và duyên

quê từ những chiếc nhà tranh tinh tế đến không gian được trang trí bằng những giàn bầu, giàn mướp cùng các loại cà, ớt, mồng toi... do chính bàn tay của các tăng ni, Phật tử tạo dựng trên đường đi bộ Nguyễn Đình Chiểu.

Ngành du lịch tập trung khai thác ẩm thực chay Huế để phục vụ du khách trong dịp này, trên mọi nẻo đường tập nập người đi chùa trong những chiếc áo lam gửi gắm niềm tin vào cõi Phật. Đây cũng là lúc các quán chay di động được mở ra dọc hai bên đường phục vụ thực khách. Theo đó có 20 món chay do các nữ tu của 7 ngôi chùa sư nữ ở Huế chế biến. Đó là những món chay bổ dưỡng xuất phát từ cung đình Huế như cơm sen, chè sen, gỏi sen đến những món chay dân dã như mít trộn, vả trộn, kẹp bánh tráng. Nói cách khác, đó là những món chay từ lâu đã làm nên danh tiếng và hương vị riêng của ẩm thực chay xứ Huế. Ngày hội ẩm thực “món chay xứ Huế” sôi động gắn với các hoạt động ẩm thực nói chung phục vụ du khách. Phố ẩm thực còn được tổ chức tại các vùng ven thành phố Huế như Hương Thủy, Phong Điền, A Lưới... [7; 46]

Đặc biệt, tại Festival Huế 2010, lần đầu tiên điệu múa “Lục cúng hoa đăng” được tái hiện lại và biểu diễn, mang lại nét mới và đặc sắc cho kỳ Festival lần này nhằm thu hút đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế. Bình thường môi trường diễn xướng của điệu múa “Lục cúng hoa đăng” luôn được trình diễn trong những hoàn cảnh đặc biệt như lễ an vị Phật, lễ lạc thành chùa hay lễ vía Phật, hoặc tại các Đại đàn giải oan bạt độ, trai đàn chẩn tế thì điệu múa này cũng được đem ra trình diễn với ý nghĩa nguyện cầu cho những người đã khuất giải thoát oan khiên, chúc mọi người còn sống được thái bình, hạnh phúc, an lạc.

Chương trình biểu diễn điệu múa “Lục cúng hoa đăng” tại Festival 2010 do chư tôn đức trong Ban Nghi lễ Giáo hội Phật giáo tỉnh và các Tăng sinh trường Trung cấp Phật học Thừa Thiên - Huế phụ trách biểu diễn vào tối ngày 7/6/2010 tại sân chùa Từ Đàm. Có rất đông du khách trong nước và quốc tế đến xem.

Múa Lục cúng hoa đăng là một điệu múa cổ xưa của Phật giáo do các vị sư Ấn Độ truyền vào Việt Nam và được chư vị Tổ sư trong chốn thiền môn xứ Huế tiếp thu, phát triển lên đến đỉnh cao nghệ thuật, điệu múa Lục cúng hoa đăng từ đó trở thành là một loại hình âm nhạc đặc thù của Phật giáo xứ Huế.

Việc Ban Tổ chức Festival Huế phối hợp với Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Thừa Thiên - Huế tổ chức giới thiệu điệu múa “Lục cúng hoa đăng” trong dịp Festival Huế 2010 là nhằm giới thiệu nét đặc sắc và đa dạng của văn hóa nghệ thuật Phật giáo Huế nên đã có sự đầu tư công sức và thời gian dài để tập luyện rất công phu, giới thiệu gần như nguyên bản điệu múa. Trong Festival Huế 2010, toàn bộ chương trình được dàn dựng trên nền cổ nhạc Phật giáo, phân bố thành 3 hồi chính: hồi 1: triệu thỉnh Tiên đồng bái Phật; hồi 2: hành đàn Song lục và chông bình dâng phẩm cúng; hồi 3: kết chữ “thiên hạ thái bình” và tự quy hồi đàn.

Hơn nữa biểu diễn múa “Lục cúng hoa đăng” trong dịp diễn ra Festival là để giới thiệu cho du khách chứ không phải thuần túy biểu diễn trong các nghi lễ Phật giáo nên giữa các màn biểu diễn Ban Tổ chức đã linh động cử một vị Tăng đọc lời giới thiệu, thuyết minh điệu múa để cho khán giả dễ hiểu khi theo dõi và làm nổi bật những giá trị, ý nghĩa nghệ thuật Phật giáo trong điệu múa. Ứng với mỗi phần, ban nhạc cử lên các bài tán cổ tương ứng. Phần 1 gồm các bài “Hội Phật tiền”, “Nhạn giới”, “Phật diện”, “Ngã kim y giáo”, “Thuyền duyệt tô đà”; Phần 2 gồm các bài “Nhân duyên”, “Khê thủ”, “Diệu hoa thiên mẫu”; Phần 3 gồm các bài “Ngã kim y giáo”, “La liệt”, và “Tam tự quy”[34].

Theo từng điệu tán ngân nga, du dương, trầm tĩnh, tiếng kèn tiếng trống, tiếng nã bạt đánh liên hồi, các vũ sinh là các vị Tăng sinh được hóa trang thành các vị Tiên đầu đội mũ Trang kim, mình mặc áo Mã tiên, chân đeo xà phù xuất hiện kèm theo tiếng hô, ứng rất uy dũng. Các điệu múa hành đàn (chạy đàn) bái Phật, vắn liên đăng (các vũ sinh kết với nhau theo hình hoa sen), vắn kết thằng (vũ sinh kết với nhau theo hình sợi giây), vắn Tứ Châu (kết với nhau tại 4 góc đàn) xen kẽ có rất nhiều điệu múa phức tạp cần có sự chú tâm cao và nhanh nhẹn phối hợp nhịp nhàng giữa cổ tay, cổ chân, thân mình trong cùng một điệu múa như “*Hội Phật tiền*”, “*Nhạn giới*”, “*Hoa khai hoa hợp*”... Các vũ sinh tay cầm đèn hoa sen 2 người cầm nã bạt (xập xỏa) khi thì hành đàn song lục khi thì xếp bình, nâng bình, hạ bình, xả bình theo tư thế nhiều người xếp lại với nhau thành nhiều tầng (trưng trưng hình chiếc bình cúng Phật) [34].

Điệu múa đã được 30 vũ sinh (là Tăng sinh) biểu diễn rất thành công trong sự trầm trồ thán phục của công chúng và du khách. Tuy nhiên do mang tính biểu diễn, giới thiệu nên “môi trường diễn xướng” không là một kỳ đại lễ của Phật giáo

có hương khói quyện tỏa có đèn nền lung linh nên chưa thể hiện được chức năng nghi lễ đặc thù của điệu múa.

Mặc dầu vậy, việc Ban Tổ chức Festival Huế phối hợp với Ban Trị sự cùng chư tôn đức trong Ban Nghi lễ Phật giáo Thừa Thiên - Huế đưa ra giới thiệu với công chúng, với du khách trong nước và quốc tế về điệu múa “Lục cúng hoa đăng” là đã thể hiện được “tầm nhìn” rất có chiều sâu văn hóa, và cần được duy trì trong các kỳ Festival tiếp theo. Phải nghiên cứu kết hợp với việc tổ chức một kỳ Đại lễ cầu “Quốc thái dân an” trong khi diễn ra Festival sẽ để vừa giới thiệu được nét đặc sắc của văn hóa, âm nhạc nghi lễ Phật giáo Huế vừa đặt điệu múa Lục cúng hoa đăng về đúng “môi trường diễn xướng” của nó thì sẽ thành công mỹ mãn hơn [34].

Bên cạnh điệu múa Lục cúng hoa đăng lần đầu tiên được tái hiện lại một cách đầy đủ, tối 11/6, tại Trung tâm văn hóa Phật giáo Liễu Quán (11 Lê Lợi, Tp Huế), cũng lần đầu tiên một chương trình âm nhạc Phật giáo do Ban nghi lễ Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế tổ chức được trình diễn công khai đến công chúng. Chương trình nhằm giới thiệu cho khán giả trong nước và quốc tế một nghi lễ đặc sắc đầy tính nhân văn, triết lý sâu xa của Phật giáo. Theo quan niệm của đạo Phật, Nghi lễ là một trong hai con đường đi đến sự giải thoát; đó là bằng tư duy để ngộ nhập chân lý và bằng rung cảm dọn đường cho một thế giới nhiệm màu. Nghi lễ là một trong những yếu tố cơ bản tạo nên đặc trưng riêng, phân biệt Phật giáo Việt Nam với Phật giáo các nước trên thế giới.

Lễ nhạc Phật giáo Huế trình diễn tại Festival Huế 2010 với ba nội dung chính: Lễ Bật Phật khai kinh (trình với đức phật những công việc mở đầu); Lễ Bạt độ giải oan (nhỏ sạch gốc rễ oan gia) và Lễ dâng đàn chẩn tế (cầu nguyện cho những hương hồn không nơi nương tựa). Lễ nhạc Phật giáo không những giữ vị trí quan trọng trong kho tàng âm nhạc dân tộc ta mà còn được bạn bè thế giới đón nhận. Năm 1997, Lễ nhạc Phật giáo Huế được mời sang dự Festival Âm nhạc trí tuệ tại Đài Phát thanh Pháp. Năm 1998, một lần nữa Lễ nhạc Phật giáo Huế được mời trình diễn tại Nhà Văn hóa thế giới Paris (Pháp). Buổi trình diễn đã được ghi lại và phát hành 20 nghìn đĩa. Với thời lượng 90 phút, đĩa này đã được các nhà nghiên cứu thế giới bình chọn là 1 trong 10 đĩa CD hay nhất năm 98 về âm nhạc Phật giáo.

Hoà thượng Thích Giác Đạo - Phó Thư ký, Chánh văn phòng Ban trị sự Phật giáo Thừa Thiên-Huế, người có mặt trong đoàn Lễ nhạc Phật giáo Huế tại Festival Âm nhạc trí tưởng tượng tại Đài Phát thanh Pháp năm 1997 - nhớ lại: “Nhiều người Pháp khi xem chúng tôi biểu diễn xong đều có chúng nhận xét là “rất lạ với chúng tôi nhưng chúng tôi thấy tâm hồn thanh thản. Các vị sư đã đem đến cho chúng tôi một tâm linh rất Việt Nam”. Vậy cái gì đã làm nên “một tâm linh rất Việt Nam” ấy?”. GS Trần Văn Khê nhận xét: Lễ nhạc Phật giáo Việt Nam nói chung và Huế nói riêng thuộc trường phái tán tụng Bắc tông (cùng với Ấn Độ, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản). Tuy có cùng trường phái, nhưng lại không có một thể nhạc Phật giáo chung cho các nước Đông Á, như cách hát “chant grégorien” chung cho các nước Tây Âu... là bởi lời kinh giống nhau nhưng nét nhạc của các tụng, tán, tùy mỗi nước, mỗi vùng mà thay đổi. Ở ta, nhạc Phật giáo bắt nguồn từ nhạc dân tộc, mang hơi điệu nhạc dân gian, nhạc thính phòng, nhạc dân khấu và nhạc lễ trong cung đình Việt Nam. Nét nhạc của các bài tụng, tán rất phong phú và tế nhị, lại thay đổi tùy theo miền, theo vùng ; mà thang âm, điệu thức dùng trong những bài tán, tụng rất gần thang âm điệu thức của tiếng hát ru, những điệu dân ca đặc biệt của mỗi vùng. Nhạc mang tính chất thanh thản, nghiêm trang, đôi khi buồn man mác, mà không bi lụy ; nhạc gợi một bầu không khí trang nghiêm trầm lắng, giúp cho người tụng kinh và người nghe kinh có thể tập trung tư tưởng vào nghĩa của lời kinh, tuy nhiên gần đây, cách tụng, tán trong Phật giáo Việt Nam có xu hướng đi đến chỗ giản dị hóa [30].

Khi nói đến Nghi lễ của Phật giáo chúng ta thì không thể không đề cập đến khoa nghi Du Già Mông Sơn - Chấn Tế Âm Linh Cô Hồn vì đây là một trong những điểm nhấn quan trọng. Chấn Tế Âm Linh Cô Hồn là một nghi thức đã có từ lâu với nội dung chuyên tải tâm từ bi, đức tính bình đẳng, nhằm cứu giúp cho các âm hồn không nơi nương tựa. Trong Nghi lễ Phật giáo, âm nhạc là phương ngôn ngữ khả dĩ duy nhất để diễn bày sự sâu thẳm của chân lý. Âm nhạc chính là sự hiện thân, là phương tiện để khơi mạch của suối nguồn tâm linh; là linh ngữ của tế tự, phụng bái Thần Linh, Phạm Thiên. Tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng kèn, tù và... được cất lên hòa cùng trong tiếng cầu siêu của các chư tăng đã thể hiện sự trang nghiêm và long trọng của buổi lễ. Người nghe như được thưởng thức âm hưởng của Phật giáo trong từng điệu nhạc, từng câu kệ [35]. Chương trình âm nhạc đặc sắc

này đã thu hút hàng trăm chư tăng, Phật tử, văn nghệ sĩ trí thức Cố đô Huế và đông đảo du khách trong và ngoài nước.

Có thể nói, với sự góp mặt của văn hóa nghệ thuật Phật giáo Huế, Festival Huế 2010 đã diễn ra thành công, thu hút hơn ba triệu lượt người đến tham gia lễ hội; hơn 130.000 lượt khách du lịch, mang lại hiệu quả lớn cho du lịch Thừa Thiên - Huế, thúc đẩy phát triển kinh doanh du lịch tại địa phương [36].

2.2.2.3. Đại lễ Phật đản 2012 và 2013

Theo truyền thống Phật giáo Huế, Đại lễ Phật đản được coi là lễ hội Phật giáo lớn nhất và được tổ chức trang trọng nhất trong năm. Kể từ sau Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc 2008 và Festival Huế 2010, Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế chủ trương tổ chức Lễ Phật đản ngày càng qui mô và mang tính đại chúng hơn nhằm có thể giới thiệu sâu rộng truyền thống văn hóa Phật giáo Huế đến người dân và du khách đến Huế trong dịp này. Lễ Phật đản không chỉ gói gọn trong một hai ngày mà đã phát triển thành Tuần lễ Phật đản tại Huế. Năm 2012, Tuần lễ Phật đản bắt đầu từ ngày 28/04 (08/04 âm lịch) đến ngày 06/05 (16/04 âm lịch) với những hoạt động nổi bật:

- Triển lãm ảnh nghệ thuật “Sen Đầu Hạ” tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán Huế (15A Lê Lợi) khai mạc vào chiều 28/04 và cũng vào ngày này, 7 đóa hoa sen trên sông Hương - biểu tượng Phật đản Huế từ nhiều năm nay sẽ tỏa sáng với màu hồng đặc sắc.

- Tại Trung tâm Văn hóa thông tin tỉnh sẽ có một đêm văn nghệ cúng dường Phật đản vào tối ngày 02/05.

- Trang trí và diễu hành thuyền hoa trên sông Hương, thuyền hoa sẽ xuất hiện 3 đêm trên sông Hương với các lễ chính như: Lễ diễu hành vào tối 03/05, Lễ rước Phật vào tối 04/5 và Lễ hội hoa đăng trên sông Hương vào tối ngày 05/05 [37].

Đặc biệt, Lễ hội Hoa đăng cúng dường Đức Phật đản sanh - Lễ hội đặc sắc với truyền thống tâm linh "Rước Phật cầu quốc thái dân an" là trọng tâm của mùa Phật đản 2012. Đây là hoạt động được tổ chức qui mô còn nhằm hưởng ứng “Năm Du lịch Quốc gia duyên hải Bắc miền Trung” do tỉnh Thừa Thiên - Huế đăng cai tổ

chức. Lễ hội được tổ chức trọng thể, công phu với sự phối hợp của nhiều ban ngành trong tỉnh, thành phố.

Lễ hội Hoa đăng sẽ có 2 đoàn rước đèn từ chùa Diệu Đế theo đường Bạch Đằng lên Trần Hưng Đạo và vãn tập trang nghiêm trước bờ sông Hương (đoạn dọc theo Nghinh Lương Đình) và đoàn rước đèn từ chùa Từ Đàm theo đường Điện Biên Phủ qua đường Lê Lợi và vãn tập trang nghiêm bên bờ sông (đoạn trước Bia Quốc Học) để cùng tham dự lễ hội Hoa Đăng trên sông Hương với nội dung nghi thức cầu nguyện sâu lắng. Tại bến Nghinh Lương đình, đúng 19h, Lễ hội chính bắt đầu với 3 phần: Nghi thức hành chính, Nghi lễ tâm linh và phụ diễn nghệ thuật trên 2 lễ đài trên bờ và dưới nước. Những tiết mục như Ca Huế, nguyện cầu Quốc thái dân an, múa hoa đăng, phật tử hát với hàng vạn người dân, du khách đứng hai bên bờ sông sát lễ đài xem đã làm cho không khí thêm náo nức nhưng không kém phần trang nghiêm. Vào lúc 19h40', các nhà sư đã thắp ánh sáng của Phật vào các đèn hoa đăng và mời các đại biểu thả xuống dòng Hương giang. Cùng lúc, 5 chiếc đò cùng các đơn vị gia đình phật tử đi thả hoa đăng trên sông. Có tổng cộng 15.000 hoa đăng đã được thả xuống cầu mong cho hòa bình, an lạc và hạnh phúc. Sông Hương đã được thắp sáng bằng ánh nến lung linh trong đêm cầu nguyện mang theo nhiều ước nguyện của người dân Huế và khách du lịch. Các thuyền rồng cùng 14 khóm hoa đăng treo đèn dọc sông đã tôn thêm cảnh đẹp huyền ảo trong đêm rằm Phật đản 2556 đáng nhớ. Pháo bông từ lễ đài và bờ bên kia sông Hương cuối cùng đã cùng thắp sáng bầu trời trên mặt nước sông Hương đầy đèn hoa.

Theo Hòa thượng Thích Giác Quang, Phó ban thường trực Ban trị sự GHPG tỉnh TT-Huế, Lễ hội đã để lại một ấn tượng tốt, sâu lắng cho những ai tham dự. Lễ hội góp phần giới thiệu nét văn hóa tâm linh - chiều sâu của văn hóa Huế đến với mọi người... [31].

Tiếp bước truyền thống, năm 2013, Phật giáo xứ Huế đã có nhiều chương trình đặc sắc, nhiều hoạt động đa dạng chuẩn bị chờ đón và phục vụ cho tuần lễ Phật đản tại mảnh đất Cố đô. Từng nhà, từng ngõ, từng khu phố bừng lên màu cờ Phật giáo, lồng đèn, băng rôn *Kính Mừng Phật Đản* mang lại cho thành phố Huế một không khí hân hoan và tung bừng. Mùa Phật đản năm nay vừa tròn 50 năm Pháp nạn (1963-2013), kỉ niệm ngày đức Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu để đấu tranh đòi hòa bình và tự do tôn giáo dưới chính quyền Ngô Đình Diệm. Trong niềm

hân hoan kính mừng Đức Như Lai thị hiện giữa đời; Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) tỉnh Thừa Thiên - Huế và ban Tổ chức Đại lễ Phật đản Phật Lịch 2557 đã tổ chức cuộc triển lãm với tên gọi “Lửa Từ Bi”, trưng bày tư liệu lịch sử về Pháp nạn 1963 nhằm đề Tăng, Ni và tín đồ Phật giáo Thừa Thiên - Huế lắng lòng tưởng niệm chư vị Thánh Tăng, Thánh Ni, chư anh linh Thánh Tử Đạo đã vị pháp thiêu thân vị Pháp hy sinh cho sự trường tồn vĩnh cửu của Đạo pháp. Ngoài ra, chư Tôn đức và các Phật tử trong Ban trị sự cũng đã dâng hoa, thắp hương cầu nguyện và thăm viếng các gia đình Thánh tử đạo đã hy sinh bảo vệ Chánh pháp năm 1963.

Một trong những hoạt động nổi bật của Phật giáo Huế mùa Phật đản năm 2013 là diễu hành xe hoa cúng dường Phật đản. 74 chiếc xe hoa được trang hoàng bằng những biểu tượng Phật giáo, thường là hình ảnh về những sự kiện quan trọng trong cuộc đời của Đức Phật, các hình ảnh về chùa tháp, đại pháp khí văn hóa Phật giáo và dân tộc..., tất cả đều có nội dung kính mừng Phật đản và cầu nguyện thế giới hòa bình, quốc thái dân an. Đoàn xe hoa diễu hành qua những con đường theo lộ trình đã định trong thành Phố và đổ về các huyện thị, thu hút người xem và sự chào đón của các Phật tử khi đoàn xe hoa đi ngang qua, kéo dài hơn cả cây số [31].

Lễ Rước Phật ở Huế cũng là một trong những hoạt động đặc sắc trong mùa Phật đản được Ban tổ chức chuẩn bị vô cùng chu đáo cùng với sự đóng góp ý kiến của Tăng Ni và Phật tử qua những kì họp chuẩn bị Đại lễ Phật đản. Đúng 17 giờ ngày 14 tháng Tư năm Quý Tỵ (23/5/2013), Lễ Rước Phật đã bắt đầu bằng Lễ Tắm Phật, dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thích Đức Phương, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Thừa Thiên - Huế cùng chư tôn Hòa thượng, các phái đoàn chính quyền Tỉnh và thành phố Huế, và đông đảo bà con Phật tử đến tham dự. Đoàn Rước Phật bắt đầu xuất phát từ lễ đài chùa Diệu Đế ra đường Bạch Đằng, qua cầu Gia Hội đến đường Trần Hưng Đạo, rẽ trái qua cầu Trường Tiền, tiếp theo là rẽ phải sang đường Lê Lợi, đi đến cuối đường rẽ trái qua đường Điện Biên Phủ, qua cầu Nam Giao và đến đường Sư Liễu Quán, rồi cung nghinh kim tòa Phật đản sanh tôn nghiêm ở lễ đài chùa Từ Đàm. Lộ trình tạo thành một con đường Rước Phật được trang trí các cụm hoa sen, biểu tượng và pano Kính Mừng Phật Đản, trông vừa trang nghiêm vừa hài hòa đẹp mắt [31].

Lễ Rước Phật với 21 đoàn theo thứ tự, dẫn đầu là đoàn gánh kiệu Lư Trâm, tiếp theo là đoàn cờ Tổ quốc và cờ Phật giáo gồm 240 người xếp thành 4 hàng, ban nhạc Ngũ Lôi, đoàn Dâng hoa (100 vị), đoàn Bê tích pháp hiệu (12 vị), đoàn gánh Chuyển Pháp Luân, đoàn Chư thiên 1 trang phục áo mã nạp (20 vị), đoàn nhạc Bát Âm (8 vị), đoàn kiệu và xe hoa rước Phật, đoàn chư thiên 2 mặc trang phục mã nạp (20 vị), đoàn Chư tôn giáo phẩm - Chư Tăng - Chư Ni - Chư Tăng Ni Nam tông, đoàn gánh huy hiệu Gia đình phật tử, đoàn cờ Gia đình phật tử (100 huynh trưởng và đoàn sinh), đoàn các đơn vị Gia đình phật tử (cầm cờ Phật giáo), đoàn Nhân sĩ trí thức (cầm cờ đèn), đoàn các đơn vị NPĐ trong thành phố Huế (cầm cờ đèn, và đeo băng rôn “Kính mừng Phật Đản”, đoàn các đạo tràng đoàn chúng trong thành phố Huế (cầm cờ Phật giáo và đèn), đoàn phái đoàn Phật giáo các huyện trong tỉnh (cầm cờ Phật giáo và đèn hoa), đoàn kiệu hoa đi sau cùng. Đoàn Rước Phật đi qua các con đường, góc phố, cây cầu của lộ trình Rước Phật với hàng lối thẳng đều, trầm lắng, trang nghiêm tạo thành một khung cảnh Rước Phật linh thiêng và hoành tráng ước chừng khoảng 6-7 ngàn người tham dự đi qua lộ trình hơn 4 cây số; với sự chứng kiến của hàng chục ngàn người dân đứng kín hai bên đường cũng biểu lộ lòng thành kính, vui mừng và chấp tay chào khi đoàn Rước Phật đi qua [31].

Lễ Phật đản chính thức được cử hành tại lễ đài chính của chùa Từ Đàm lịch sử vào sáng ngày rằm tháng Tư. Buổi lễ được tổ chức trang nghiêm, bằng những bài diễn văn, lời sám nguyện kỷ niệm ngày Đản sanh của Đức Từ Phụ, lời cảm tưởng đều thể hiện tâm nguyện cầu cho thế giới hòa bình, tổ quốc vinh quang, đạo pháp trường tồn, chúng sanh an lạc. Những bông hoa tươi thắm dâng lên Đức Phật qua nghi thức múa dâng hoa do các đoàn sinh Gia đình phật tử thực hiện vừa linh thiêng vừa vui mừng chào đón bậc Giác ngộ giáng trần. Những hoạt động của Phật giáo trong tuần lễ Phật Đản đều mang đậm sắc màu hòa bình, một sự mong ước của toàn thể nhân loại vì mục đích an lạc của chúng sanh, xây dựng hòa bình bằng tình thương rộng lớn, bình đẳng và đem những điều tốt đẹp đến với mọi người.

2.3. Đánh giá thực trạng khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo tại thành phố Huế

2.3.1. Những mặt đã đạt được

Nhận xét về các Tour tham quan chùa: Chùa Huế là một thực thể sống động và phát triển, chứa đựng những dòng chảy văn hóa đặc sắc nổi quá khứ với

hiện tại, nổi con người với văn hóa tâm linh... Con người mệt mỏi với guồng quay của cuộc sống nên từ nhiều năm nay, hệ thống chùa Huế đã trở thành điểm đến tham quan thưởng ngoạn, nghiên cứu hấp dẫn của đông đảo du khách trong và ngoài nước, là địa chỉ hành hương, thiện nguyện của đông đảo tăng ni phật tử trong cả nước. Nhận thức được giá trị của các ngôi chùa Huế qua công trình kiến trúc độc đáo hòa quyện đan xen giữa con người với cảnh quan thiên nhiên, gắn với địa chỉ lịch sử văn hóa và tâm linh đặc sắc, trong đó có rất nhiều ngôi chùa đã trở thành biểu tượng đặc trưng trong đời sống văn hóa tâm linh xứ Huế như Thiên Mụ, Từ Đàm, Báo Quốc, Từ Hiếu, Diệu Đế..., nên ngành du lịch Huế đã đầu tư khai thác giá trị tiềm ẩn của chùa chiền Huế trong sự phát triển du lịch. Các công ty lữ hành Huế đã tập trung phát triển mảng du lịch tâm linh dựa trên việc khai thác những giá trị đặc sắc tại chùa chiền Huế, thực hiện nhiều tour tham quan khám phá, tìm hiểu nét văn hóa Phật giáo cho du khách trong và ngoài nước. Các công ty này thường tổ chức những tour 1 ngày đến các chùa và được du khách hưởng ứng. Một tour hoàn chỉnh thường bao gồm: văn cảnh, thưởng thức những món ăn chay được làm từ chính nguồn rau củ quả trong vườn; sau bữa ăn sẽ có món tráng miệng như bánh, chè do chính các ni cô hay các thầy tự tay nấu; sau cùng là ngồi đàm đạo, uống trà và tọa thiền cùng sư trong chùa.

Hiện tại có thể kể tên một số tour du lịch chùa Huế bước đầu đã được đưa vào khai thác như: Tour “Du lịch cầu an” do chi nhánh Công ty Thương mại dịch vụ du lịch đường mòn Đông Dương tổ chức đưa khách đến tham quan - đàm đạo - ăn cơm chay tại các chùa Đông Thuyền, Bà La Mật...; Tour “Du lịch thiện nguyện” nhằm chia sẻ với các hoàn cảnh trẻ em nghèo, người già không nơi nương tựa tại chùa Đức Sơn, Ưu Đàm; Hay tour “Tham quan hoạt động thủ công các ni viện” như để tận “mục sở thị” tài năng các ni giới chế biến tương, chao, bánh, ngũ cốc, làm hương... Đặc biệt các Tour Du lịch thiện nguyện không chỉ thu hút khách du lịch hành hương trong nước mà còn lôi cuốn được sự quan tâm của nhiều tổ chức và du khách quốc tế. Tuy nhiên, do các chùa Huế không bán vé tham quan, nên rất khó có một con số thống kê chính xác và đầy đủ về số lượng du khách đi văn cảnh tự do, đi hành hương hay đi theo tour do các công ty du lịch tổ chức.

Về lễ hội Phật giáo: Với sự chuẩn bị công phu, tổ chức qui mô và hoành tráng, nhìn chung Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc 2008 được đánh giá tốt qua cảm nhận của người dân, khách du lịch, ngành du lịch và các phương tiện thông tin đại chúng. Đại lễ Phật đản năm 2008, trong khuôn khổ các lễ hội của tuần lễ Phật đản, các hoạt động lễ hội không chỉ bó hẹp ở chốn cửa thiền, mà được đưa đến với cộng đồng. Khi tham gia lễ hội người dân và du khách đã cảm nhận được ý nghĩa của lễ hội Phật giáo trong không khí linh thiêng, trang trọng làm toát lên giá trị tâm linh to lớn.

Cũng như vậy, với Tuần văn hóa Phật giáo trong khuôn khổ Festival Huế 2010 đã làm được một việc vô cùng ý nghĩa là đưa lễ nghi Phật giáo đến gần hơn với công chúng. Việc tổ chức điệu múa “Lục cúng hoa đăng” tại chùa Từ Đàm sau một thời gian dài “vắng bóng” để giới thiệu đã thu hút đông đảo người xem, đồng thời đã đưa điệu múa này về đúng “môi trường diễn xướng” của nó. Khách du lịch trong và ngoài nước đã có những giây phút thưởng thức nghệ thuật thật sự thú vị tại Festival Huế 2010. Đây là lần đầu tiên trong Festival Huế 2010 công chúng và du khách được thưởng thức điệu múa Lục cúng hoa đăng, do các nhà sư thể hiện kể từ khi điệu múa này được phục dựng theo nguyên bản. Đây được đánh dấu như một thành công lớn khi khai thác giá trị nghệ thuật trong Festival Huế phục vụ sự phát triển du lịch Huế.

Cũng từ Đại lễ Vesak 2008 trở đi, Lễ Phật đản đã được Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế và các ban ngành liên quan quan tâm và nâng tầm lễ hội, mục đích đưa Lễ hội từ phạm vi của một tôn giáo trở thành lễ hội của quảng đại quần chúng nhân dân. Từ chỗ chỉ kéo dài trong hai ngày, nay được nâng lên thành qui mô Tuần lễ Phật đản, trải qua 7 ngày trong không khí vui tươi, với nhiều hoạt động cúng dường, nhiều sự kiện đặc sắc được thay đổi qua từng năm. Hiện nay, lễ Phật đản đã trở thành một đại lễ lớn ở Huế và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo người dân xứ Huế cũng như của du khách thập phương. Điển hình như Lễ Phật đản 2013 vừa qua đã thu hút riêng 7 ngàn phật tử tham gia trực tiếp cùng hàng chục ngàn người dân và du khách đến xem và chiêm ngưỡng. Bên cạnh đó, nội dung của Lễ hội cũng không ngừng được cải tiến để đem lại sức hấp dẫn và thu hút sự quan tâm của người dân. Điển hình như phần Lễ rước Phật, có năm rước bằng xe hoa, có năm thay bằng thuyền hoa và có năm là rước bộ. Nhiều cuộc diễn thuyết và trưng bày triển lãm những đề tài, những tác phẩm liên quan đến Phật giáo cũng được tăng cường tổ chức tại Trung tâm văn hóa Phật giáo Liễu Quán Huế. Đồng thời, các chương trình văn nghệ Phật giáo do chính các tăng sinh và đoàn sinh thực hiện cũng được biểu diễn liên tục và thường xuyên tại Tổ đình Từ Đàm và một số ngôi chùa tiêu biểu khác của thành phố Huế. Phần nghi lễ trong ngày chính hội cũng được thực hiện trang trọng với sự góp mặt của lễ nhạc Phật giáo đặc trưng xứ Huế với các vũ khúc dâng hoa, các bài tụng, tán, sám... Có thể nói, rất nhiều những giá trị văn hóa Phật giáo đặc sắc của Huế đã được tái hiện một cách công khai cho dân chúng và du khách được chiêm ngưỡng mà không làm mất đi sự trang nghiêm và lễ nghi thành kính. Lễ hội Phật giáo Huế đã thu hút một lượng khách hành hương từ các tỉnh khác đến và cả các đoàn phật tử nước ngoài, họ tham dự lễ hội như chính người dân địa phương với niềm tin tâm linh sâu sắc. Cũng với tinh thần đó, lễ hội Phật giáo Huế đã quảng bá hình ảnh của mình đến với du khách, sự mộ đạo và niềm tin tâm linh hay tinh thần bao dung của Phật giáo đến với mọi người.

Về ẩm thực chay: Trong số các giá trị văn hóa Phật giáo Huế, có lẽ ẩm thực chay là được khai thác mạnh mẽ nhất và sâu rộng nhất trong hoạt động du lịch. Bởi ẩm thực chay là một bộ phận quan trọng và tinh túy nằm trong gia tài ẩm thực Huế từ lâu đã trở nên nổi tiếng trong lòng của du khách gần xa. Cũng chỉ có ẩm thực chay đã vượt ra khỏi khuôn viên của các tự viện để hòa nhập vào trong đời sống thường nhật của cư dân xứ Huế. Người Huế hầu như ai cũng ăn chay vào những dịp lễ như ngày rằm, mừng một, nhiều người còn ăn chay trường. Nấu món chay thể hiện tài nữ công gia chánh của người nội trợ Huế và tiếp đãi bạn bè bằng một bữa cơm chay do chính tay gia chủ nấu chính là thể hiện tấm lòng hiếu khách của người dân đất cố đô. Chính vì vậy, ẩm thực chay từ trong các ngôi chùa đã vào đến các gia đình và ra đến các quán hàng. Từ rất sớm, Huế đã khai thác lợi thế về ẩm thực chay - một trong những thương hiệu của du lịch Huế để thu hút đông đảo du khách. Vì vậy, khi thiết kế các tour du lịch đến Huế, các hãng du lịch luôn muốn cho du khách trải nghiệm thú vị về ẩm thực chay Huế, từ những món chay đơn giản, dân dã của Huế, cho đến những món ăn chay cầu kỳ được chế biến, trang trí và có hương vị hấp dẫn như những món ăn mặn hay món chay cung đình. Tất cả tạo nên sắc màu và không gian ẩm thực chay độc đáo theo chiều dài lịch sử và văn hóa Phật giáo của vùng đất cố đô, đã mang lại giá trị to lớn góp phần thu hút khách du lịch.

Hiện tại, trên địa bàn Thừa Thiên - Huế có hàng trăm đơn vị kinh doanh du lịch, cơ sở lưu trú, trong đó các khách sạn đều chú trọng khai thác thế mạnh về ẩm thực Huế để phát triển du lịch, trong đó có ẩm thực chay. Các công ty lữ hành đã tổ chức nhiều tour du lịch như: “Ẩm thực chay Huế về đêm”, tham quan Phố ẩm thực chay trong các Lễ hội Phật giáo...

Giờ đây ẩm thực chay được đưa vào đời sống hàng ngày, du khách có thể thưởng thức bất kỳ khi nào trong các nhà hàng tư nhân, các khách sạn. Ở Huế, có rất nhiều địa chỉ đáng tin cậy dành cho thực khách thưởng thức ẩm thực chay, tại các con phố lớn như Đinh Tiên Hoàng, Hàn Thuyên, Bến Nghé, Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Lê Lợi... Hàng chục quán chay thuộc các doanh nghiệp, nhà chùa hay hộ tư nhân mọc lên khắp nơi đã tạo thêm sự phong phú và đa dạng cho ẩm thực Huế, từ những cái tên quen thuộc như Bồ Đề của công ty Cổ phần Du lịch Hương giang, Liên Hoa thuộc Tuệ Tĩnh đường Liên Hoa đến các quán chay của các hộ tư nhân như Tịnh Tâm, Thiên Tâm, Thiên Phú, Bồ Đề Quán, Cát Tịnh... Có thể nói, ẩm thực chay đã trở thành một trong những hương vị không thể thiếu trong đời sống của người dân Huế cũng như khách du lịch. Do đó mà du lịch Huế càng ngày càng thu hút được đông đảo du khách, khách du lịch vừa được thưởng thức những món chay mới lạ, vừa được khám phá những giá trị đặc sắc mà ẩm thực chay Huế mang lại. Du lịch Huế càng thu hút khi trong những ngày Tết, những khách sạn, nhà hàng

ở Huế đều có một hệ thống ẩm thực chay - mặn để du khách lựa chọn, tạo điều kiện cho du khách đón một cái Tết Âm lịch đậm ấm như ở nhà. Mặn thì có bánh tét làng Chuồn, dưa món, giò heo bó, nem chả, hành muối, kiệu chua...; ngọt thì đủ loại mứt bánh: mứt gừng, mứt dừa, mứt khoai lang, mứt bí đao, mứt hạt sen, mứt me, mứt cóc, mứt xoài, bánh in, bánh thuẫn, bánh dẻo, bánh bó, chè xanh đánh, chè đông sương, chè khoai tía...

Như vậy, các quán chay hiện nay đã, đang tăng trưởng và phát triển rất nhanh. Thực tế cho thấy nhu cầu đến với ẩm thực chay ngày càng tăng nhất là vào các ngày rằm, mừng một điển hình nhất là mùa lễ vu lan báo hiếu. Một điểm được đánh giá cao trong các kỳ Festival Huế gần đây, ẩm thực chay đã được chú trọng với một không gian vô cùng độc đáo cùng với các loại thực phẩm chay của thiền môn được giới thiệu do các Sư cô chế biến, vừa đảm bảo nét đẹp truyền thống của dân tộc, vừa giới thiệu phương pháp chế biến đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Với chủ trương của ẩm thực chay trong Festival là mong người có duyên với ẩm thực chay có cái nhìn toàn diện về chế độ ăn uống, thái độ và phương pháp ăn uống cho sức khỏe và cộng đồng, giới thiệu món ăn chay truyền thống để phổ cập rộng rãi trong quần chúng tại các lễ hội và festival.

2.3.2. Những mặt chưa đạt được

Huế là một trong những điểm nhấn chính của du lịch Việt Nam, nhưng nếu so với tổng khách ở Việt Nam, khách du lịch đến Huế chỉ chiếm khoảng 25%. Điều này chứng tỏ sức hấp dẫn của du lịch Huế chưa được quảng bá, xúc tiến phù hợp; số lượng điểm đến nhiều nhưng chất lượng điểm đến chưa được đầu tư cao; sản phẩm du lịch-dịch vụ còn thấp... Một kết quả khảo sát của thành phố Huế cho thấy, khách nội địa quay trở lại Huế chiếm gần 39% trong khi quốc tế đến Huế chỉ chiếm dưới 10%. Tuy nhiên các loại hình du lịch chủ yếu dành cho du khách vẫn chỉ là tham quan danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử. Chùa chỉ là điểm đến phụ nhằm lấp đầy thời gian du lịch của khách. Mặc dù Huế là kinh đô Phật giáo xưa mang một bề dày về lịch sử văn hóa Phật giáo với những giá trị đặc sắc ít nơi đâu có được nhưng những chương trình du lịch Phật giáo hiện nay còn hạn chế, chất lượng điểm đến Phật giáo còn chưa được đầu tư nhiều nên chưa khai thác được hết giá trị vốn có mà văn hóa Phật Giáo mang lại. Nói cách khác, hiện nay chùa Huế giữ một vai trò quan trọng trong các tour tham quan du lịch Huế tuy nhiên du lịch chùa Huế chỉ còn ở dạng “cưỡi ngựa xem hoa”. Du lịch Huế vẫn chưa khai thác hết được giá trị kiến trúc điêu khắc, mới chỉ trình bày một cách thụ động cho du khách. Chùa Huế nơi thờ tự linh thiêng luôn rộng mở đối với mọi người, thế nhưng chỉ vẫn dừng lại

ở việc du lịch thưởng ngoạn cảnh quan, kiến trúc theo kiểu “ăn sẵn” gây lãng phí mà vẫn chưa khai thác được những ẩn chứa đằng sau mái ngói thâm u, tường rêu cổ kính của những ngôi chùa ấy là cả một kho tàng văn hóa, lịch sử, tôn giáo đặc sắc của đất và người xứ Huế. Hệ thống chùa ở Huế là nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc mà lâu nay chưa được quan tâm đầu tư khai thác đúng mức.

Điều đáng buồn là những giá trị của mảng điêu khắc dân bị mai một, khi các bia đá, chuông đồng, trống và tượng đều bị viết, vẽ chằng chịt bởi du khách khiến cho các hướng dẫn viên du lịch giải thích hết sức khó nhọc về “ý nghĩa” những dòng chữ này cho du khách nước ngoài. Một hướng dẫn viên du lịch bảo: “Phải cố mà giải thích sao cho khéo để giữ thể diện quốc gia”.

Ẩm thực chay ở Huế cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được ngành du lịch chú trọng khai thác thành một loại hình du lịch riêng biệt. Trong việc khai thác ẩm thực chay tại các lễ hội, các nhà tổ chức chưa chú trọng tổ chức những không gian ẩm thực và không gian thưởng thức ẩm thực hợp lí. Trong các hội chợ ẩm thực chay mang về mới lạ nên người đi xem phổ ẩm thực nhiều hơn người thưởng thức. Như trong Phố ẩm thực đêm trong năm 2010, con đường Bạch Đằng hai bên lề là hàng quán, giữa đường dày đặc xe máy chờ ba, chờ bốn, những chiếc xích lô chất đầy người chen chúc với người đi bộ làm bụi bay mù mịt. Trong lúc đó, những hàng quán bên đường không có nước rửa, phải đi xin từng xô. Vệ sinh an toàn thực phẩm vì thế rất đáng báo động. Nếu ngay từ đầu phố ẩm thực có bãi gửi xe vì quy định đi bộ và được cung cấp nước rửa thì điều đáng tiếc trên đã không xảy ra.

Điểm đáng lưu ý nữa là hầu hết nhà hàng chay đều chú trọng đến đối tượng khách là người dân thành phố Huế. Công tác quảng bá, giới thiệu giá trị ẩm thực chay còn hạn chế, du lịch Huế chưa thực sự quan tâm đầu tư quảng bá để thu hút thêm lượng khách quốc tế cũng như chưa chú trọng khai thác trong những dịp diễn ra các lễ hội tại các ngôi chùa Phật giáo. Việc nâng tầm vị thế cho nét văn hóa ẩm thực chay trong các hoạt động du lịch ở Huế sẽ tạo cơ hội cho việc thực hiện các tour du lịch ẩm thực, du lịch sinh thái, du lịch chữa bệnh kết hợp du lịch ẩm thực dưỡng sinh...

Về các lễ hội Phật giáo tổ chức thường niên Ban tổ chức chưa thiết kế được những không gian rộng rãi tổ chức lễ hội, khiến cho người tham dự khó chiêm ngưỡng được, nếu nhìn từ xa thì sẽ không thể thấy hết được sự hấp dẫn, vẻ độc đáo của văn hóa Phật giáo được trình diễn trên sân khấu. Hiện tượng chen lấn, thiếu

không gian trình diễn nghệ thuật và trưng bày làm cho không lộn tã, khai thác được hết những giá trị của văn hóa Phật giáo đối với du khách.

Các công ty du lịch vẫn “ngồi tại chỗ”, mà còn hạn chế tìm tòi, khai thác những nét độc đáo của văn hóa Phật giáo để giới thiệu cho du khách; vẫn theo “lối mòn” với những tour du lịch cũ quá truyền thống của ngành du lịch Huế; các chương trình du lịch còn nghèo nàn về nội dung, vẫn chỉ xoay quanh tham quan chùa chiền, văn cảnh, thưởng thức ẩm thực chay. Do đó, hiện trạng du khách chưa được thỏa mãn trong các tour du lịch một ngày với chương trình tham quan chùa chiền ngày càng nhiều, họ cảm thấy nhàm chán, gây ra tình trạng không muốn quay lại với tour tham quan mà họ đã đi.

Trong các tuyến lễ hành, ngoài việc được nghe, nhìn hệ thống nghi lễ một cách thụ động thì du khách chưa được hòa nhập vào không gian nghi lễ, chưa được nghe chính những người diễn xướng nói về những điều vi diệu của nghi lễ, nội dung của ca từ, những nét đặc trưng của các bài bản, giá trị nghệ thuật của âm nhạc, tác dụng về mặt tâm linh mà lễ nhạc mang lại.

Ngay cả điệu múa “Lục cúng hoa đăng” được biểu diễn trong Festival Huế năm 2010: Điệu múa đã được 30 vũ sinh (là Tăng sinh) biểu diễn rất thành công trong sự trầm trồ thán phục của công chúng và du khách. Tuy nhiên do mang tính biểu diễn, giới thiệu nên “môi trường diễn xướng” không là một kỳ đại lễ của Phật giáo có hương khói quyện tỏa có đèn nến lung linh nên chưa thể hiện được chức năng nghi lễ đặc thù của điệu múa.

Mặc dù văn hóa Phật giáo ở Thừa Thiên - Huế có nhiều tiềm năng nhưng chưa được quan tâm đầu tư và khai thác đúng mức. Giá trị tài nguyên văn hóa Phật giáo của Thừa Thiên - Huế tương đối đặc sắc nhưng chỉ mới khai thác được một phần nhỏ phục vụ du lịch, chủ yếu tập trung ở loại hình du lịch tham quan, văn cảnh chùa chiền. Chúng ta đều biết văn hóa Phật giáo có một ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống xã hội của người dân xứ Huế, là một tầng văn hóa nội tại ẩn tàng trong cả đời sống vật chất và tâm linh vì thế thật là dễ hiểu khi khách du lịch ai cũng có mong muốn được tiếp cận và thưởng thức văn hóa Phật giáo Huế đúng tầm với giá trị di sản mà thành phố Huế đang sở hữu.

TIỂU KẾT

Với bề dày về mặt thời gian, phong phú về số lượng các ngôi cổ tự, sự đa dạng về phong cách kiến trúc cùng với những nét độc đáo ở cảnh quan, cũng như truyền thống nhập thế giúp đời của Phật giáo Huế kết hợp với những ưu thế về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh - đây là những yếu tố vô cùng thuận lợi cho việc phát triển kinh tế du lịch nói chung và du lịch văn hóa Phật giáo nói riêng.

Bởi vì văn hóa Huế là một giá trị mới trong dòng chảy văn hóa Việt được khởi nguồn từ văn hóa Thăng Long, là thành quả của văn hóa từ nhiều miền đất nước hội tụ về tạo ra một giá trị mới, một sự biến đổi về chất, trong đó có sự tiếp thu những tinh hoa, những nét ưu việt của nền văn hóa bản địa, cụ thể là nền văn hóa Chămpa. Văn hóa Phật giáo là một hệ giá trị có khả năng tạo nên những lực hút thúc đẩy du lịch phát triển, nhất là du lịch văn hóa - tâm linh tại Huế. Vấn đề đáng quan tâm nhất là dòng văn hóa Phật giáo đang chảy trong Huế vẫn chưa được ngành du lịch và du khách cảm nhận được hết các giá trị như nó vốn có. Đó là điều mà giới nghiên cứu và ngành du lịch phải tiếp tục khám phá, thấu hiểu tường tận để khai thác tốt hơn.

CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHẬT GIÁO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ HUẾ

3.1. Định hướng phát triển du lịch của Thừa Thiên - Huế

Một trong những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Huế lần thứ X, nhiệm kỳ 2010-2015 đề ra là: Tập trung tối đa mọi nguồn lực và chính sách ưu tiên đầu tư xây dựng Huế trở thành trung tâm du lịch đặc sắc của cả nước và khu vực, ngành du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Gắn du lịch với văn hóa, di sản; văn hóa với di tích, cảnh quan thiên nhiên, liên kết với các vùng, miền, khu vực, quốc tế... Xây dựng hoàn chỉnh Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, tạo điều kiện đưa du lịch chiếm tỷ trọng lớn trong ngành dịch vụ, trở thành thương hiệu mạnh, hấp dẫn du khách và bền vững [19].

Theo quyết định phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh đã đề ra Quan điểm và mục tiêu phát triển du lịch như sau:

3.1.1. Quan điểm phát triển

Phát triển du lịch Thừa Thiên - Huế với tốc độ cao, có tính đột phá, tương xứng với tiềm năng và lợi thế tài nguyên thiên nhiên, lịch sử, văn hóa, đưa du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Phát triển du lịch Thừa Thiên - Huế phải đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển du lịch các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ, miền Trung - Tây nguyên và các trung tâm du lịch lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội... khu vực ASEAN, hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm tạo nên những sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế.

Phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế đảm bảo tính bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, tôn tạo các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn; góp phần giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống; đảm bảo về an ninh, chính trị và an toàn xã hội.

Phát triển du lịch dựa trên sự phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để đầu tư có hiệu quả cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ du lịch.

Phát triển du lịch Thừa Thiên - Huế thành một điểm đến với dịch vụ đồng bộ, các sản phẩm đặc trưng mang tính chất văn hóa, sinh thái, du lịch biển... có sức cạnh tranh cao và hướng tới đẳng cấp khu vực và quốc tế.

3.1.2. Mục tiêu phát triển

Tăng dần tỷ trọng đóng góp của du lịch vào GDP tỉnh góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

Phát triển du lịch góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển nhất là đối với tiểu thủ công nghiệp, làng nghề thủ công mỹ nghệ, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, tăng đóng góp ngân sách nhà nước.

Phát huy tối đa lợi thế so sánh, tập trung xây dựng Huế trở thành trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước. Đến năm 2015 lượng khách đến Thừa Thiên - Huế đạt hơn 4,2 triệu lượt khách du lịch, trong đó hơn 1,7 triệu lượt khách quốc tế; năm 2020 đón khoảng 6 triệu lượt khách du lịch, trong đó có hơn 2,5 triệu lượt khách quốc tế.

Phát triển du lịch làm tăng thêm giá trị nền văn hóa dân gian, giá trị của các di tích lịch sử, tự nhiên đặc thù của Thừa Thiên - Huế, đồng thời nâng cao dân trí, tạo thêm công ăn việc làm, hỗ trợ phát triển cộng đồng dân cư, tăng khả năng giao lưu văn hóa, thiết lập các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác mới.

Du lịch đã được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của Thừa Thiên - Huế, việc đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác các giá trị của di sản Huế là việc làm cấp thiết. Hơn thế nữa, du lịch không chỉ đơn thuần là một hoạt động kinh tế, nó còn mang nội dung nhân văn và xã hội sâu sắc, có thể thông qua hoạt động du lịch để truyền thụ kiến thức, giáo dục truyền thống và góp phần nâng cao dân trí. Để thực hiện được chức năng này, việc tổ chức, đào tạo cho những người cung cấp sản phẩm du lịch, hướng dẫn viên và xây dựng cơ chế chính sách nhằm huy động mọi nguồn lực, huy động sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của di sản Huế phải được xem là một nhiệm vụ trọng tâm hiện nay của các cấp chính quyền [19].

Tóm lại, giữ vai trò là đô thị hạt nhân, đô thị động lực, hơn lúc nào hết, Thành phố Huế phải quan tâm nhiều hơn đến phát triển du lịch trên địa bàn, để những nội dung mà Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh, thành phố đề ra thực sự đi vào cuộc sống.

Điều cần nhấn mạnh đầu tiên là các cơ quan chức năng của ngành văn hóa thể thao và du lịch cần nhận thức đầy đủ về di sản Huế. Huế không đơn thuần là một địa danh về mặt địa lý, mà Huế là một địa danh văn hóa, là tên gọi của một vùng văn hóa. Di sản Huế không chỉ có những thành quách, cung điện, lăng tẩm, mà còn có cả những hệ thống đình chùa, các giá trị lịch sử cách mạng, một kho tàng văn hóa phi vật thể khổng lồ. Sự phong phú, đa dạng và độc đáo của di sản Huế đòi hỏi phải có cách nhìn và cách ứng xử công bằng, khách quan cho từng loại giá trị để tiếp tục bảo tồn và phát huy chúng. Và điều không ai phủ nhận được đó là sự nghiệp bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản Huế không chỉ thuộc về các cơ quan chuyên môn và quản lý mà còn là trách nhiệm của người dân Huế, thông qua họ mà những cái hay, cái đẹp của văn hóa đến được với đông đảo du khách trong và ngoài nước.

3.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo tại thành phố Huế

3.2.1. Định hướng bảo tồn và khai thác giá trị văn hóa Phật giáo Huế

Nghiên cứu văn hóa Phật giáo là rất cần thiết trong việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy văn hóa nước nhà; tuy nhiên có thể nói cho đến nay, kể cả trong giới Phật giáo, chưa có những công trình nghiên cứu một cách toàn diện về văn hóa Phật giáo Việt Nam, ngoài một số tác phẩm nghiên cứu từng phần hoặc trực tiếp hay liên quan, nhưng phần nhiều mang tính tự phát.

Văn hóa là sản phẩm của con người xã hội, mang tính xã hội và việc bảo tồn, phát huy văn hóa chủ yếu là do quần chúng nhân dân thực hiện. Trong thời đại mới, sự tiếp xúc, hội nhập giữa các nền văn minh, văn hóa là tất nhiên; nhưng không phải ai cũng có đủ điều kiện để chọn lọc nhằm thấu nhận cái hay cái đẹp phù hợp với tính dân tộc, để có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa nước nhà. Người làm công tác nghiên cứu văn hóa nên thâm nhập vào lòng xã hội để tìm cách làm nổi bật cái hay, cái đẹp của văn hóa qua lối sống, cách nhìn, tư duy, tình cảm, cách ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với xã hội và giữa con người với môi trường thiên nhiên.

Bảo vệ và phát huy văn hóa chính là nhằm xây dựng một nhận thức về một lối sống hiền thiện, về cái hay, cái đẹp của truyền thống và thận trọng với những thị

hiều nhất thời có thể gây nguy hại cho văn hóa dân tộc. Đây là công việc của tất cả mọi người, của các nhà trí thức, nhà đạo đức, tôn giáo, của chính quyền. Riêng trong Phật giáo, để thực hiện công việc này, cần lưu tâm đến một số điểm cơ bản sau đây:

- Tăng cường việc phổ biến giáo lý của Đức Phật, đặc biệt là đạo đức học Phật giáo.

- Bảo tồn các cơ sở, tự viện, di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Phật giáo tại Huế.

- Khuyến khích việc giữ gìn và phát huy các tập tục tốt đẹp của người Phật tử (đến chùa, tham gia thực hiện các lễ lớn, ăn chay, thờ Phật, bố thí, phóng sinh...)

Không chỉ có vậy, việc khai thác và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo Huế là giải pháp tốt nhất để bảo tồn văn hóa Phật giáo xứ Huế, làm cho văn hóa đó gắn liền, hòa vào cuộc sống của xã hội đương đại, có tác dụng giáo dục và nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế tại địa phương.

Việc khai thác và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo cũng tạo điều kiện cho công tác phục hồi các nghi lễ và nghệ thuật Phật giáo truyền thống, nghệ thuật âm thực chay để phát triển mạnh mẽ đáp ứng các nhu cầu của ngành du lịch ngày càng lớn của Huế.

Lễ hội Phật giáo Huế là một bộ phận của văn hóa Phật giáo, nó đã đang được xiển dương một cách mạnh mẽ nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh, ước vọng của tín đồ, quần chúng để làm nổi bật nên giá trị độc đáo của Lễ hội Phật giáo mang đặc trưng của xứ Huế. Qua lễ hội cũng đồng thời thể hiện sự phát triển, sức sống của Phật giáo trong xu thế nhập thể với nhiều phương tiện khác nhau, đưa tín đồ, quần chúng đến với giáo lý giải thoát của Phật. Trên góc độ phát triển du lịch lễ hội, lễ hội Phật giáo Huế đã xác lập vị thế trên những giá trị văn hóa đặc trưng tôn giáo bên cạnh lễ hội dân gian truyền thống của cư dân xứ Huế, cho nên, phát triển lễ hội Phật giáo phục vụ cho các hoạt động du lịch cần phải có cái nhìn toàn diện, hợp lý và khai thác tối ưu những đặc trưng, đặc điểm, tính chất của lễ hội Phật giáo Huế trong từng trường hợp cụ thể. Do đó cần khôi phục lại các lễ hội Phật giáo truyền thống, đảm bảo tính uy nghiêm, linh thiêng, tôn vinh các giá trị văn hóa tâm linh đạo đức mà Phật giáo đem lại cho đời sống xã hội.

Hoạt động lễ hội được tổ chức hằng năm là cơ hội lớn để cố đô phô bày, trình diễn vẻ đẹp phong phú, giàu có về văn hóa của mình, nhất là các Lễ hội Phật giáo thu hút hàng nghìn Phật tử và khách du lịch. Và đây cũng chính là cơ hội để Huế kêu gọi sự hợp tác, đầu tư để bảo tồn và phát huy giá trị di sản truyền thống. Nghệ thuật là sự thể hiện cụ thể nhất giá trị văn hóa, cho nên việc tìm hiểu, bảo trì và phát huy nghệ thuật Phật giáo đối với hàng Phật tử trí thức là vô cùng quan trọng.

Khai thác các Đại lễ trong năm tại Huế theo lịch nhà Phật là một yếu tố quan trọng tạo nên các sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc, hấp dẫn. Trong nhiều ngôi chùa, đã hình thành những không gian văn hóa truyền thống điển hình - nơi diễn ra những sinh hoạt văn hóa Phật giáo, các nghi thức tôn giáo như: Lễ Vu Lan, Đại lễ Phật Đản, Đản Tràng giải Oan, chạy đàn cầu mưa, tụng kinh niệm Phật hàng ngày.... Như chúng ta đã biết, lễ hội văn hóa truyền thống được coi là một thành tố văn hóa mang giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu. Lễ hội văn hóa Phật giáo cũng là một thành tố văn hóa như vậy. Lễ hội Phật giáo còn là nơi tích hợp các mặt giá trị văn hóa phi vật thể rất phong phú và đa dạng. Ngoài phần nghi lễ Phật giáo, trong lễ hội ta thấy nhiều hình thức văn hóa nghệ thuật độc đáo khác như: trình diễn các hình thức nghệ thuật dân gian, đặc biệt là nghệ thuật Chèo gắn với các tích Phật, tích truyện giàu tính nhân văn, khuyến thiện - trừng ác, múa Phật giáo (Lục cúng hoa đăng), âm nhạc Phật giáo, các phẩm phục... Lễ hội Phật giáo cũng đóng vai trò là nơi giao lưu, cộng cảm và liên kết tinh thần trong các cộng đồng Phật tử ở từng đạo tràng nói riêng, cộng đồng cư dân ở các làng xã, vùng miền nói chung.

Đối với ngành văn hóa và du lịch cần xây dựng những kế hoạch cụ thể khai thác có hiệu quả các giá trị văn hóa Phật giáo, tạo sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc, tạo điều kiện cho mọi người dân có cơ hội để hiểu biết, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực nghệ thuật, bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hóa truyền thống, không để những giá trị đó bị hoang phế hóa từ những hoạt động du lịch.

Cuối cùng là giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Đây là vấn đề trung tâm, là thách thức to lớn nhất đối với những giá trị văn hóa Phật giáo Huế trong bối cảnh mới, đòi hỏi phải có một sự nhận thức đúng đắn trong toàn thể cộng đồng về giá trị văn hóa Phật giáo Huế. Cụ thể cần có một đường lối chiến lược đúng đắn cùng những sách lược linh hoạt của lãnh đạo địa phương, nỗ lực của đơn vị được trực tiếp giao phó việc quản lý khu di sản Huế, và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế cũng là một yêu cầu không thể thiếu trong bối cảnh hội nhập cùng thế giới.

Đây là một số giải pháp đưa ra ở phương diện vừa khai thác tối đa lợi ích vừa bảo tồn và giữ gìn được giá trị văn hóa. Đó là một bài toán khó đặt ra với ngành du lịch song từng bước chúng ta phải thực hiện được để ngày càng phát triển hoạt động du lịch theo hướng chuyên nghiệp nhưng vẫn dựa trên quan điểm phát triển bền vững mà Đảng và chính phủ đã vạch lối chỉ đường.

3.2.2. Bảo lưu các giá trị văn hóa Phật giáo truyền thống Huế

3.2.2.1. Bảo tồn giá trị kiến trúc đặc sắc trong chùa Huế

Hiện nay do sự phát triển kinh tế của đất nước, nên đời sống tinh thần của người dân được cải thiện, vì vậy họ có điều kiện tu bổ sửa sang lại những công trình kiến trúc Phật giáo đặc sắc, góp phần tôn vinh những giá trị văn hóa tinh thần quý báu. Song để quá trình đó thực thi có hiệu quả, các cơ quan chức năng cần có định hướng rõ ràng để việc tu bổ, tôn tạo đó vừa giữ được giá trị truyền thống, vừa mang hơi hướng của thời đại. Đặc biệt, cần bảo lưu các đặc điểm kiến trúc truyền thống, tránh lai căng pha tạp, luôn tôn trọng các giá trị đạo đức tốt đẹp của Phật giáo Huế đóng góp cho đời sống xã hội.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Phước Bảo Đàn, “trong không gian một kinh đô thơ mộng, núi đồi thấp và sông bình lặng, nét đẹp của Huế chỉ là cái đẹp tinh tế, không đồ sộ, khoa trương. Ngay cả kiến trúc cung đình so với những nước khác vẫn rất khiêm tốn, thì chùa Huế càng không thể là những chùa đồ sộ. Ở Huế chưa từng có những ngôi chùa trăm gian như chùa Đậu, hoặc những ngôi chùa mà phu phen phục dịch xây cất hàng vạn người suốt mấy năm trời như chùa Quỳnh Lâm ở Đông Triều, chùa Sài Nghiêm ở Chí Linh, chùa Hồ Thiên ở Kinh Bắc. Kiến trúc Huế vẫn bình dị, thân thiết, gần gũi với dân gian [15].

Với kiến trúc chùa Huế, có thể thấy rằng hiện nay đã và đang diễn ra cuộc cạnh tranh giữa cái “cao, to, hoành tráng” với “nhỏ nhắn, hiền hòa, ẩn tàng vào thiên nhiên”, về xu thế, tinh thần, lẫn quy mô giữa những ngôi chùa cũ và những ngôi chùa mới được trùng tu hoặc xây dựng. Để rồi có rất nhiều câu hỏi đặt ra nét đặc trưng của kiến trúc Huế và chùa Huế nói riêng là gì? Và khi Huế hướng đến việc xây dựng hình ảnh của một thành phố Festival, chùa Huế có còn là một điểm đến trong lòng du khách, một nét đẹp mà khách viễn phương cần phải chiêm ngưỡng khi đến đất thiên kinh? Chiêm ngưỡng, cho dù dưới bất kỳ hình thức nào: tham quan du lịch, hành hương, thiện nguyện... hay chỉ đơn giản là trải nghiệm.

Kiến trúc chùa Huế cổ truyền thường được kiến trúc trên dạng vật liệu nhẹ, tồn tại trong không gian, sinh cảnh có khí hậu ẩm thấp, nguy cơ thiên tai đe dọa thường xuyên, nên đa phần ngôi chùa Huế rất dễ hư hỏng. Chính vì thế, hình ảnh và quy mô hiện nay của ngôi chùa Huế, phần lớn đều là kết quả sau cùng của những đợt trùng tu, đại trùng tu, được tiến hành trong thế kỷ XX. Tuy nhiên, cho dù có tái thiết, thay đổi không gian, hay xây dựng bằng vật liệu hiện đại..., thì nhìn chung, chùa Huế vẫn giữ được nét truyền thống, phản ánh những mối quan hệ mật thiết với kiểu kiến trúc cung đình và dân gian xứ Huế, từ nội đến ngoại thất. Ngoài ra, chùa Huế cũng tiếp thu lối kiến trúc cất mái hai tầng, tạo dáng cổ lâu, làm cho mái chùa có phần thanh thoát, nhẹ nhàng (chùa Tây Thiên, Báo Quốc, Quốc Ân, Diệu Đế...). Bên cạnh đó, một số ngôi chùa khác vẫn giữ nguyên quy cách truyền thống với tầng mái liền, sâu và rộng, không có tiền đường phía trước chính điện (chùa Viên Thông, Quảng Tế, Thiên Hưng...) [15].

Kiến trúc chùa mới hiện nay dần xa rời mẫu hình của nhiều ngôi chùa cổ với sự thể hiện của vật liệu hiện đại, sự thu hẹp cảnh quan và nhu cầu mở rộng không gian. Tuy rằng, việc giải quyết mặt bằng sử dụng trong những ngôi chùa truyền thống Huế vốn đã xuất hiện từ rất sớm nhằm đáp ứng nhu cầu, lẫn số lượng tín đồ hành lễ bằng lối kiến trúc trùng thiềm - điệp ốc và trần thừa lưu, dạng cấu trúc này vẫn giữ được sự ấm áp, gần gũi khi chiều cao không gian bị giới hạn, sự xuất hiện của nhiều hàng cột không mang lại cảm giác chật chội mà rất ấm cúng khi những pho tượng Tam thế, Dược Sư, Phổ Hiền... vẫn hiển hiện trong tầm mắt người chiêm bái. Việc giải quyết không gian bằng tính năng vật liệu mới như hiện nay mang lại cảm giác cao lộng, phủ chụp và mang tính trấn áp của kiến trúc. Hiện nay, việc trùng tu tôn tạo chùa Huế đang rơi vào một số hiện tượng sau:

- Về kiến trúc: xu hướng Bắc hóa hoặc Trung Quốc hóa trên mặt thể hiện, cấu trúc, lẫn mô típ trang trí, làm mất đi những nét riêng của kiến trúc Huế.
- Không gian nội thất: xu hướng nâng chiều cao và mở rộng không gian nội thất dễ mang lại cảm giác trấn áp, người chiêm bái trở nên quá nhỏ bé trước một không gian có thể nói là rất “hoành tráng”, và để phù hợp với dạng không gian như thế này, hệ thống tượng thờ thường được làm lớn hơn. Hình ảnh đức Thích Ca lúc này không còn nguyên vẹn là vị bổn sư hiền từ và gần gũi trong lòng bổn đạo, mà phần nào đã trở thành vị giáo chủ với nhiều quyền năng, và ngày càng xa tầm với.
- Vườn chùa Huế: Những khu vườn Huế đặc trưng đã mai một, thay vào đó là hình ảnh của những tiểu cảnh Nhật Bản hoặc Trung Hoa. Tư tưởng Phật giáo vì thế cũng

chuyển lệch sang những biểu hiện của Lão giáo. Hòa vào thiên nhiên, trấn áp thiên nhiên là hai cách thể hiện, hai tinh thần khác biệt và là hai xu hướng hoàn toàn khác nhau. Đáng rằng, không như những loại hình di sản khác, ngôi chùa vẫn đã, đang và sẽ là vật thể sống trong lòng hàng triệu triệu tín đồ chứ không phải là một hóa thạch cần bảo tồn nguyên dạng, nhưng những biểu hiện của nhiều ngôi chùa Huế hiện nay làm nảy sinh nhiều vấn đề rất đáng quan tâm, nếu chúng ta chỉ nhìn chúng dưới con mắt của người làm văn hóa.

Mặc dầu, khác với những loại hình di sản kiến trúc khác của Huế, ngôi chùa là một loại hình di sản sống chứ không đơn thuần là một bảo tàng tín ngưỡng, nên sự vận động của nó trong xã hội hiện đại là xu thế dù muốn hay không chúng ta buộc vẫn phải đối diện. Tuy nhiên, nếu để nó “sống” một cách tự do, không quy tắc ràng buộc thì di sản kiến trúc đặc thù như chùa Huế sẽ không còn là chính nó. Chính vì thế, vẫn rất cần sự can thiệp của một bộ phận, bằng những nghiên cứu của mình, đúc kết thành những tiêu chí làm nên hình ảnh mái chùa xứ Huế trong lòng người Phật tử, lẫn du khách. Những tiêu chí này sẽ là bắt buộc đối với những ngôi chùa xây mới, hoặc cần phải cải tạo, nâng cấp - chỉ riêng về mặt đặc trưng kiến trúc. Nếu được như thế, dù tuổi đời không lớn, dù tồn tại dưới bất cứ “cơ thể” nào, hay quy mô nào, hình ảnh ngôi chùa vẫn mãi là một phần của di sản Huế: một di sản đặc biệt trong lòng một di sản đặc biệt. Và đây chính là một trong những thế mạnh cần lưu tâm trong chiến lược phát triển du lịch của Huế.

3.2.2.2. Bảo tồn Lễ nhạc Phật giáo Huế

Lễ nhạc, cũng như các loại hình nghệ thuật Phật giáo khác, được chi phối bởi hệ thống triết học và quan niệm của tôn giáo này. Nhưng, trên mỗi vùng đất cụ thể, trong quá trình hội nhập tiếp biến, Phật giáo của mỗi vùng đất đã có những cải biến linh hoạt để phù hợp với tâm lý cũng như quan niệm chung của dân chúng trên vùng đất đó. Lễ nhạc Phật giáo Huế cũng vậy, qua thời gian đã tạo riêng cho mình một dấu ấn, với những nét riêng biệt, trong dòng chảy âm nhạc truyền thống của dân tộc.

Ngoài việc kế thừa truyền thống âm nhạc vốn có của Phật giáo, tiếp biến lễ nhạc Phật giáo Trung Hoa, lễ nhạc Phật giáo Huế còn khéo léo vận dụng các hình thức âm nhạc vốn có của vùng đất này nhằm mục đích truyền bá, duy trì đạo pháp. Việc kế thừa những khoa nghi, cho đến các bài tán tụng, theo pháp độ và kinh điển

mà Phật giáo Trung Hoa đã thiết lập, đó là điều dễ nhận ra trong quá trình diễn xướng lễ nhạc Phật giáo Huế. Nhưng, âm điệu tán tụng cùng với âm nhạc phù trợ trong lễ nhạc Phật giáo Huế, trên phương diện ngữ âm, giai điệu và bài bản âm nhạc, thì lại hoàn toàn mang tính truyền thống của vùng văn hóa này. Chính vì thế, lễ nhạc Phật giáo Huế đã trút bỏ được nhiều màu sắc của lễ nhạc Phật giáo Trung Hoa, bằng những cải biến linh hoạt của mình.

Có thể nhận thấy, lễ nhạc Phật giáo Huế dễ dàng dung hợp được nhiều loại hình âm nhạc truyền thống khác, bởi vì đặc tính âm nhạc truyền thống của các dân tộc phương Đông và Việt Nam nói chung, cũng như âm nhạc truyền thống vùng Huế nói riêng, cho dù đã được ký âm, ghi lại bằng nhạc phổ, nhưng chúng thường có tiết tấu linh hoạt, không chuẩn hóa cao độ và trường độ như âm nhạc phương Tây, cho nên, mỗi trường phái, hay mỗi người thể hiện, không phải hoàn toàn là phiên bản của nhau, mà điều đó còn tùy thuộc trình độ thẩm âm, sự tài hoa, tâm trạng của từng người. Điều này lý giải cho việc vận dụng âm nhạc truyền thống vùng văn hóa Huế, kể cả âm nhạc cung đình, dù đã được diễn chế và trở thành quy tắc bắt buộc đối với các nhạc công khi biểu diễn, nhưng vẫn được thể hiện trong lễ nhạc Phật giáo Huế một cách hài hòa.

Sự linh động của Phật giáo Huế, vì mục đích hoằng pháp lợi sinh, đã vận dụng tối đa những lợi thế âm nhạc vốn có của vùng đất này để chuyển hóa vào trong nghi lễ. Trên chất liệu ca từ không thể vượt ra ngoài giáo lý nhà Phật, việc vận dụng các hình thức âm nhạc truyền thống nhằm tạo nên sự sinh động truyền cảm, thu hút lòng người đến với Phật pháp, truyền bá giáo lý, chuyển hóa nhân tâm là một thành công về Phật sự của các nhà hoằng pháp mà vai trò lễ nhạc Phật giáo Huế cần phải khẳng định. Mỗi một thể loại âm nhạc đều có một đời sống xã hội riêng, một môi trường diễn xướng chuyên biệt và mang một chức năng xã hội nhất định. Đối với lễ nhạc Phật giáo Huế, âm nhạc gắn bó chặt chẽ với nghi lễ, đó là một thực thể không tách rời. Các hình thức âm nhạc trong nghi lễ Phật giáo Huế được vận dụng một cách khá linh hoạt. Có thể nói, lễ nhạc Phật giáo Huế điểm chính yếu được chú trọng là thanh nhạc, nội dung mà âm nhạc tập trung chuyển tải chủ yếu thông qua các hình thức biểu đạt ý nghĩa bằng ca từ. Tương ứng với mỗi buổi lễ có các bài tán, tụng, niệm, xướng, dẫn, bạch, vịnh, thỉnh, ngâm, thài... phù hợp. Còn các nhạc cụ chỉ đóng vai trò thứ yếu, hỗ trợ cho nghi lễ, nhưng nó góp phần làm cho các buổi lễ trở nên trang nghiêm, long trọng, thu hút được lòng người, hướng

con người đến với đạo pháp, thâm nhập giáo lý của nhà Phật. Tính chất hùng tráng, trang nghiêm, cao quý của đại nhạc, tính chất sâu lắng, vui tươi, êm dịu của tiểu nhạc, trong âm nhạc cung đình, được vận dụng vào lễ nhạc Phật giáo Huế một cách linh hoạt. Đối với các bài bản không có lời ca đi kèm, so với âm nhạc chính thống được diễn chế ở cung đình, khi diễn tấu trong không gian nghi lễ Phật giáo hầu như không có sự khác biệt lớn. Những bài bản như: *Tam luân cửu chuyển*, được tấu lên mở đầu cho một đại lễ, lúc thượng phan sơn thủy, dịp khánh hạ...; còn *Đặng đàn kép*, *Đặng đàn đơn*... được dùng cung nghinh chư Tăng, thỉnh Sư dâng tòa hành lễ, thuyết pháp...; Và *Long ngâm (âm)* được dùng rất linh động khi chủ sám niệm hương hay đàn xen vào những khoảng trống của buổi lễ, khi không có lời tán tụng của các kinh sư...

Bên cạnh đó, những bài bản của âm nhạc dân gian vẫn được đưa vào diễn tấu trong nghi lễ Phật giáo Huế, chẳng hạn: *Thái bình*, *Cách giải*, *Tam thiên*, *Tứ châu*, *Lai kinh*, *Tán trao*,... và ngay cả bài *Phân hóa* diễn tấu trong lúc đốt vàng mã ở đình, miếu, từ đường, tư gia... và nhiều lễ tế khác trong dân gian cũng được vận dụng. Không chỉ như vậy, những làn điệu hò, lý, ngâm thơ, tùy vào từng lúc, cũng được vận dụng một cách triệt để. Tất cả làm cho lễ nhạc Phật giáo Huế trở nên phong phú, đa dạng hơn trong thể hiện.

Lễ nhạc Phật giáo Huế ngày xưa đã phát triển đến trình độ khá cao, điều đó có thể thấy được qua sự khảo cứu về lễ nhạc cổ điển. Nhưng lễ nhạc bây giờ của Phật giáo, theo người viết, về hình thức lẫn nội dung có lẽ thua kém xa ngày trước và phần nào không còn biểu lộ được nếp sống tâm linh siêu việt như lễ nhạc cổ điển. Lời văn trong nghi lễ đa phần là Hán văn, nhưng Hán ngữ ngày nay không được chú trọng và không phải ai cũng hiểu được ý nghĩa của lời bài tán, câu kệ... Chính vì thế để có thể bảo tồn và phát huy được những đặc trưng của Lễ nhạc Phật giáo nói chung và Lễ nhạc Phật giáo Huế nói riêng có thể dựa trên một số chủ trương và biện pháp sau:

- Lễ nhạc cần phải được thiết lập một cách nghiêm chỉnh căn cứ trên truyền thống cũ. Những thanh âm, điệu thức của Thiền gia phải được duy trì và sáng tạo. Việt hóa những văn bản chữ Hán để khế hợp với căn cơ người thời nay (những người không có trình độ Hán Văn).

- Về nhạc cụ có thể dùng bằng chất liệu ngày nay (kỹ thuật mới), phải có sự giao lưu giữa ba miền, tạo điều kiện gặp gỡ thường xuyên giữa các nhà nghiên cứu có kiến thức uyên thâm, kinh nghiệm hành trì về lễ nhạc Phật giáo.

- Giáo hội Phật giáo Huế cần phải thành lập một trường chuyên đề về âm nhạc Phật giáo hoặc có thể đưa lễ nhạc Phật giáo thành một môn học chính thức tại trường Phật học để các Tăng Ni trẻ có điều kiện tiếp xúc, hầu có những tư tưởng và cái nhìn đúng đắn về vị trí lễ nhạc trong Phật giáo.

- Những buổi lễ truyền thống Phật giáo như tết Nguyên Đán, Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan, các buổi lễ tưởng niệm quý Hoà Thượng có công trong Phật giáo... phải được sử dụng những nét nhạc cổ điển truyền thống, gạt bỏ những nét nhạc ngoại lai, và phải nghiên cứu kỹ có nên chăng cử xướng dòng nhạc này nơi Điện Phật trong những buổi lễ truyền thống.

- Đào tạo một số tu sĩ vững chãi về kiến thức và khả năng trong ngành nghi lễ, để có thể đưa lễ nhạc của đạo Phật tiến đến những hình thức phù hợp với tâm lý và ngưỡng vọng của con người thời đại đồng thời phải đào tạo một đội ngũ kế thừa truyền thống quý báu mà các vị tổ sư đã dày công xây dựng.

3.2.3. Tăng cường công tác nghiên cứu và thành lập Nhà Bảo tàng Văn hóa nghệ thuật Phật giáo Huế

Có nhiều ý kiến cho rằng với vốn văn hóa phong phú, đa dạng và vô cùng đặc sắc, Huế có đầy đủ điều kiện để thành lập nhiều nhà bảo tàng chuyên ngành như Bảo tàng Âm thực, Bảo tàng Nghi lễ, Bảo tàng Âm nhạc Cung đình và Bảo tàng văn hóa Phật giáo Huế. Những bảo tàng này sẽ là nơi lưu giữ những nét riêng độc đáo của lịch sử và văn hóa Huế, làm cho Huế khác với những nơi khác. Và quan trọng là, chỉ riêng Huế mới có thể xây dựng được những bảo tàng như thế nhờ những truyền thống văn hóa Phật giáo có tính đặc trưng riêng biệt đặc sắc của xứ Huế có giá trị to lớn. Thêm nữa, những kinh sách, những bài thuyết pháp của các vị quốc sư, những bài kệ - thi phẩm Thiền, những văn bia ở các chùa, các Thiền viện, những lễ hội Phật giáo được tổ chức hàng năm ở rất nhiều chùa chiền trên khắp đất nước, cũng như phép ứng xử chan hòa, bao dung và lối sống thanh sạch, cần kiệm, khiêm cung của những Phật tử chân tu, đều là những di sản văn hóa Phật giáo phi vật thể, nằm trong kho báu mà tổ tiên chúng ta để lại, rất cần được gìn giữ, kế thừa.

Đặc biệt, các cơ sở thờ tự của Phật giáo, những ngôi chùa hài hòa nét kiến trúc Phật giáo dân tộc và mang nét riêng đặc sắc của vùng Thuận Hóa. Đó là nơi tụ hội của làng, của cả vùng, trong những dịp lễ tết, những ngày hội chùa. Nhiều ngôi chùa có kiến trúc đẹp, có những pho tượng quý, cùng đồ thờ cúng, bài trí có dáng vẻ hấp dẫn, chạm khắc tinh xảo, thực sự là những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc.

Việc thành lập Bảo tàng văn hóa Phật giáo Huế là ước mơ của nhiều vị lãnh đạo Phật giáo ở trong cũng như ở ngoài nước từ mấy chục năm qua. Bởi vì những báu vật hiện được lưu giữ trong các chùa là tài sản riêng của các chùa, nên để thấy được những giá trị của chúng thì cần thống kê, chọn lọc và trưng bày tại một không gian riêng đủ lớn, đủ rộng để cho tất cả người dân và du khách đến Huế đều có cơ hội chiêm ngưỡng. Tuy nhiên để điều này có thể trở thành hiện thực thì việc quan trọng cần làm là:

- Lập một bộ atlas đánh dấu có hệ thống các chùa vua, chùa Tổ, chùa làng, chùa dân lập trên toàn cõi Thừa Thiên - Huế;

- Điều tra, thống kê, chú giải về hoàn cảnh ra đời của các hiện vật cổ trong các chùa (có thể nhờ sinh viên các Học viện Phật giáo thực hiện); nếu cổ vật không được đưa về trưng bày ở Nhà bảo tàng, những người ngưỡng mộ khi xem Atlas có thể đến tham quan tại chỗ (cũng giúp cho các chùa ở các vùng hẻo lánh có dịp đón khách đến thăm);

- Giáo hội cần soạn thảo một qui chế hoạt động của Nhà Bảo tàng, qui định rõ quyền sở hữu của các chùa đối với những hiện vật đưa đến trưng bày trong Nhà Bảo tàng;

- Giáo hội kêu gọi Phật tử trong và ngoài nước dành một phần tiền làm chùa mới, tiền cúng dường cho Quỹ Xây dựng Nhà Bảo tàng văn hóa Phật giáo Huế.

Trước khi viên tịch, Hoà thượng Thích Thiện Siêu có tâm sự với những người quan tâm đến Bảo tàng văn hóa Phật giáo ở Huế rằng chính quyền Thừa Thiên - Huế cũng đã rất quan tâm đến vấn đề này. Như thế ý của nhà nước và lòng Phật tử Huế đã gặp nhau. Phải chăng chỉ còn vấn đề thời gian?

Ngoài ra Huế cũng có thể thành lập một nhà Bảo tàng chuyên về ẩm thực nhằm tôn vinh di sản ẩm thực đặc sắc của vùng đất cố đô, trong đó có ẩm thực chay. Điều này có thể thực hiện được bởi du khách luôn có mong muốn có cơ hội

tìm hiểu và trải nghiệm nhiều hơn với những nét văn hóa của những vùng đất mình đi qua, đặc biệt là tìm hiểu thông qua ẩm thực. Ngoài việc trực tiếp thưởng thức các món ăn, thức uống, du khách còn có nhu cầu tìm hiểu về lịch sử của món ăn, về các nguồn nguyên liệu và những tinh hoa trong nghệ thuật chế biến, bày biện và thưởng thức món ăn đó. Do vậy, một bảo tàng ẩm thực là nơi thích hợp nhất để du khách tìm đến nhằm thoả mãn nhu cầu tìm hiểu và khám phá nền văn hóa ẩm thực của xứ Huế.

Bảo tàng ẩm thực Huế sẽ là nơi trưng bày và giới thiệu tất cả những gì liên quan đến văn hóa ẩm thực Huế; từ các món ăn, đến những tinh hoa trong tuyển chọn nguyên liệu, tẩm ướp gia vị, kỹ thuật nấu nướng, cho đến những triết lý khi bày biện đồ ăn thức uống và nét văn hóa khi thưởng thức. Ở đó sẽ có những không gian riêng cho ẩm thực cung đình, ẩm thực dân gian và ẩm thực chay. Đó sẽ là nơi giới thiệu cả món mặn lẫn món chay; cả các thứ thưởng thức tại chỗ lẫn hàng quà mua về. Bảo tàng ẩm thực Huế sẽ là một “bảo tàng mở”, nơi du khách không chỉ được chiêm ngưỡng các món ăn, thức uống được giới thiệu qua các hiện vật, hình ảnh, tư liệu thành văn, phim ảnh, băng từ..., mà còn là nơi họ được tham gia trực tiếp vào quá trình tuyển chọn nguyên liệu, ướp tẩm gia vị, nấu nướng các món ăn dưới sự hướng dẫn của các nghệ nhân ẩm thực. Và sau cùng, đó là nơi họ có thể thưởng thức những món ăn do chính họ làm ra theo phong cách Huế và thấm đẫm phong vị Huế.

Bảo tàng ấy nên tồn tại trong một không gian nhà vườn Huế, với những cấu trúc liên hoàn được hình thành từ những ngôi nhà rường kiểu Huế. Và nếu được, nên có một khoảnh vườn để trồng các thứ cây gia vị Huế. Sau cùng bảo tàng ẩm thực Huế không nên tồn tại một cách riêng biệt như những bảo tàng khác từng thấy ở Huế mà chỉ là một điểm dừng trong tour “du lịch ẩm thực” khép kín. Sau khi ghé thăm bảo tàng để tham quan, chiêm ngưỡng di sản ẩm thực Huế được trưng bày nơi đây, du khách sẽ tiếp tục tour “du lịch ẩm thực” của mình bằng việc cấp giò đi chợ với “một bà nội trợ xứ Huế” để học cách lựa chọn nguyên liệu, hay ghé qua một điền viên để lựa mua những con gà, con cá, mớ rau... được chăm sóc và nuôi trồng theo công nghệ “sạch”. Sau cùng mới trở về bảo tàng học cách nấu nướng và thưởng thức những “món ăn Huế” mà tự tay họ làm ra để thấy được tất cả những giá trị đặc sắc của ẩm thực chay xứ Huế.

Đề Huế có được một bảo tàng ẩm thực xứng tầm, thì du khách đến Huế sẽ có thêm một điểm đến hấp dẫn và ngành bảo tàng Huế sẽ có một điểm son trong đánh giá của du khách bốn phương.

3.3. Một số giải pháp khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ phát triển du lịch tại thành phố Huế

Phật giáo và những vấn đề thuộc về Phật giáo xứ Huế đã và đang là một mảng rất quan trọng làm nên hình ảnh của một thành phố Festival. Tuy nhiên, việc nghiên cứu, và định hướng khai thác giá trị loại hình văn hóa này vẫn còn đang ở mức độ nhất định và đang cần nhiều sẽ chia nhằm có được một loại hình du lịch khai thác được các giá trị văn hóa Phật giáo mà không làm biến dạng những giá trị mà tôn giáo này mang lại.

3.3.1. Xây dựng các chuyên tour du lịch đến các chùa

Chùa Huế là một thực thể sống động và phát triển, chứa đựng những dòng chảy văn hóa đặc sắc nổi quá khứ với hiện tại, nối con người với văn hóa tâm linh... Đến với chùa Huế, du khách không chỉ được ngắm cảnh vườn thiền, thưởng thức ẩm thực chay Huế... mà còn được đắm mình trong dòng lịch sử, văn hóa Phật giáo đặc trưng của vùng đất Phú Xuân - Huế.

Mỗi ngôi chùa không chỉ là một công trình kiến trúc độc đáo hòa quyện giữa con người với cảnh quan thiên nhiên, mà còn là một địa chỉ lịch sử, văn hóa, tâm linh đặc sắc. Nhiều ngôi chùa đã trở thành biểu tượng đặc trưng trong đời sống văn hóa tâm linh Huế, trong đó có những ngôi Tổ đình, cổ tự nổi tiếng từ hàng trăm năm như Chùa Thiên Mụ, Từ Đàm, Báo Quốc, Từ Hiếu, Quốc Ân, Trúc Lâm, Thiền Tôn, Trà Am, Vạn Phước...

Chùa Huế xuất phát có 2 loại: một là những ngôi thảo am nhỏ nhắn giữa chốn núi rừng thâm nghiêm, hai là cổ tự khang trang, vàng son lộng lẫy nhờ sự cúng dường từ vua quan, nhưng không gian, kiến trúc, mô típ trang trí chùa Huế đều hài hòa với thiên nhiên.

Thông qua việc khảo sát thực trạng du lịch hiện nay, nhu cầu của nhiều đối tượng du khách cũng như bản thân điều kiện cụ thể tại các ngôi chùa Huế, chúng ta có thể xây dựng một số chuyên tour du lịch đến các ngôi chùa Huế nhằm nâng cao khả năng khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo Huế phục vụ phát triển du lịch.

3.3.1.1. Tour tham quan, văn cảnh chùa Huế trong thời gian một ngày

Du khách sẽ được tham quan từ ba đến bốn ngôi chùa tiêu biểu và nổi tiếng của xứ Huế như hai ngôi quốc tự dưới triều Nguyễn: Thiên Mụ và Diệu Đế; trung tâm giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế: chùa Từ Đàm và ngôi chùa thờ các thái giám triều Nguyễn: chùa Từ Hiếu. Với chuyên tour này, du khách sẽ di chuyển bằng phương tiện xe ô tô, buổi trưa sẽ được các vị sư mời ăn cơm chay tại chùa Từ Đàm. Điểm nhấn của tour là trong thời gian ngắn ngủi, du khách sẽ được trở về với thiên nhiên, được đắm mình trong cảnh sắc hữu tình của các ngôi chùa Huế, được nghe kể về lịch sử phát triển Phật giáo xứ Đàng Trong và đặc biệt là được nghe giới thiệu về những nét kiến trúc, điêu khắc đặc sắc trong từng ngôi chùa. Tuy nhiên, chuyên tour này cũng đòi hỏi hướng dẫn viên phải là những người có kiến thức sâu sắc để có thể truyền tải được cho du khách hết cái hay cái đẹp ẩn tàng trong những nếp ngói chùa thâm nghiêm. Có lẽ những trải nghiệm mới về 1 ngày trong chùa sẽ giúp cho du khách thập phương có cái nhìn khách quan hơn về Phật giáo của Huế. Đến chùa ăn chay, khám phá ẩm thực chay của Huế và kiến trúc lịch sử của chùa để thấy lòng mình bình tâm hơn trong vòng quay gấp gáp của cuộc sống hiện đại và thứ âm thanh tinh khiết của chuông chùa sẽ khơi dậy trong tâm hồn con người những ý nghĩ tốt đẹp.

3.3.1.2. Tour du lịch hành hương

Du lịch hành hương là một loại hình du lịch cho những ai thực sự muốn hướng thượng, giải tỏa mọi căng thẳng, chuyển hóa mọi phiền não trong thân tâm thông qua chuyến hành hương đến những địa điểm thiêng liêng mà người hành hương mong muốn. Do đó, tour du lịch hành hương không những hoàn thiện về tâm linh mà nhu cầu vật chất cũng phải được đảm bảo một cách tốt nhất, vì thân không cực khổ mới dẫn đến tâm an lạc.

Về cơ bản, có thể chia du lịch hành hương thành hai loại dựa trên yếu tố nhà tổ chức là công ty du lịch hay do chính các chùa đứng ra tổ chức. Đối với loại hình do công ty lữ hành tổ chức lại có thể chia thành hai dạng: một là hành hương theo yêu cầu và hai là hành hương theo tour. Tour theo yêu cầu sẽ do khách hàng tự chọn địa điểm, thời gian dừng lại các địa điểm hành hương, đơn vị lữ hành sẽ đảm bảo về đi lại, dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi... Còn hành hương theo tour có sẵn sẽ đưa khách đến các địa điểm nổi tiếng, thường là theo dạng đi hàng loạt chùa, tổ chức làm việc thiện, thả chim phóng sinh... Loại tour này cũng có các loại hình đi kèm thêm như ẩm thực chay, trà đạo, thuyết pháp...

Điểm chung của các loại hình du lịch hành hương do các đơn vị Phật giáo tổ chức là giá rất rẻ, có khi chỉ bằng phân nửa so với các công ty du lịch. Ngoài ra, do hướng dẫn viên cũng đồng thời là các nhà tu hành nên có quan hệ rộng với các

chùa khác, am hiểu cặn kẽ về văn hóa-lịch sử Phật giáo của từng địa phương, cho nên có thể vừa đồng hành khách hành hương, vừa sẵn sàng giải đáp những thắc mắc liên quan đến sinh hoạt tín ngưỡng. Tuy nhiên, điểm khó của các loại hình du lịch hành hương hiện nay là các đơn vị du lịch thì thiếu sự hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến tôn giáo, còn các đơn vị tôn giáo thì thiếu những dịch vụ du lịch chuyên nghiệp. Chính vì vậy, để có thể tổ chức thành công một tour du lịch hành hương ở Huế, nên xem xét các yếu tố như:

+ Về địa điểm: nên chọn chùa Từ Đàm vì ngôi chùa này có lịch sử phát triển lâu dài và thăng trầm cùng lịch sử Huế cũng như lịch sử Phật giáo xứ Đàng Trong; Kiến trúc của chùa hiện nay là khuôn mẫu cho nhiều ngôi chùa khác ở Huế; với vị thế là Trung tâm giáo hội Phật giáo Huế nên tại đây cũng thường diễn ra các đại lễ lớn của Phật giáo cổ đô.

+ Về hình thức nhà tổ chức: Các công ty du lịch nên có kế hoạch kết hợp với nhà chùa để đưa du khách tham dự tour du lịch hành hương này, công ty sẽ lo về khâu tổ chức cơ sở vật chất cho chuyến đi, còn các nhà sư trong chùa sẽ đóng vai trò thuyết minh và hướng đạo cho du khách trong suốt thời gian tham gia các hoạt động ở chùa.

+ Về đối tượng khách: Nên hướng tới các đối tượng du khách là khách quốc tế và khách nội địa đến từ các tỉnh thành khác nhau trong cả nước.

+ Về thời điểm tổ chức: Có thể tổ chức vào những ngày đại lễ lớn của Phật giáo như Lễ Phật đản, Lễ Vu Lan, Lễ vía Phật A di đà (rằm tháng giêng)...

+ Về nội dung chương trình Tour: xây dựng một chuỗi các hoạt động cho du khách để du khách có được những trải nghiệm tốt nhất của một chuyến hành hương như tham quan văn cảnh, thưởng thức ẩm thực chay, nghe thuyết pháp, cùng nhau ngồi thiền và nếu có thể sẽ được hòa mình trong không khí lễ hội và được tìm hiểu trực tiếp về các thời khóa lễ nghi và nghệ thuật âm nhạc Phật giáo.

3.3.1.3. Du lịch thiện nguyện - Thực hành chánh pháp

Theo quan điểm của Thượng toạ Dhamma Chariya Ribaun Korn thuộc bộ Tôn giáo và Tín ngưỡng Campuchia cho rằng du lịch chánh pháp có nghĩa là cuộc hành trình với chánh pháp. Không có gì hạnh phúc và an vui cho bằng khi chúng ta đồng hành với chánh pháp. Du khách thường đi trên con đường (walk on a path) trong khi người Phật tử thì thực hành con đường (walk a path). Chỉ khi nào thực hành con

đường chân chánh, chúng ta mới hướng đến giải thoát thật sự (Thích Nhật Từ, 2010). [21]

Chính vì vậy, du khách đến Huế có thể kết hợp du lịch và thực hành pháp thí, trong đó có cả việc truyền dạy những kinh nghiệm, nghề nghiệp của mình cho những thân phận thiệt thòi trong xã hội, đem lại hạnh phúc cho người khác chính là niềm hạnh phúc của bản thân. Với những trung tâm dạy nghề từ thiện như chùa Long Thọ, chùa Tây Linh (số 1 Tôn Thất Thuyết) với hơn 200 học viên là những trẻ em khuyết tật, đó là những địa chỉ mà du khách có thể đến để trực tiếp tham gia giảng dạy với rất nhiều nghề như may, thêu, đan, mộc mỹ nghệ...

Không chỉ giúp người khác giảm đi những khó khăn về mặt vật chất, Phật tử còn quan niệm giúp cho người khác không còn sự sợ hãi, không còn sầu muộn, không bi quan yếm thế, có thể vươn lên thấp lên ánh sáng niềm tin. Hiện nay chùa Đức Sơn đang nằm trong tour du lịch thiện nguyện quốc tế do Grand Circle Travel tổ chức thông qua hình thức tài trợ cơ sở vật chất hơn 3000usd/năm. Mặt khác, Cô nhi viện Đức Sơn cũng là một trong những địa chỉ nhân đạo của các thiện nguyện viên quốc tế với hơn 25 du khách - chủ yếu từ châu Âu đã đến chùa dạy tiếng Anh cho trẻ mồ côi nơi đây trong thời gian 1 tuần (2010). Đồng thời, Cô Nhi viện Đức Sơn vận động cứu trợ 1.082.700.000 đồng, xây dựng 16 căn nhà tình thương, thành lập 10 Trường Mẫu giáo với 81 lớp, có 1.270 cháu theo học, họ thường không còn nghĩ về sự giải thoát cho bản thân mà còn phải giúp người khác, không chỉ bố thí về mặt vật chất mà còn bố thí cả về tinh thần thông qua hoạt động ấn tống kinh sách hay cúng dường tam bảo, đúc chuông, tượng. Thông qua đó, tính thiện, hướng thiện của Phật pháp lan tỏa đại đồng. Không chỉ thức tỉnh tính thiện của mình và cho những người khác, nhiều Phật tử khi đến Huế còn thực hành hạnh bố thí bằng hành động cúng dường các dạng pháp khí như chuông, tượng..., góp phần chuyển tải âm thanh vi diệu của Phật pháp, thực hành Vô tự chân kinh. Từ nhu cầu đó cộng với tiềm năng hơn 56 làng nghề truyền thống, trong đó có những nghề nổi tiếng như đúc đồng Phường Đức, chạm khắc Mỹ Xuyên, thêu ren... với trình độ tay nghề điêu luyện, những người thợ thủ công Huế có thể chế tác các sản phẩm tự khí tinh xảo đa dạng về chủng loại, phong phú về kích thước, hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu, khiếu thẩm mỹ của bộ phận khách du lịch đặc biệt đó. Các làng nghề thủ công cũng là điểm đến quen thuộc của những Phật tử trong thực hành chánh pháp, làm từ thiện giúp đạo, giúp đời [21].

3.3.1.4. Du lịch thiện nguyện - Sinh hoạt gia đình Phật tử

Theo thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế, hiện nay toàn tỉnh có 91 đạo tràng Gia đình Phật tử, trung bình mỗi đạo tràng có từ 100 đến 500 Phật tử tham gia tu tập, có nơi gần 1.000 Phật tử tham gia. Đồng thời, tính toàn tỉnh có 197 đơn vị Gia đình Phật tử với 17.764 huynh trưởng và đoàn sinh đăng ký sinh hoạt trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam [21].

Gia đình Phật tử Thừa Thiên - Huế là một tổ chức xã hội Phật giáo có lịch sử lâu đời và được tổ chức quy mô với nhiều hoạt động phát triển Phật pháp và xã hội phong phú như: sinh hoạt cúng dường các ngày lễ truyền thống Phật giáo và lễ tang, tưởng niệm, húi kỵ chư Tôn đức hữu công, tích cực tham gia các phong trào từ thiện xã hội như phòng chống HIV/AIDS, hiến máu nhân đạo... Mô hình kết hợp du lịch và cùng tham gia sâu vào những hoạt động Phật sự xã hội phong phú của Gia đình Phật tử có thể tạo nên những nét khác biệt cho du lịch thiện nguyện Huế không chỉ dành riêng cho Phật tử mà còn là điểm hấp dẫn, lôi cuốn tầng lớp thanh niên trong và ngoài nước.

Với bề dày về mặt thời gian, đông đảo về số lượng các ngôi cổ tự, sự phong phú về phong cách kiến trúc cùng với những nét độc đáo ở cảnh quan, kết hợp với những ưu thế về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nơi đây, cũng như truyền thống "nhập thế" giúp đời của Phật giáo Huế là những yếu tố cực kỳ thuận lợi cho việc phát triển kinh tế du lịch nói chung và du lịch thiện nguyện nói riêng. Những di sản văn hóa Phật giáo, nổi bật với những hoạt động từ thiện xã hội rộng rãi và chuyên sâu là những điều kiện tốt cho loại hình du lịch thiện nguyện có điều kiện phát triển, để lại ấn tượng tốt trong lòng du khách. Đó cũng là một phương cách để ngành du lịch Huế đa dạng hóa sản phẩm, níu kéo thời gian lưu trú và tăng thêm số lần ghé lại của du khách. Như vậy, có thể thấy rằng những Trung tâm thiện nguyện Phật giáo Huế ngoài ý nghĩa là một con đường hoằng pháp, đồng thời nó còn mang một ý nghĩa xã hội to lớn, thể hiện tinh thần "nhập thế", chung vai gánh vác những khó khăn cho xã hội. Từ đó, vô hình trung, thiện nguyện Phật giáo sẽ đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch Huế.

3.3.2. Nâng tầm Lễ hội và tăng cường khai thác giá trị văn hóa Phật giáo trong các Lễ hội Phật giáo tại Huế

Trong xu thế của xã hội hiện đại, nhu cầu tâm linh của con người luôn được đặt ra và chú trọng nhiều hơn, và hình thức du lịch tâm linh hay du lịch hành hương vốn đã có từ lâu, nay lại được đặt ra, đồng thời được gắn liền với lễ hội và lấy nó như là một hướng chiến lược quan trọng để phát triển du lịch. Cho nên, phát triển du lịch gắn liền lễ hội Phật giáo với Huế là một hướng khai thác giá trị văn hóa Phật giáo với tiềm năng phát triển du lịch tâm linh hấp dẫn và đa dạng, đồng thời qua đó, cũng cho thấy nhiều vấn đề đã, đang đặt ra nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Phật giáo Huế trước những tác động của xu thế xã hội, cũng như trong mối quan hệ gắn kết: văn hóa - du lịch hay lễ hội Phật giáo - du lịch tâm linh trong bối cảnh xã hội đương đại.

Mặc dù có nhiều phương thức khai thác khác nhau, ví dụ như thực hiện festival lễ hội Phật giáo Huế, giống như thành phố đã từng năm thực hiện các festival về các nghề thủ công truyền thống, điều này có thể thực hiện được bởi Huế là vùng đất Phật, tinh thần Phật giáo thấm đượm trong các sinh hoạt của con người nơi đây với niềm tin tâm linh chi phối mạnh mẽ nên các lễ hội diễn ra đều có sự tự nguyện của mỗi người dân dù họ là tín đồ hay không phải tín đồ khi tham gia vào lễ hội.

Huế có hai Lễ hội Phật giáo quan trọng có thể chọn làm điểm nhấn để thu hút khách du lịch đến và tìm hiểu về những giá trị văn hóa Phật giáo Huế. Đó là các Lễ Phật đản và lễ hội Quán Thế Âm, những năm qua đều đã thu hút một lượng khách hành hương từ các tỉnh khác đến và cả các đoàn Phật tử nước ngoài, họ tham dự lễ hội như chính người dân địa phương với niềm tin tâm linh sâu sắc. Cũng với tinh thần đó, lễ hội Phật giáo Huế đã quảng bá hình ảnh của mình đến với du khách, sự mộ đạo và niềm tin tâm linh hay tinh thần bao dung của Phật giáo đến với mọi người.

Cái hay và hiệu quả kinh tế từ việc phát triển du lịch tâm linh/hành hương trong hệ thống lễ hội truyền thống của dân tộc Việt đang ngày được khẳng định một cách chắc chắn. Do đó, hướng khai thác du lịch tâm linh là một trong những hướng khai thác lễ hội Phật giáo Huế khá thuận tiện và hiệu quả. Bởi vì thời gian, chương trình thực hiện lễ hội đã được ấn định rõ ràng (mặc dù ở các nơi khác Phật giáo cũng tổ chức các ngày lễ vía quan trọng này) và các giá trị văn hóa đặc trưng được thể hiện qua lễ hội chính là sức hút mọi người đến với lễ hội Phật giáo Huế.

Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả khai thác những kể hội này trong hoạt động du lịch, không đơn thuần chỉ để cho du khách hòa vào dòng người đi xem lễ, hay đến chùa chiêm bái thấp hương mà quan trọng hơn cả là tạo cho họ không gian để có thể cảm nhận cái hay, cái đẹp, để có thể thẩm thấu những giá trị tinh thần tâm linh sâu sắc của văn hóa và nghệ thuật Phật giáo Huế, mà một trong những giá trị văn hóa cần được đẩy mạnh khai thác đó là Lễ nhạc Phật giáo Huế.

Do tính chất đặc thù của lễ nhạc Phật giáo, âm nhạc gắn bó chặt chẽ với nghi lễ nên không thể tách riêng phần âm nhạc ra để thể hiện, như một số loại hình âm nhạc khác. Nếu đưa lễ nhạc Phật giáo thành một loại hình dịch vụ để phục vụ du khách, bằng cách sân khấu hóa, thiết kế bài bản, chiêu tập kinh sư, nhạc công, ấn định thời gian diễn xướng... để bán vé cho du khách thưởng lãm, như ca Huế, nhã nhạc là điều không cần thiết bởi làm như vậy sẽ mất đi tính thiêng liêng của loại hình giáo nhạc này. Rõ ràng, điều này khó có thể được chấp nhận từ những người diễn xướng, nhất là những người tu hành.

Để lễ nhạc Phật giáo Huế đến được với du khách một con đường tiện lợi nhất đó chính là giới thiệu cho du khách đến trực tiếp tham dự các nghi lễ của Phật giáo. Trong tất cả các nghi lễ thường nhật, thường nguyệt, thường niên và các nghi lễ đặc biệt của Phật giáo Huế, bao giờ cũng toát lên những nét đặc trưng về âm nhạc riêng có ở vùng đất này. Tuy nhiên, người hướng dẫn cần phải dẫn giải, giới thiệu giúp cho du khách có thể khám phá, trải nghiệm. Đó cũng là một cách làm tăng thêm sức hấp dẫn của du lịch Huế nói chung và du lịch Phật giáo Huế nói riêng.

Trong các tuyến lữ hành, ngoài việc được nghe, nhìn hệ thống nghi lễ vừa đề cập một cách thụ động, chúng ta cũng nên nghĩ đến một tuyến du lịch khác mà du khách được trực tiếp tham gia hành lễ một cách chính thức vào nghi lễ của Phật giáo Huế, tất nhiên điều đó phải được thỏa thuận và có sự nhất trí của nhà chùa trong một nghi lễ cụ thể. Ở đó, trước khi được hòa nhập vào không gian nghi lễ, du khách có thể được nghe chính những người diễn xướng nói về những điều vi diệu của nghi lễ, nội dung của ca từ, những nét đặc trưng của các bài bản, giá trị nghệ thuật của âm nhạc, tác dụng về mặt tâm linh mà lễ nhạc mang lại. Có thể các công ty lữ hành, khai thác kết hợp thưởng thức lễ nhạc Phật giáo Huế với các loại hình du lịch như: tham quan, chiêm bái, kỳ nguyện, ẩm thực... trong một tuyến du lịch Phật giáo Huế mà lễ nhạc như một điểm nhấn thú vị. Có người hiểu biết dẫn giải là

điều rất cần thiết, nếu không du khách khó có thể lĩnh hội được hết những nét độc đáo của lễ nhạc Phật giáo Huế, chẳng hạn, phần lớn ca từ trong lễ nhạc Phật giáo Huế đều sử dụng từ Hán Việt, đây là một điểm du khách khó có thể hiểu được ý nghĩa chuyển tải thông qua ca từ, mà thanh nhạc là điểm chính yếu của lễ nhạc.

Bên cạnh Lễ nhạc, một giá trị văn hóa Phật giáo khác của Huế cũng đã được khai thác khá thành công trong hoạt động du lịch những năm vừa qua đó chính là ẩm thực chay. Nhận thức được giá trị của việc ăn chay và ý nghĩa của việc quảng bá ẩm thực chay đến các phật tử cũng như nhiều đối tượng du khách, văn hóa ẩm thực chay đặc sắc của xứ Huế đã được đem ra giới thiệu tại một số lễ hội Phật giáo và các kỳ Festival trước đây như Đại lễ Phật đản 2009, 2010, Festival “Bếp Việt trong vườn Huế” 2011 và đã thu được những thành công nhất định. Song tiềm năng của ẩm thực chay còn có thể khai thác nhiều hơn thế. Để ẩm thực chay ngày càng đến được với nhiều người hơn, thiết nghĩ không nên tổ chức dàn trải hoặc lặp đi lặp lại một loại lễ hội mà có thể thay đổi linh hoạt theo từng năm. Nói cách khác, mỗi một năm nên chọn một lễ hội đặc trưng về phật giáo tại Huế để làm đòn bẩy đưa khách đến, đồng thời khắc phục được tính mùa vụ trong du lịch. Chẳng hạn năm nay có thể tổ chức vào dịp đại lễ Phật đản (tháng 4 âm lịch), năm tới tổ chức vào mùa Vu lan báo hiếu (tháng 7 âm) hoặc cũng có thể nghiên cứu lễ hội Quán Thế Âm (ngày 18,19 tháng 6 âm), biến lễ hội này thành một sự kiện văn hóa - tôn giáo lớn của tỉnh và tổ chức thay đổi thường xuyên hàng năm.

Tại những lễ hội này, Ban tổ chức cần nghiên cứu để tạo ra những không gian riêng biệt, độc đáo cho việc trình diễn ẩm thực chay. Đó có thể là một khung cảnh không gian hết sức bình dị và duyên quê với những ngôi nhà tranh tinh tế, dễ thương, được trang trí bằng những giàn bầu, giàn mướp cùng các loại cà, ớt, mồng tơi...; đó cũng có thể là không gian của một ngôi chùa cổ kính, một khu vườn thiền hay thậm chí là một gian thiền đường thanh tịnh, trầm mặc, giản dị, đơn sơ... Trong những không gian đó sẽ diễn ra các hoạt động như: giới thiệu các thực phẩm chay; thuyết giảng cho du khách có cái nhìn đúng đắn về giá trị của việc ăn chay, chế độ ăn uống khoa học, thái độ và phương pháp ăn uống cho sức khỏe và cộng đồng; giới thiệu món ăn chay truyền thống để phổ cập rộng rãi trong quần chúng. Đồng thời không thể thiếu đi phần quan trọng nhất là du khách sẽ được tận mắt chứng kiến các sư cô cùng phật tử chế biến những món chay truyền thống xứ Huế và thưởng thức tại chỗ. Chút duyên quê tạo thêm chút thanh đạm và thiền vị giúp

du khách có một cảm giác đầy thành kính để hướng về đạo tâm thanh tịnh, về nẻo chính của Phật pháp, và đạt tới sự hòa hợp thăng hoa giữa Đạo và Đời.

Song song với việc khai thác tại các lễ hội riêng của Phật giáo, ẩm thực chay cũng nên được quan tâm quảng bá sâu rộng tại các kỳ Festival được tổ chức 2 năm một lần tại Huế. Một trong những biện pháp khả thi là **Tổ chức hội chợ ẩm thực**, trong đó bên cạnh việc giới thiệu các món mặn, không thể không dành những không gian riêng cho các món chay. Để tạo ra sức hấp dẫn với du khách thì yếu tố quan trọng không thể thiếu là quảng bá, tiếp thị các món ăn chay đến với du khách. Vì vậy, thông qua hội chợ ẩm thực chay, du khách sẽ có được cái nhìn gần gũi hơn và tổng thể hơn về những món ăn chay xứ Huế. Họ cũng có cơ hội được thưởng thức trực tiếp, tại chỗ, từ đó tiếp tục giới thiệu sâu rộng hơn đến bạn bè và người thân.

3.3.3. Hướng tới xây dựng Festival văn hóa tâm linh Huế

3.3.3.1. Tiền đề tổ chức Festival tâm linh

Tại Hội thảo “Di sản văn hóa Phật giáo và vấn đề phát triển du lịch ở Huế” được tổ chức vào tháng 5/2010, nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân đã đưa ra một đề xuất được nhiều học giả quan tâm là tiến tới xây dựng một Festival tâm linh gắn liền với văn hóa Phật giáo Huế và đời sống tâm linh của người Huế. Cơ sở để ông Nguyễn Đắc Xuân đưa ra đề xuất này là theo tác giả, Huế có nguồn tài nguyên du lịch tâm linh ưu việt, cụ thể là:

"Không cần phải làm một cuộc khảo sát, chúng ta cũng có thể thấy được: Thừa Thiên Huế nói chung và Thành phố Huế nói riêng được thiên nhiên và con người ban tặng, trong vòng bán kính 40 km, Huế có đủ cảnh quan tiêu biểu của các địa phương của nước Việt Nam:

- Rừng núi nguyên sinh ở Bạch Mã, ở phía tây các huyện Nam Đông A Lưới không thua gì Cúc Phương, Tam Đảo, Sa-Pa.
- Vùng núi đồi phía Tây Huế, rừng thông Thiên An, không thua gì các đồi thông Đà Lạt.
- Các bãi biển Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô không thua gì các bãi biển ở Đà Nẵng, Nha Trang.

- Vùng đồng ruộng bao la ở các huyện Phong Quảng Điền người ta có thể nhầm là vùng ruộng đồng Nam Bộ.

- Ngoài ra, Huế còn có những tài nguyên du lịch không nơi nào có được. Đó là con sông thơ mộng Hương Giang, vùng đầm phá Tam Giang-Cầu Hai, nhã nhạc và quần thể di tích văn hóa lịch sử Cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là hai di sản văn hóa thế giới, có hàng trăm ngôi chùa vua, chùa quan, chùa sắc tứ, chùa tổ, chùa làng...

Nếu xem nguồn tài nguyên du lịch đa dạng trên đây là “phần cứng” - không gian để tổ chức du lịch sinh thái - du lịch tâm linh, thì “phần mềm” - những yếu tố làm nên nội dung du lịch sinh thái - tâm linh phục vụ du khách ở Huế cũng vô cùng phong phú (Ở đây không đề cập đến các yếu tố phục vụ phát triển du lịch văn hóa lịch sử đang phục vụ).

- Môi trường yên tĩnh, không gian nguyên sơ còn tương đối nhiều; ở vào trung độ của nước Việt Nam, có sân bay quốc tế, có cảng biển nước sâu;

- Có đầy đủ vật phẩm sạch để chế biến các món ăn chay;

- Có truyền thống nấu chay rất ngon, với một “đội ngũ” đầu bếp đông đảo;

- Có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni uyên bác có kinh nghiệm rao giảng Đạo Phật, đưa Đạo Phật hiện đại hóa vào đời;

- Còn giữ được di sản âm nhạc Phật giáo, giữ được và có thể huy động được nhiều cổ vật Phật giáo quý giá trong và ngoài nước mà khách du lịch văn hóa quan tâm;

- Huế bí ẩn, vẫn “luôn luôn mới” dưới mắt những người thích khám phá.

- Trong thế giới âm hồn, biết bao người đã chết trong biến cố lịch sử như biến cố Nguyễn Huệ từ Qui Nhơn ra giải phóng Phú Xuân trong tay quân Trịnh năm 1786 (cuối thế kỷ 18), biến cố Thất thủ Kinh đô mở đầu thời Pháp thuộc năm 1885, (cuối thế kỷ 19), biến cố Mỹ phản kích hồi Tết Mậu thân 1968 (nửa sau của thế kỷ 20).

- Thừa Thiên Huế là nơi có số lượng địa chỉ cúng tế thờ tự nhiều nhất ở Việt Nam: Ngoài các chùa, các nhà thờ họ, trên địa bàn Thành phố Huế, trước đây, BAVH

khảo sát và thống kê có đến 214 nơi thờ cúng khác. Chỉ ở Huế mới có đàn Âm hồn của Nhà nước và nhiều đàn âm hồn của dân chúng, đặc biệt, Huế có Nghĩa trang Ba Đồn - nghĩa trang liệt sĩ lớn nhất và xưa nhất ở Việt Nam.

- Sống trong không gian lịch sử - thế giới của âm hồn, cho nên từ vua xuống đến thần dân Huế đều rất quan tâm đến việc tế tự cúng dường. Các tế lễ quốc gia như Tế Nam Giao, Tế Xã Tắc, Tế Thần hoàng, Tế thần Sông, Tế thần Biển, Tế Thần Núi, Tế Thần Lửa, Tế Âm Hồn, giỗ tổ và nghệ nhân Hát Bội ở Thanh Bình Từ Đường... Trong dân gian, làng xã nào cũng có tế, lễ; dòng họ nào cũng có “việc họ” cúng tế tổ tiên dòng họ mình. Đặc biệt ở Thừa Thiên Huế còn có tục Cúng Đất - nhớ ơn những người đã khai sơn lập ấp làm nên hai châu Ô, Lý tiền thân của địa bàn Trị Thiên Huế ngày nay; cúng 23 tháng 5 tưởng nhớ cúng dường những người đã chết trong ngày Thất thủ kinh đô năm 1885; lễ Điện Hòn Chén vào Rằm tháng 3 và Rằm Tháng 7 hằng năm cúng dường thần nữ Thiên-y-a-na, bà Liễu Hạnh”. [15 ; tham luận của Nguyễn Đắc Xuân, *Phật giáo Huế và Festival tâm linh*].

3.3.3.2. Mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức Festival tâm linh

Nếu đề án tổ chức Festival tâm linh Huế được đưa vào thực thi, sẽ có một ý nghĩa to lớn và toàn diện, tác động đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực văn hóa xã hội khác nhau. Trước hết, với Phật giáo - tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo nhất Việt Nam hiện nay, tổ chức Festival giúp cho dân chúng trong và ngoài nước, người Việt và người ngoại quốc được tiếp cận với Đạo Phật một cách khoa học, văn hóa, văn minh. Không chỉ có vậy, thông qua Festival này, đạo Phật nói chung và văn hóa Phật giáo Thuận Hóa - Phú Xuân xưa nói riêng được truyền bá rộng rãi, làm sống dậy những di sản văn hóa Phật giáo đã bị lãng quên. Việc tổ chức Festival thành công cũng góp phần đem lại một nguồn kinh phí để trùng tu, tôn tạo các ngôi chùa đang bị xuống cấp. Đồng thời, Huế tổ chức Festival tâm linh để phát huy tính ưu việt của lễ hội ở Huế góp phần giáo dục dân chúng về lễ hội, cũng là tạo cơ hội cho dân chúng nhớ ơn những người mình đã chịu ơn, đến với Phật thánh để thân tâm được an lạc.

Với ngành văn hóa du lịch: Có Festival tâm linh, Huế phát huy được một thế mạnh và sự độc đáo khác của mình - tức Kinh đô của Phật giáo Xứ Đàng trong. Với sự tham gia của Giáo hội Phật giáo, các cư sĩ và Phật tử hữu tâm từ khắp mọi

miền tổ quốc, việc tổ chức Festival đậm chất tâm linh hứa hẹn đem lại một hình ảnh khác cho hoạt động lễ hội, khắc phục được tình trạng cán bộ nhà nước làm du lịch - sân khấu hóa mọi hoạt động của lễ hội. Festival tâm linh tạo điều kiện cho đông đảo quần chúng tham gia, làm cho nội dung du lịch Thừa Thiên - Huế trở nên phong phú, thiết thực, sống động và luôn luôn mới. Hơn nữa, du khách đến tham dự Festival tâm linh, ngoài việc tham gia vào chuỗi các hoạt động tôn giáo thì dịch vụ chủ yếu mà họ sử dụng như lưu trú, ăn uống, đi lại vẫn do ngành du lịch Huế cung cấp. Không những thế, đến Huế trong dịp Festival tâm linh, du khách cũng được tự do thoải mái lựa chọn cho mình những tuyến du lịch và những điểm tham quan khác đã từ lâu trở nên nổi tiếng ở Huế. Nói một cách khác, Festival tâm linh có thể do Ban trị sự Phật giáo Huế chịu trách nhiệm tổ chức chính nhưng việc thực hiện, ngoài một số chùa, tự viện, thì vẫn đòi hỏi sự tham gia, sự chia sẻ và chung sức của các doanh nghiệp lữ hành - khách sạn trên địa bàn thành phố Huế.

Do đó, nếu chủ trương Festival tâm linh sớm trở thành hiện thực, Huế - thành phố Cố đô, cũng nổi tiếng là Kinh đô của Phật giáo Xứ Đàng trong, nay sẽ có dịp phát huy cả hai thế mạnh ấy. Thừa Thiên Huế nói chung và Thành phố Huế nói riêng sẽ trở thành Thành phố văn hóa lịch sử tâm linh mà không nơi nào trên nước Việt Nam có thể so sánh được.

3.3.3.3. Phác thảo nội dung tổ chức Festival tâm linh

Trên cơ sở thống kê tài nguyên văn hóa tâm linh của Huế, nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân cho rằng Huế có đầy đủ tiềm năng để tổ chức một kỳ Festival tâm linh xen kẽ với các kỳ Festival hiện nay đang do ngành Văn hóa thể thao và du lịch tổ chức vào các năm chẵn. Người viết cũng đồng quan điểm với nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân và hy vọng rằng một Festival tâm linh như vậy sẽ sớm được tổ chức ở vùng đất cố đô để các giá trị văn hóa Phật giáo đặc sắc của Huế không bị mai một, mà còn được giới thiệu một cách sâu rộng đến bạn bè và du khách bốn phương. Đề án xây dựng Festival tâm linh đó có thể có những điểm cần lưu ý như sau:

- Thời gian tổ chức: Nên tổ chức cùng với Tuần lễ Phật đản tại Huế hiện nay, tức là vào tháng tư âm lịch. Festival có thể kéo dài 7 ngày, trước rằm tháng tư 3 ngày và tiếp nối sau đó 3 ngày. Có thể tổ chức vào các năm lẻ nhưng với qui mô 2 năm/ lần.

- Nhà tổ chức: Ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế nên kết hợp với Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, Trung tâm văn hóa Phật giáo Liễu Quán ở Huế, các chùa, các Công ty khách sạn - du lịch trong và ngoài tỉnh; đồng thời kêu gọi các doanh nhân, các cư sĩ trong, ngoài tỉnh và cả nước ngoài tham gia xây dựng chương trình, thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức Lễ hội.

- Nội dung tổ chức:

+ Tham quan chùa Huế: không chỉ dừng lại ở các ngôi chùa nổi tiếng mà còn xây dựng thêm các chương trình du lịch về các ngôi chùa làng.

+ Hội thảo, pháp thoại: Vận dụng giáo lý Đạo Phật giải quyết những vấn đề của cuộc sống đương đại đang đặt ra: Vấn đề môi trường, vấn đề hạnh phúc, vấn đề ẩm thực, vấn đề sinh sản, vấn đề tín ngưỡng với khoa học, vấn đề Đạo Phật hiện đại hóa; vấn đề đưa Đạo Phật vào cuộc đời, Giới thiệu các Tỳ-kheo, các Cư sĩ đã có công lớn với Phật giáo và đất nước; Người Phật tử Kinh doanh, làm giàu như thế nào, Những giá trị của nhạc Phật giáo, Văn học nghệ thuật Phật giáo, Mối quan hệ giữa những người thân trong gia đình, cá nhân với gia đình, cha mẹ, nuôi dạy con... Chủ đề các cuộc hội thảo có thể thay đổi qua từng năm.

+ Dự các khóa tu, tham dự các Trai đàn, cúng dường âm hồn, tọa Thiền chữa bệnh

+ Xem văn nghệ Phật giáo trên bộ và trên sông nước.

+ Biểu diễn nghệ thuật Phật giáo tại Trung tâm văn hóa Liễu Quán, tại các chùa.

+ Tái hiện các thời khóa lễ nghi của chư tăng và tạo không gian mở cho du khách có nhu cầu tham dự.

+ Xem triển lãm nghệ thuật Phật giáo, xem triển lãm cổ vật (của Phật giáo Huế và của các chùa trong và ngoài nước).

+Nghệ thuật bonsai Phật giáo.

+ Ăn chay, tham dự các khóa dạy nấu các món chay, chế biến thức ăn chay, trồng rau sạch....

Ông Nguyễn Văn Cao, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế, cho biết: Văn hóa tâm linh đã đi vào đời sống của người dân thành phố Huế nói riêng và tỉnh Thừa Thiên - Huế nói chung. Đây là nét mới, nét độc đáo, là sản phẩm du lịch mới để tỉnh Thừa Thiên - Huế đưa vào khai thác loại hình du lịch tâm linh và tiến tới là xây dựng Festival tâm linh [31]. Điều này được khẳng định qua nhiều công trình đã, đang và sắp được xây dựng như Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã, Thiền viện Hương Vân, trường Đại học Phật giáo Huế... Tin rằng trong một thời gian không xa, một kỳ Festival tâm linh Huế, gắn liền với các giá trị văn hóa Phật giáo Huế sẽ sớm được khai mở, vừa để hướng thiện cho người dân và du khách, vừa góp phần đem lại một diện mạo mới cho thành phố Festival của Việt Nam.

TIỂU KẾT

Những đóng góp to lớn của Văn hóa Phật giáo đã để lại những giá trị tinh thần vô giá, là những di sản văn hóa phi vật thể, là sự kết tinh tài năng của trí tuệ Việt Nam qua nhiều thế kỉ, là những hình ảnh sinh động về sự hội tụ văn hóa trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước. Với ý nghĩa to lớn sâu xa về nhiều mặt, cùng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, cùng các cấp ban ngành chức năng, đã đưa ra những chính sách phù hợp, tạo ra những loại hình du lịch độc đáo liên kết được các giá trị văn hóa Phật giáo, các khu du lịch tâm linh nổi tiếng nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước tới tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu. Tuy nhiên để khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo có hiệu quả tốt hơn trong việc phục vụ cho hoạt động kinh doanh du lịch tương xứng với tiềm năng vốn có, cần có ý thức khai thác các giá trị văn hóa Phật giáo đi đôi với việc bảo vệ, không làm mất đi giá trị truyền thống. Phát triển du lịch tôn giáo, du lịch tâm linh tín ngưỡng không chỉ hấp dẫn du khách trong và ngoài nước mà còn chứng tỏ được sự hấp dẫn, lí tưởng và an toàn cho sự lựa chọn của khách du lịch.

Du khách đến Huế vẫn ao ước bắt gặp thêm ở Huế cái tinh thần sáng tạo vô biên của văn hóa Phật giáo, dựa trên sự cởi mở, tranh luận và khám phá chứ không dừng lại thường thức thụ động những giá trị đã được khẳng định từ hàng trăm năm trước.

Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa phi vật thể như giáo lý, triết học, giáo dục, âm nhạc, nghi lễ... của Phật giáo được coi là sự nghiệp hàng đầu để bảo

tồn sinh mệnh của Phật giáo Việt Nam đồng thời là nghĩa vụ cao cả của toàn xã hội, đặc biệt là của Giáo hội và Tăng Ni, Phật tử trong cả nước.

KẾT LUẬN

Phật giáo là một tôn giáo có ảnh hưởng sâu đậm trong lòng các dân tộc Á Đông nói chung và dân tộc Việt nói riêng. Tác dụng của tôn giáo, chính yếu là đời sống tinh thần - Văn hóa biểu hiện được đời sống ấy. Do vậy, chỉ cần nhìn vào văn hóa, người khác có thể đánh giá được nét đẹp của đời sống dân tộc Việt. Với lịch sử hình thành và phát triển trên 7 thế kỷ (1305 - nay) có thể khẳng định rằng Thuận Hóa - Phú Xuân là vùng đất có bề dày lịch sử. Song song với quá trình hình thành và phát triển, mảnh đất này đã để lại trong kho tàng văn hóa dân tộc những tài sản vô cùng to lớn, đó là những giá trị vật thể và phi vật thể. Trong những bộ phận cấu thành di sản văn hóa Huế, Phật giáo và những vấn đề thuộc về Phật giáo xứ Huế đã và đang là một mảng rất quan trọng làm nên hình ảnh của một thành phố di sản. Đó là tính đa dạng trong hệ cảnh quan, trang trí nội thất của những ngôi chùa Huế, là những giá trị trong nghệ thuật tạo hình kiến trúc, điêu khắc, lễ hội và nghệ thuật diễn xướng mang hơi thở của Phật giáo xứ Đàng Trong nói chung và Phật giáo xứ Huế nói riêng. Có thể nói đó là sự đa diện trong sinh hoạt văn hóa thông qua các lễ hội, sinh hoạt của tăng chúng - Phật tử, văn hóa ẩm thực... phản ánh những ảnh hưởng của giáo lý nhà Phật, được luân chuyển một cách lặng lẽ trong đời sống thường nhật, và trong mạch nguồn văn hóa Huế.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu, và định hướng khai thác giá trị loại hình di sản này vẫn còn đang ở mức độ nhất định. Trong thời gian qua, nhiều sự kiện, lễ hội Phật giáo được tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, thu hút rất nhiều sự quan tâm của công chúng, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề luận bàn và tranh cãi về việc kế thừa, phát huy và biến di sản văn hóa Phật giáo thành một loại hình sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch.

Để các giá trị văn hóa Phật giáo Huế được bảo lưu một cách nguyên vẹn và tiếp tục được phát huy trong cuộc sống hiện đại, thiết nghĩ mỗi người hãy góp thêm một chút công sức vào công cuộc phục hưng văn hóa của dân tộc. Đồng thời để văn hóa Phật giáo Huế đến được với bạn bè và du khách bốn phương, điều này phụ thuộc rất lớn vào vai trò của ngành du lịch, đặc biệt là của những người trực tiếp làm du lịch - những nhà điều hành, những hướng dẫn viên và cả những du khách

đều đang là những mảnh ghép để làm nên một bức tranh du lịch tôn giáo hoàn chỉnh của Việt Nam.

Đề tài “Khai thác giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ sự phát triển du lịch tại Thành phố Huế” là một đề tài không mới nhưng vẫn luôn là vấn đề được ngành du lịch quan tâm. Rõ ràng rằng những giá trị văn hóa tại những công trình kiến trúc Phật giáo này là rất lớn và đó chính là tiềm năng vô giá cho sự phát triển du lịch nhưng thực trạng hoạt động du lịch tại đây luôn phải đối mặt với những vấn đề khiến các nhà quản lý phải suy nghĩ. Đó là vấn đề làm cách nào để khai thác được tối đa những giá trị tiềm ẩn phục vụ cho hoạt động du lịch, mang lại nguồn lợi cho các tổ chức, địa phương và quốc gia. Đó là vấn đề vừa khai thác nhưng phải giữ gìn và bảo tồn được nét văn hóa Phật giáo cha ông để lại cho thế hệ tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách, báo, tạp chí:

1. Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, NXB Thuận Hóa, 1984.
2. Nguyễn Đăng Duy, *Phật Giáo Với Văn Hóa Việt Nam*, NXB Hà Nội, 1999
3. Bùi Minh Đức, *Văn hóa ẩm thực Huế*, NXB Văn hóa văn nghệ, 2011.
4. Lê Văn Hào, *Huế giữa chúng ta*, NXB Thuận Hóa, 1984.
5. Thích Nguyên Hiền, *Các loại hình nghệ thuật văn hóa Phật giáo*, Đạo Phật ngày nay, 2010.
6. Hoàng Thị Như Huy, *Nghệ thuật ẩm thực Huế*, NXb Thuận Hóa, 2007.
7. Nguyễn Minh Huệ, *Ẩm thực chay Huế và khả năng khai thác phục vụ phát triển du lịch*, Khóa luận tốt nghiệp ngành VHDL, ĐH DLHP năm 2011.
8. Tạ Quốc Khánh, *Nhà Nguyễn với việc trùng tu chùa tháp, phát triển Phật giáo xứ Huế xưa*, tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9 - 2008.
9. Nguyễn Quang Lê, *Văn Hóa Ẩm Thực Trong Lễ Hội Truyền Thống Việt Nam*, NXB Văn Hóa Thông Tin Hà Nội, 2003.
10. Nguyễn Nhã (Chủ biên), *Độc đáo ẩm thực Huế*, NXb Thông tấn, 2011.
11. Thích Phụng Sơn, *Những Nét Văn Hóa Của Đạo Phật*, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, 1995.
12. Trần Kiều Lại Thủy (1997), *Âm nhạc cung đình triều Nguyễn*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.
13. Trương Minh Trai , *Tổng quan văn hóa Huế*, NXb Đại học Huế, 2008.
14. Hoàng Ngọc Vĩnh, *Nét riêng Phật giáo Huế*, tạp chí Huế xưa và nay số 13, 1995.
15. Hội thảo Khoa học “Di sản văn hóa Phật giáo và vấn đề phát triển du lịch ở Huế”, Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Thông tin tại Huế, 07/05/2010.

II. Website:

16. www.webdulichhue.com
17. www.huecity.gov.vn
18. www.thuathienhue.gov.vn
19. www.Svhttdl.hue.gov.vn
20. www.thuvienhoasen.org.vn
21. www.Vanhoamientrung.org
22. www.Daophatngaynay.com
23. www.Hue.vnn.vn
24. www.wikipedia.org
25. www.Google.vn
26. www.khamphahue.com.vn
27. www.phattuViệtnam.net
28. www.dulichhue.com.vn
29. www.netcodo.vnn.vn
30. www.Giacngo.vn
31. www.lieuquanhue.vn
32. www.vietbao.vn
33. www.dantri.com
34. www.tuvienhuequang.com
35. www.huefestival.com
36. www.lehoi.cinet.vn
37. www.sukientrongnuoc.vn

PHỤ LỤC

1. Một số chùa tiêu biểu ở Huế



Chùa Thiên Mụ lung linh về đêm



Tháp Phước Duyên và đại điện Chùa Thiên Mụ



Chùa Từ Đàm



Chùa Từ Hiếu

2. Ẩm thực chay Huế



Thanh cao cơm sen xứ Huế - Mâm cỗ chay Huế



Ăn thực chay mùa Phật đản tại Huế 2010



Không gian ẩm thực chay Huế tại Festival nghệ truyền thống Huế 2011

3. Lễ hội Phật giáo Huế



Đại lễ Phật Đản - chùa Từ Đàm



Đoàn rước Phật đi ngang qua cầu Trường Tiền và Đài Thánh Tử Đạo

4. Tái hiện điệu múa Lục cúng hoa đăng tại Festival Huế 2010



Xếp hình chữ



Múa chông bình